

TRƯỜNG THANH MÃN

NGOẠI GIAO TRUNG QUỐC

Người dịch: ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Hiệu đính và Giới thiệu: TS. DƯƠNG NGỌC DŨNG



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGOẠI GIAO TRUNG QUỐC

Trương Thanh Mẫn

ISBN: 978-604-58-0281-6

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lời giới thiệu

Có thể nói, không có đề tài thảo luận nào dễ gây tranh cãi như Trung Quốc, đặc biệt tại Việt Nam hiện nay. Phải thành thật thú nhận rằng, tôi là người hâm mộ Trung Quốc “từ đầu đến chân”, nhưng có khi cũng phải rà soát lại sự hâm mộ của mình khi có được thông tin mới. Chẳng ai phủ nhận rằng, Trung Quốc là một đất nước vĩ đại về nhiều mặt. Trên nhiều phương diện như: văn hóa, tổ chức chính trị, quản lý kinh tế, kinh doanh thương mại,... Trung Quốc có thể đóng vai trò làm tấm gương soi cho Việt Nam. Soi để học hỏi những điều tích cực và tránh né những sai lầm mà quốc gia khổng lồ này đã phạm phải (Cách mạng Văn hóa là một ví dụ).

Trên bình diện toàn cầu, việc học hỏi nghiên cứu về quốc gia khổng lồ này lúc nào cũng thu hút được sự quan tâm của giới trí thức và truyền thông. Trong quan hệ quốc tế ngày nay, Trung Quốc nghiêm nhiên đóng vai trò quyết định không thua kém gì so với các siêu cường thế giới khác. Trong bộ sách nổi tiếng “Thế giới đi về đâu?” (NXB. Thế Giới, Hà Nội, 2010), tác giả Grzegorz W. Kolodko đã dành rất nhiều trang giấy cho vai trò của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Ông viết: “Trung Quốc đã đi theo con đường của Trung Quốc, là con đường đặc biệt đúng đắn nếu nhìn từ góc độ phát triển” (tr. 316).

Bộ sách Trung Quốc gồm 12 quyển của Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu với nhiều hình ảnh minh họa sinh động, đã cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn cảnh về Trung Quốc đương đại sau 30 năm cải cách kinh tế. Tất cả các phương diện của kinh tế, văn hóa, xã hội Trung Quốc đều được đề cập đến một cách ngắn gọn, có sức khái quát cao, dễ cho người đọc nắm bắt được những thông tin cơ bản: chế độ chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, xã hội, địa lý, pháp luật, ngoại giao, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, môi trường. Có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư về Trung Quốc hiện đại. Tôi cảm thấy hơi thất vọng khi thấy thiếu những phần bàn về nghệ thuật, điện ảnh, văn học, triết học, ẩm thực, y học, phong thủy, nhưng có lẽ như vậy lại tốt hơn. Nếu những người chủ biên quá ôm đồm, bộ sách chắc chắn sẽ dày gấp đôi, để làm người đọc khiếp đảm. Vả lại, đã có khá nhiều các bộ toàn thư khác liên quan đến văn học và triết học rồi, sự đóng góp của bộ sách sẽ không có điểm nhấn rõ rệt.

Điểm nhấn của bộ sách này, theo tôi, gồm có hai điểm. Điểm thứ nhất là người đọc. Thông qua cách trình bày, chúng ta dễ dàng nhận ra độc giả mục tiêu của bộ sách này là các độc giả phổ thông, ham hiểu biết, nhưng không phải là những chuyên gia về Trung

Quốc học. Phương thức trình bày ngắn gọn, giản dị, kèm theo nhiều hình ảnh minh họa, nội dung chuyên sâu hơn một tờ nhật báo, nhưng không nặng nề phân tích như một cuốn sách chuyên khảo. Các doanh nhân bận rộn, các nhà giáo trung học, các sinh viên thuộc chuyên ngành Đông Phương học, Trung Quốc học, Quan hệ Quốc tế, Kinh tế Chính trị, kể cả giới truyền thông báo chí, đều có thể tìm thấy trong bộ sách này những thông tin hữu ích. Điều đáng khen là văn phong tuyên truyền chính trị của lối viết thập niên 60-70 đã được tinh giảm liều lượng khá nhiều, tránh cho người đọc cảm giác khó chịu không cần thiết.

Điểm nhấn thứ hai là nội dung. Chúng ta thấy khá rõ là nội dung xoay quanh các vấn đề hiện đại và đương đại, nhằm giới thiệu một đất nước Trung Quốc hết sức hoành tráng, đang vươn lên tăng trưởng từng ngày, đạt được hết thành tích này đến thành tích khác trong nhiều lĩnh vực đa dạng, đặc biệt là kinh tế, ngoại giao. Sự thành công đầy ấn tượng về kinh tế của Trung Quốc đã khiến Hồ Cẩm Đào từ bỏ đường lối ngoại giao tương đối dè dặt của Đặng Tiểu Bình và đòi hỏi thế giới phải công nhận vai trò lớn hơn của Trung Quốc trong các quyết định chiến lược toàn cầu. Sự vươn lên của Trung Quốc cũng đồng thời báo hiệu vị trí số hai của Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới đã kết thúc và ngay cả vị trí siêu cường số một của Mỹ cũng đã lung lay. Đương nhiên con voi Ấn Độ cũng có khả năng trở thành một địch thủ đáng gờm của con rồng Trung Quốc, nhưng ngày đó còn xa. Ấn Độ, trừ việc gia tăng dân số, còn thua Trung Quốc về nhiều phương diện.

Bản dịch sang Việt ngữ đã được thực hiện bởi các cán bộ giảng dạy Trung văn trẻ, các dịch giả cộng tác thường xuyên của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tích cực trong một thời gian ngắn để hoàn thành đúng hạn, sẽ là một đóng góp đầy ý nghĩa vào kho tư liệu về đất nước và con người Trung Quốc vốn hết sức phong phú trên thị trường kiến thức Việt Nam. Việc phiên dịch tiếng Hoa không hề dễ dàng chút nào vì thói quen thích dùng các thành ngữ, điển tích của các con cháu Khổng Tử, nhưng các dịch giả và đội ngũ biên tập của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để bảo đảm cho bản dịch tránh khỏi các sơ sót. Dù vậy, các sai lầm liên quan đến việc phiên âm các nhân danh, địa danh, văn hóa, ... chắc chắn là điều khó tránh khỏi. Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ chính.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2012

TS. Dương Ngọc Dũng

Lời Nhà xuất bản

Công cuộc cải cách cũng như những kỳ tích kinh tế mà Trung Quốc giành được đã khiến cho sức mạnh tổng hợp của quốc gia này ngày càng trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng quốc tế cũng mỗi lúc một lớn hơn. Ngày càng có nhiều bạn nước ngoài muốn tìm hiểu và làm quen với đất nước Trung Quốc. Với mong muốn giúp họ có thể tìm được cách nhanh nhất để thực hiện khát vọng này, giúp họ hiểu và nắm bắt được những tình hình cơ bản nhất của Trung Quốc chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tổ chức một nhóm chuyên gia, học giả bắt tay vào biên soạn “Tủ sách Trung Quốc”.

“Tủ sách Trung Quốc” gồm 12 quyển, lần lượt giới thiệu tình hình cơ bản của quốc gia này ở hầu hết các khía cạnh như địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, quốc phòng, xã hội, khoa học và giáo dục, môi trường, dân tộc và tôn giáo. Hiểu được những điều ấy chính là những bước đệm đầu tiên cho việc tìm hiểu đất nước Trung Quốc.

Chúng tôi hy vọng thông qua “Tủ sách Trung Quốc” này, độc giả có thể hiểu một cách khái lược về mọi mặt của đất nước Trung Quốc. Trước hết là những nhận thức về lịch sử văn hóa. Lịch sử văn hóa là nền tảng văn minh của mỗi quốc gia. Là một hình thái quan trọng của văn minh nhân loại, văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh vô cùng độc đáo vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. Tiếp theo là tìm hiểu những tình hình cơ bản của Trung Quốc. Trung Quốc là một nước đang có tốc độ tăng trưởng nhanh, cao nhất thế giới, dân số đông, xuất phát điểm từ một nền kinh tế nghèo khó và phát triển không cân đối. Thế nhưng, vượt lên trên những khó khăn của chính mình, Trung Quốc đã kiên trì đi trên đường lối riêng, kiên trì giữ vững sự phát triển, đồng thời tiếp thu những thành quả văn minh của nhân loại để cuối cùng vạch ra con đường phát triển trong tương lai của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc giữ vững lập trường coi xây dựng kinh tế làm trọng điểm, kiên trì cải cách mở cửa, về đối nội thì xây dựng một xã hội hòa hợp, về đối ngoại thì thúc đẩy xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và cùng nhau phát triển, cùng nhau phồn thịnh.

Hy vọng rằng “Tủ sách Trung Quốc” này sẽ giúp bạn đọc bước những bước đầu tiên trong “hành trình tìm hiểu Trung Quốc” của mình.

Bắc Kinh năm 2010
Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu

Mục lục

9 Lời nói đầu



13 Xây dựng thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển



19 Kiên trì độc lập tự chủ, bảo vệ chủ quyền và an ninh



**43 Tích cực tham gia ngoại giao
đa phương, phát huy vai trò xây dựng**



**71 Tuân thủ nguyên tắc chung sống hòa bình,
triển khai chính sách ngoại giao toàn diện**



**105 Thích nghi với sự phát triển toàn cầu hóa,
triển khai chính sách ngoại giao chung**



Lời nói đầu

Năm 2009 là năm nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vừa tròn 60 năm, và ngoại giao của đất nước Trung Quốc mới cũng đã trải qua quá trình 60 năm.

60 năm này có thể chia thành hai giai đoạn, đó là giai đoạn 30 năm đầu kể từ khi nước Trung Quốc thành lập và 30 năm sau cải cách mở cửa từ năm 1978. Trong giai đoạn 30 năm đầu, nhiệm vụ chủ yếu của ngoại giao Trung Quốc là phản đối sự đe dọa của các nước lớn, củng cố độc lập, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; nhiệm vụ chủ yếu trong 30 năm sau là phát triển và thay đổi để thích nghi dưới mọi hình thức, xây dựng môi trường quốc tế và môi trường xung quanh thật tốt để thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển, từ đó thúc đẩy cả đất nước cùng phát triển.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập. Chủ tịch Mao Trạch Đông đọc thông cáo của Chính phủ Nhân dân Trung ương tại Thiên An Môn.



Hai giai đoạn 30 năm mà ngoại giao Trung Quốc đã trải qua vừa có một mối liên hệ rất rõ nét, vừa mang những đặc điểm nổi bật mang tính giai đoạn. 30 năm đầu, ngoại giao Trung Quốc đã giành được những thành tựu lớn trong việc củng cố chủ quyền, bảo vệ độc lập, đó là đã cắt đứt được các mối quan hệ ngoại giao mang lại bao điều nhục nhã cho Trung Quốc trong chế độ phong kiến, trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, Trung Quốc đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới với một hình thức hoàn toàn mới, từ đó đã giành được cho mình vị thế bình đẳng và sự tôn trọng trên vũ đài quốc tế; Trung Quốc đã bảo vệ và củng cố được nền độc lập của đất nước, thực hiện tính tự chủ trong ngoại giao, đảm bảo an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ; Trung Quốc đã thông qua giải pháp đàm phán hòa bình để giải quyết những vấn đề tranh chấp lãnh thổ trong lịch sử với nhiều nước láng giềng, từ đó cải thiện mối quan hệ với những nước xung quanh, hình thành nên một môi trường xung quanh ổn định chung; ra sức ủng hộ rất nhiều quốc gia đang phát triển, hình thành và xây dựng truyền thống hữu nghị bền chặt; xây dựng một đội ngũ ngoại giao với hình thức mới, giúp cho chính sách ngoại giao độc lập tự chủ có sự bảo đảm về mặt tổ chức.

Hội nghị toàn thể lần thứ 3 khóa 11 được Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập năm 1978 đã mở ra một thời kỳ lịch sử mới cho công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, ngoại giao Trung Quốc cũng bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Ngoại giao Trung Quốc luôn biết kế thừa và sáng tạo, gương cao ngọn cờ hòa bình nên đã giành được những thành tựu to lớn hơn.

Một là, ngoại giao Trung Quốc đã tạo nên một môi trường quốc tế và môi trường xung quanh thật ưu việt cho việc xây dựng kinh tế trong nước, đảm bảo kinh tế Trung Quốc liên tục phát triển ổn định với tốc độ cao. Tổng giá trị sản phẩm quốc nội của Trung Quốc đã từ hơn 364,5 tỷ nhân dân tệ vào năm 1978 tăng lên hơn 30.000 tỷ nhân dân tệ vào năm 2008. Tỷ lệ đóng góp của kinh tế Trung Quốc trong tăng trưởng kinh tế của thế giới là hơn 10%, sức mạnh của Trung Quốc đã có một sự thay đổi vô cùng to lớn.

Tiếp theo phải kể đến việc Trung Quốc luôn tích cực gia nhập vào xã hội quốc tế, hình thành nên những mối quan hệ tốt đẹp với thế giới bên ngoài. 30 năm nay, Trung Quốc đã tham gia hơn 100 tổ chức quốc tế giữa các chính phủ, ký kết hơn 300 công ước quốc tế, tham dự 24 đợt hành động duy trì hòa bình của Liên Hiệp Quốc với số người được cử đi tham gia lên đến hơn chục ngàn. Nhờ những hoạt động tích cực này, Trung Quốc đã trở thành thành viên quan trọng trong hệ thống quốc tế. Trong quá trình hòa nhập với hệ thống kinh tế quốc tế, Trung Quốc thuận theo xu hướng toàn cầu hóa, tích cực tham gia các hoạt động xã hội quốc tế, kiên trì với tư cách của một nước đang phát triển, dựa trên nguyên tắc cân bằng cán cân giữa quyền lợi và nghĩa vụ, ra sức bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi của Trung Quốc cũng như các nước đang phát triển khác; đồng thời, Trung Quốc cũng hiệp thương, hợp tác với các tổ chức quốc tế khác nhau, nâng cao khả năng thích nghi đối với xã hội quốc tế.

Ba là, trong các sự vụ quốc tế, Trung Quốc chủ trì công lý quốc tế, vì vậy mà địa vị quốc tế cũng không ngừng gia tăng. Trong việc giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu cũng như những xung đột khu vực, Trung Quốc kiên trì đàm phán hòa bình, đàm phán ngoại giao; trong việc giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu toàn cầu, vệ sinh công cộng v.v., Trung Quốc tích cực gánh vác những nhiệm vụ quốc tế tương ứng, thực hiện cam kết của mình, những mặt này Trung Quốc đều nhận được sự đánh giá cao của xã hội quốc tế. 30 năm nay, những đóng góp của Trung Quốc đối với hòa bình và sự phát triển của thế giới to lớn hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử, hình tượng quốc tế của Trung Quốc cũng tốt đẹp hơn bất cứ giai đoạn nào từ trước đến nay.

Bốn là, đường lối ngoại giao của Trung Quốc đã được mở ra, hình thành nên một bố cục quan hệ đối ngoại tốt đẹp mang tính toàn diện. Hiện nay, có tất cả 171 quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Trong quá trình phát triển mối quan hệ với những nước phát triển ở phương Tây, Trung Quốc đã tuân thủ nguyên tắc vượt qua mọi sự khác biệt về chế độ xã hội cũng như hình thái ý thức để phát triển quan hệ quốc gia, tìm đến những điểm tương đồng nhưng vẫn chấp nhận những sự khác biệt, kiên trì đối thoại, không hề manh động, giải quyết thỏa đáng những mâu thuẫn và tranh chấp, mở rộng lợi ích chung, xây dựng mối quan hệ hợp tác và quan hệ đối tác chiến lược với nhiều hình thức khác nhau, hình thành nên một cục diện tốt đẹp cho sự phát triển toàn diện mối quan hệ ngoại giao. Trên nguyên tắc hiệp thương bình đẳng và thấu hiểu lẫn nhau, Trung Quốc đã ký kết những điều ước và hiệp định biên giới với 13 trên tổng số 14 nước láng giềng. Đối với những vấn đề khó khăn còn đang tồn tại, Trung Quốc tuân theo nguyên tắc “tạm ngưng tranh chấp” để đi đến những thỏa thuận tạm thời, tạo nên một môi trường xung quanh hòa bình, ổn định, bình

Quốc kỳ và Quốc huy của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.



đẳng, tin tưởng lẫn nhau, hợp tác hai bên cùng có lợi, từ đó đã đưa mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước láng giềng bước sang một thời kỳ tốt đẹp nhất trong lịch sử. Trong mối quan hệ với các nước đang phát triển, Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh tăng cường, mở rộng đoàn kết và hợp tác. Ngoài việc viện trợ trong khả năng cho phép đối với những nước đang phát triển, Trung Quốc còn dựa trên nguyên tắc “bình đẳng, cùng có lợi, tập trung vào việc đạt kết quả cao, hình thức đa dạng và cùng nhau phát triển” để không ngừng mở rộng lĩnh vực hợp tác, tìm ra những phương thức hợp tác mới, nâng cao hiệu quả hợp tác.

Với tình hình mới của quốc tế và trong nước, Trung Quốc phối hợp giữa phát triển trong nước và mở cửa đối ngoại trong công tác đối ngoại của mình, để xứng chính sách ngoại giao toàn diện, xúc tiến ngoại giao an ninh, ngoại giao kinh tế, ngoại giao nhân sinh, phát triển hợp tác kinh tế với các nước, thúc đẩy đối thoại và giao lưu văn hóa, tăng cường sự hiểu biết và nhận biết của xã hội quốc tế đối với Trung Quốc.

Qua 60 năm thăng trầm, ngoại giao Trung Quốc đã tích lũy được những kinh nghiệm phong phú. Trung Quốc ý thức được rằng, sự phát triển của Trung Quốc không thể tách khỏi thế giới, sự phồn vinh ổn định của thế giới cũng không thể tách rời Trung Quốc; vận mệnh và tiền đồ của Trung Quốc càng ngày càng gắn bó chặt chẽ với vận mệnh, tiền đồ của thế giới. Trung Quốc cam kết rằng: cho dù tình hình thế giới thay đổi đến mức nào, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc sẽ luôn giữ vững cao lá cờ hòa bình, phát triển, hợp tác, coi trọng và kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, bảo vệ chủ quyền, an ninh và phát triển lợi ích của quốc gia, coi chính sách ngoại giao duy trì hòa bình thế giới, cùng nhau phát triển là tôn chỉ; tiếp tục lấy sự phát triển của mình để kéo theo sự phát triển của khu vực cũng như sự phát triển của toàn thế giới, mở rộng lợi ích của mỗi bên; cùng với việc phát triển đất nước, Trung Quốc cũng luôn thể hiện sự quan tâm của mình đối với các nước khác, đặc biệt là với những nước đang phát triển; tiếp tục dựa trên quy tắc thương mại quốc tế thông hành, mở rộng thị trường, bảo vệ quyền lợi của đối tác theo đúng quy định của pháp luật; ủng hộ xã hội quốc tế tiếp tục giúp đỡ các nước đang phát triển để những nước này nâng cao được năng lực phát triển bản thân, cải thiện đời sống nhân dân, giảm bớt chênh lệch giữa các nước; ủng hộ hoàn thiện chế độ thương mại và tài chính quốc tế, thúc đẩy tự do hóa, tiện lợi hóa thương mại đầu tư, thông qua đàm phán hiệp thương để giải quyết thỏa đáng những tranh chấp trong kinh tế thương mại.

Nhìn lại hành trình 60 năm qua, ngoại giao của Trung Quốc đã bước lên một tầm cao mới; hướng về tương lai, ngoại giao của Trung Quốc đang đứng vào vạch xuất phát mới. Cùng với sự hùng mạnh của thực lực, vị trí của Trung Quốc trên trường quốc tế cũng được nâng cao, sứ mệnh của ngoại giao Trung Quốc càng lớn hơn, con đường ngoại giao của Trung Quốc càng xa hơn. Thế nhưng, có thể tin rằng: Trung Quốc sẽ tiếp tục kiên trì đi theo đường lối phát triển hòa bình; nhân dân Trung Quốc sẽ tiếp tục đồng hành với nhân dân các nước; Trung Quốc sẽ cố gắng không mệt mỏi vì một tương lai tươi đẹp của toàn nhân loại.

XÂY DỰNG THẾ GIỚI HÒA HỢP, HÒA BÌNH LÂU DÀI, CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



Kiên định đi theo con đường hòa bình phát triển là mong muốn chân thành nhất và cũng là lựa chọn không bao giờ thay đổi của Trung Quốc.

Xây dựng một thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển là quan điểm nền tảng và là mục tiêu theo đuổi không mệt mỏi của ngoại giao Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong bốn nước văn minh cổ của thế giới, trong lịch sử đã tạo ra một nền văn minh huy hoàng, xán lạn, trong mối quan hệ với các quốc gia và các dân tộc láng giềng đã hình thành nên mối quan hệ hòa hợp với trung tâm là Văn hóa Trung Hoa và nền tảng là đạo nghĩa Trung Hoa mà trong lịch sử gọi là “trật tự Trung Hoa”.

Vào thế kỷ XIX, các cường quốc phương Tây đã dùng đạn pháo mở tung cánh cửa của Trung Quốc. Trong vòng hơn 100 năm sau Chiến tranh Nha phiến vào năm 1840, hết lần này đến lần khác, Trung Quốc phải chịu các cuộc chiến tranh xâm lược và trở thành nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa. Xóa bỏ chiến tranh, thực hiện hòa bình, xây dựng đất nước độc lập tự cường, có cuộc sống ấm no hạnh phúc chính là mục tiêu phấn đấu không mệt mỏi của nhân dân Trung Quốc.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đứng lên lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Quốc, sau khi trải qua những cuộc chiến tranh đầy gian nan thử thách trong suốt thời kỳ dài đã lật đổ được sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, gạt hái được những thắng lợi của cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới, và đến năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Cũng từ đó, ngoại giao của Trung Quốc chính thức bước sang trang sử mới.

Chính phủ Trung Quốc mới giương cao lá cờ hòa bình, phát triển, hợp tác, kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ. Ngày 30 tháng 9 năm 1949, Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc đã đề ra “Cương lĩnh chung” có vai trò như một hiến pháp tạm thời, trong đó quy định: “Nguyên tắc chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đảm bảo độc lập tự do của đất nước, toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, duy trì hòa bình quốc tế lâu dài, hợp tác hữu nghị với nhân dân các nước, phản đối chính sách xâm lược và chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc”.

Bộ hiến pháp đầu tiên của Trung Quốc được công bố vào năm 1954 cũng đã khẳng định những nội dung trên,

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chu Ân Lai đã gửi một bức công hàm của Chính phủ Nhân dân Trung ương Trung Quốc đến chính phủ các nước trên thế giới, bày tỏ rằng Trung Quốc mong muốn được thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước.

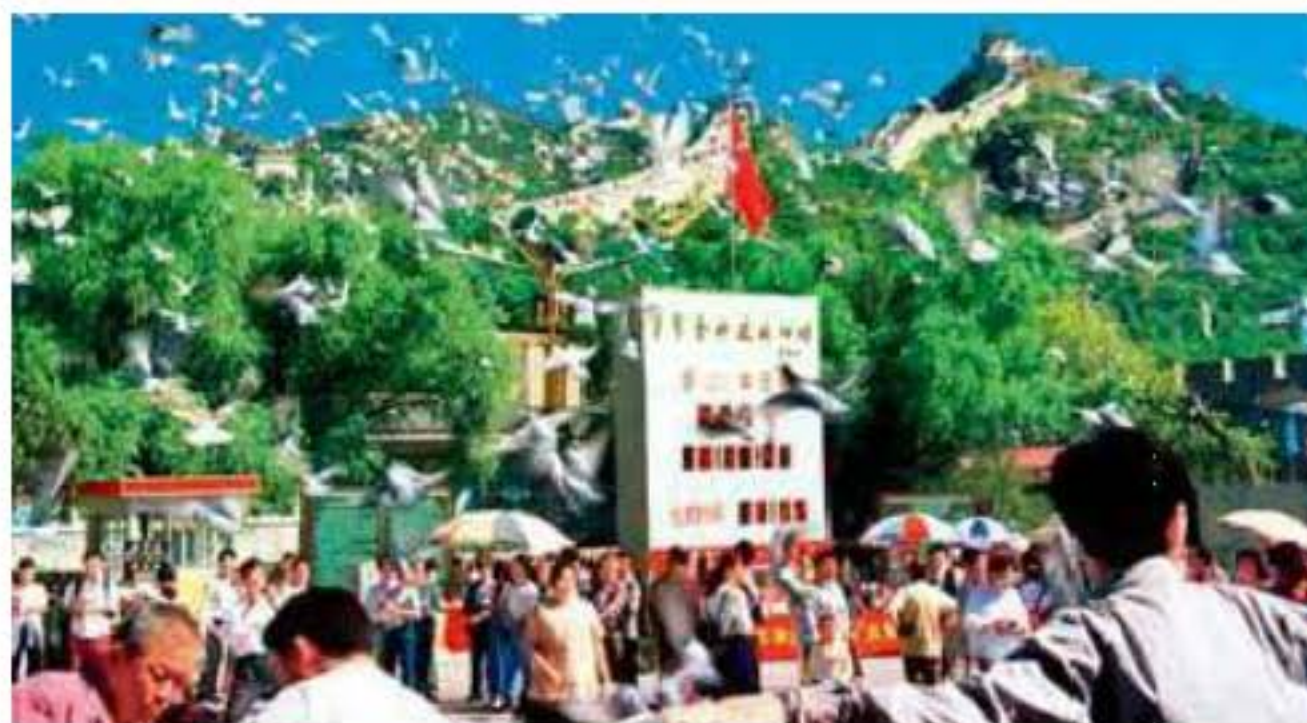


tuyên bố với toàn thể thế giới rằng: “Trong các sự vụ quốc tế, phương châm kiên định không thay đổi của Trung Quốc là, luôn phấn đấu vì mục tiêu cao cả, chính là vì hòa bình của thế giới và vì sự tiến bộ của nhân loại”. Hơn nửa thế kỷ trôi qua, dù trong vấn đề xử lý mối quan hệ với các nước lớn, trong giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong lịch sử với các nước láng giềng, trong những vấn đề nóng bỏng của khu vực hay những mâu thuẫn quốc tế, dầu không có bất cứ mối quan hệ nào với lợi ích của Trung Quốc thì đất nước này vẫn áp dụng giải pháp hòa bình, phản đối sử dụng vũ lực, hay dùng vũ lực để đe dọa, uy hiếp lẫn nhau.

Từ khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, Trung Quốc dựa trên những thay đổi trong tình hình quốc tế, nắm bắt hai chủ đề thời đại lớn là hòa bình và phát triển, kiên trì coi xây dựng kinh tế là trọng điểm, nhấn mạnh ngoại giao chính là biện pháp để tạo ra một môi trường xung quanh và môi trường quốc tế lành mạnh cho việc xây dựng kinh tế trong nước. Trung Quốc luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, ổn định mối quan hệ với các nước lớn, tăng cường hữu nghị láng giềng với các nước xung quanh, củng cố và mở rộng hữu nghị truyền thống với các nước đang phát triển, tích cực tham gia ngoại giao đa phương, kêu gọi coi năm nguyên tắc chung sống hòa bình là chuẩn mực xây dựng trật tự mới của kinh tế chính trị quốc tế.

Dựa trên môi trường quốc tế trong thời đại mới, đứng trên cơ sở chủ trương xây dựng trật tự mới của kinh tế chính trị quốc tế, Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy tiến trình thế giới đa cực, dân chủ hóa quan hệ và đa dạng hóa các hình thức phát triển quốc tế, liên tục đưa ra các quan niệm phát triển như quan niệm an ninh mới, quan niệm văn minh mới, quan niệm phát triển mới và các phương châm ngoại giao khu vực như “láng giềng tốt, đối tác tốt”. Song song với việc theo đuổi sự phát triển và hùng mạnh đất nước, Trung Quốc cũng ra sức thực hiện chung sống hòa bình, cùng nhau phát triển với các nước khác.

Tháng 4 năm 2005, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào nói chuyện trong Hội nghị thượng đỉnh Á - Phi (châu Á và châu Phi) tại Jakarta đã đề ra rằng: Các nước châu Á và châu Phi nên đẩy



Ngày 21 tháng 9 là ngày Hòa bình Quốc tế, người dân Trung Quốc tổ chức hoạt động kỷ niệm trên Trường Thành, Bát Đạt Lĩnh – Bắc Kinh.

mạnh quan hệ hữu nghị với những nền văn minh khác nhau, đối thoại bình đẳng, phát triển phổ thông, cùng nhau xây dựng một thế giới hòa hợp. Cùng năm này, trong Hội nghị Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (United Nations General Assembly, viết tắt UNGA/GA) diễn ra vào tháng 9, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào một lần nữa nhắc lại quan điểm “xây dựng thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển”, hình thành nên một thế giới quan mới mang đậm nét Trung Quốc.

Xây dựng thế giới hòa hợp là một sự thăng hoa trong việc kế thừa quan điểm ngoại giao của Trung Quốc. Quan điểm này nhấn mạnh rằng, với tiền đề thừa nhận tính đa nguyên hóa của thế giới, tính chênh lệch trong lợi ích, tính đa dạng của văn minh, cùng nhau phối hợp lợi ích dưới hình thức hợp tác hòa bình, hóa giải mâu thuẫn, theo đuổi mục tiêu hai bên cùng có lợi, để hai bên cùng giành được lợi ích chung lớn nhất, đạt đến mục đích hai hoặc nhiều bên cùng thắng lợi. “Thế giới hòa hợp” cũng là một sự thể hiện của văn hóa truyền thống Trung Quốc trong quan hệ ngoại giao, đó là tư tưởng yêu hòa bình, coi trọng lòng tin, theo đuổi sự hòa hợp giữa các quốc gia. Những quan điểm này cũng hoàn toàn phù hợp với tinh thần trong *Hiến chương của Liên Hiệp Quốc*, thống nhất với chính sách đối nội của Trung Quốc, thể hiện sự thống nhất của Trung Quốc trong việc phát triển hòa bình, thúc đẩy thế giới ổn định và phát triển, thể hiện sự thống nhất giữa lợi ích căn bản của nhân dân Trung Quốc và lợi ích căn bản của nhân dân thế giới.

Xây dựng một thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển là mục tiêu cao cả trong đường lối phát triển hòa bình mà Trung Quốc đã và đang từng bước thực hiện. Trung Quốc cho rằng, thế giới hòa hợp nên phải là thế giới dân chủ, thế giới hài hòa, thế giới công bằng, thế giới bao dung. Để thực hiện mục tiêu này, ngoại giao Trung Quốc chủ trương và sẽ tuân thủ những nguyên tắc sau:

Kiên trì dân chủ bình đẳng, thực hiện quan hệ hợp tác. Các nước nên dựa trên cơ sở *Hiến chương của Liên Hiệp Quốc* và năm nguyên tắc quan hệ bình đẳng, thông qua đối thoại, giao lưu và hợp tác, thúc đẩy dân chủ hóa quan hệ quốc tế. Những sự việc trong nội bộ các nước phải do nhân dân các nước tự quyết định, những sự việc của thế giới phải do các nước cùng giải quyết qua cách thỏa thuận bình đẳng, các nước đang phát triển cũng cần được có quyền tham dự bình đẳng và quyền quyết định trong các sự việc của thế giới. Các nước nên tôn trọng lẫn nhau, đối xử bình đẳng, không nên áp đặt ý muốn

Vào tháng 5 năm 1987, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc – Javier Perez de Cuellar đã tặng lãnh đạo Trung Quốc – Đặng Tiểu Bình chim bồ câu đồng mạ vàng – biểu tượng của hòa bình.



của mình đối với nước khác, không nên đặt sự an ninh và phát triển quốc gia lên cơ sở hy sinh lợi ích của nước khác. Khi xử lý các mối quan hệ quốc tế, kiên trì xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân các nước, ra sức mở rộng lợi ích chung trong giao lưu tăng cường hiểu biết lẫn nhau, trong hiểu biết tăng cường hợp tác, trong hợp tác thực hiện cùng có lợi.

Kiên trì hòa hợp tin tưởng nhau, thực hiện bảo vệ lẫn nhau. Các nước nên chung tay, cùng đối phó với mối đe dọa an ninh toàn cầu. Xóa bỏ tư tưởng chiến tranh lạnh, xây dựng quan điểm an ninh mới với nòng cốt là tin tưởng lẫn nhau, cùng có lợi, bình đẳng và hợp tác, thông qua cơ chế an ninh tập thể công bằng và có hiệu quả để cùng nhau chống lại những xung đột và chiến tranh; thông qua hợp tác để ra sức xóa bỏ hoặc giảm bớt sự đe dọa của những vấn đề không thuộc an ninh truyền thống như những hoạt động của chủ nghĩa khủng bố, khủng hoảng tài chính cũng như thảm họa tự nhiên, từ đó bảo vệ hòa bình, an ninh và ổn định thế giới. Dưới hình thức hòa bình, thông qua tham vấn và đàm phán để giải quyết những mâu thuẫn và xung đột quốc tế, cùng phản đối hành động xâm lược chủ quyền của nước khác, phản đối can thiệp vào nội chính của nước khác, phản đối sử dụng vũ lực tùy tiện hoặc dùng vũ lực đe dọa lẫn nhau; kiên trì giải quyết vấn đề, coi trọng việc giải quyết tận gốc, kiên quyết chống chủ nghĩa khủng bố; dựa trên nguyên tắc công bằng, hợp lý, toàn diện, cân đối, thực hiện kiểm soát giải trừ quân bị và vũ khí một cách có hiệu quả, phản đối mở rộng vũ khí hủy diệt hàng loạt, tích cực đẩy mạnh tiến trình kiểm soát giải trừ quân bị vũ khí hạt nhân, bảo vệ toàn cầu trong sự ổn định mang tính chiến lược.

Thực hiện công bằng, cùng có lợi và cùng nhau phát triển. Toàn cầu hóa kinh tế phải kiên trì trên nền tảng của sự công bằng, thực hiện phát triển cân đối có trật tự để các nước cùng nhận được lợi ích, đặc biệt là với những nước đang phát triển, không để tình trạng khoảng cách chênh lệch giữa các nước ngày càng trở nên lớn hơn. Đẩy mạnh toàn cầu hóa kinh tế phát triển theo hướng có lợi cho việc cùng nhau phồn thịnh, những nước phát triển cần phải gánh vác nhiều trách nhiệm hơn trong việc thực hiện phát triển phổ biến, hài hòa và cân bằng của toàn cầu, các nước đang phát triển cần tận dụng đầy đủ những ưu thế của bản thân để đẩy mạnh phát triển; tích cực đẩy nhanh tự do hóa, tiện lợi hóa đầu tư và thương mại, xóa bỏ mọi rào cản thương mại, tiếp tục mở rộng thị trường, mở rộng hạn mức



Ngày 15 tháng 9 năm 2005, Chủ tịch Trung Quốc - Hồ Cẩm Đào đã có một bài phát biểu quan trọng trong Hội nghị cấp cao nhân 60 năm thành lập Liên Hiệp Quốc, bài phát biểu có chủ đề *Ra sức xây dựng một thế giới, hòa hợp hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển.*

xuất khẩu khoa học kỹ thuật, xây dựng một chế độ thương mại đa phương quốc tế trên cơ sở công khai, công bằng, hợp lý, rõ ràng, mở rộng và không có sự kỳ thị, tạo nên một môi trường thương mại lành mạnh cho sự phát triển có trật tự của kinh tế thế giới; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tài chính quốc tế, tạo nên một môi trường tài chính ổn định, hiệu quả cao cho việc phát triển kinh tế thế giới; tăng cường đối thoại và hợp tác năng lượng toàn cầu, cùng nhau bảo vệ an ninh năng lượng và sự ổn định của thị trường năng lượng. Cần tích cực đẩy mạnh và đảm bảo nhân quyền để tất cả mọi người đều có cơ hội và quyền lợi phát triển toàn diện; sáng tạo các hình thức phát triển, đẩy mạnh phát triển hài hòa giữa con người và thiên nhiên, đi trên con đường phát triển bền vững.

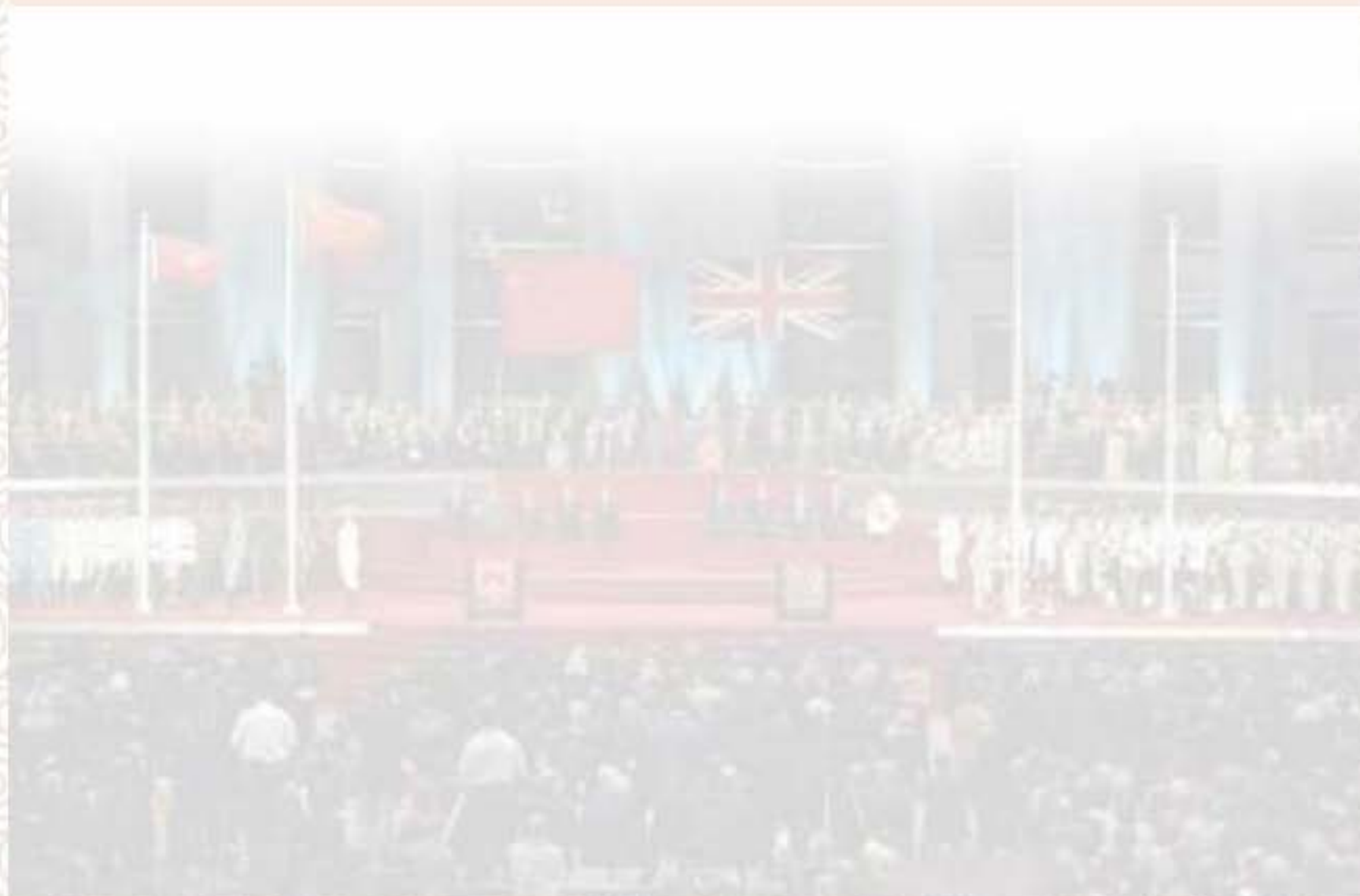
Kiên trì mở cửa hòa nhập, thực hiện đối thoại văn minh. Tính đa dạng của văn minh là đặc trưng cơ bản của xã hội loài người, cũng là động lực quan trọng cho sự tiến bộ của văn minh nhân loại. Các nước nên tôn trọng quyền lợi trong việc lựa chọn chế độ xã hội cũng như đường lối phát triển của những nước khác, cùng nhau học hỏi, học tập điểm mạnh, bổ sung điểm yếu để có thể dựa trên tình hình của nước mình thực hiện chấn hưng và phát triển đất nước. Nên tăng cường đối thoại và giao lưu trong sự khác biệt về văn minh, cố gắng xóa bỏ những khoảng cách và sự nghi hoặc lẫn nhau, cùng nhau phát triển trên nguyên tắc tìm kiếm sự tương đồng và chấp nhận những điều khác biệt, để nhân loại càng hòa hợp hơn, thế giới càng đa dạng và nhiều màu sắc hơn. Cần phải bảo vệ tính đa dạng của văn minh và sự đa dạng hóa trong các mô hình phát triển, cùng hợp lực tạo nên một thế giới hòa hợp mà ở đó mọi nền văn minh đều có thể tồn tại.

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với những cơ hội và thử thách chưa từng có. Cho dù hình thức phát triển và thay đổi đến mức nào, thì trước sau như một, Trung Quốc vẫn giương cao ngọn cờ hòa bình, phát triển và hợp tác, kiên trì đi theo đường lối phát triển hòa bình, coi trọng chiến lược mở cửa cùng có lợi, cùng thắng lợi, đẩy mạnh xây dựng một thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển. Đó là lời cam kết nghiêm túc của Trung Quốc.

Tài liệu nguồn

CÁC NƯỚC THIẾT LẬP MỐI QUAN HỆ NGOẠI GIAO VỚI TRUNG QUỐC NGÀY Càng NHIỀU	
Thời gian	Số lượng những quốc gia mới thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc
Từ năm 1949 đến năm 1959	32
Từ năm 1960 đến năm 1969	17
Từ năm 1970 đến năm 1979	67
Từ năm 1980 đến năm 1989	16
Từ năm 1990 đến năm 1999	34
Từ năm 2000 đến nay	5
Tổng cộng	171

KIÊN TRÌ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, BẢO VỆ CHỦ QUYỀN VÀ AN NINH



Ngoại giao là một hoạt động chính thức của một nước độc lập trong quan hệ quốc tế, là một biện pháp quan trọng để một đất nước bảo vệ lợi ích của nước mình và thực hiện các chính sách đối ngoại. Không có độc lập trong chủ quyền quốc gia, sẽ không có ngoại giao tự chủ độc lập.

Từ khi được thành lập, nước Trung Quốc mới đã thực hiện củng cố độc lập của quốc gia và tự chủ trong ngoại giao, bảo vệ an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, giành được sự tôn trọng và bình đẳng trên trường quốc tế. Trung Quốc trân trọng nền độc lập giành được trong gian nan, tôn trọng sự độc lập của những quốc gia khác trên thế giới, đồng thời coi độc lập tự chủ là nguyên tắc căn bản nhất trong chính sách ngoại giao của mình.

I. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

Độc lập quốc gia là mục tiêu phấn đấu không mệt mỏi của nhân dân Trung Quốc từ giai đoạn cận đại cho đến nay.

Hơn 100 năm trước khi nước Trung Quốc mới được thành lập là giai đoạn lịch sử đầy ô nhục về ngoại giao của Trung Quốc. Từ Chiến tranh Nha phiến vào năm 1840 đến nay, chủ nghĩa đế quốc đã dùng đủ mọi thủ đoạn để đàn áp triều đình nhà Thanh, ép nhà Thanh phải ký hàng loạt điều ước bất bình đẳng, đồng thời dựa trên những điều ước này mở ra chế độ tô giới ở Trung Quốc, xác lập phạm vi thế lực, ép buộc Trung Quốc mở cửa thông thương, giành lấy đặc quyền ngoại giao, hưởng những ưu đãi tối huệ quốc và nhiều đặc quyền trong nhiều lĩnh vực. Từ thời cận đại đến nay, biết bao người Trung Quốc có lý tưởng cao cả đã tiến hành những cuộc đấu tranh gian khổ để giành độc lập quốc gia và giải phóng dân tộc, nhưng vẫn không thể thay đổi được số phận của đất nước. Cho đến thời điểm trước khi nước Trung Quốc mới được thành lập, các cường quốc phương Tây vẫn có rất nhiều quyền lợi trên đất nước Trung Quốc như: đồn bốt đóng quân, tự do kinh doanh, vận chuyển nội địa, quyền tư pháp, quản lý hải quan Trung Quốc và quy định tỷ lệ thuế trong thuế quan của Trung Quốc v.v..

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được chính thức thành lập, nhân dân Trung Quốc đã đồng lòng đứng lên và giành lại được độc lập quốc gia cũng như giải phóng dân tộc. Từ đó, bảo vệ độc lập quốc gia, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đã trở thành mục tiêu nòng cốt trong ngoại giao của nước Trung Quốc mới.

Thực hiện độc lập cần phải xóa bỏ những đặc quyền của chủ nghĩa đế quốc tại Trung Quốc, cắt đứt những mối quan hệ ngoại giao ô nhục mà Trung Quốc đã phải chịu đựng từ chế độ cũ. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, nhà nước Trung Quốc đã đưa ra ba chính sách lớn, đó là “Quét dọn sạch sẽ nhà cửa rồi mới mời khách tới”; “Làm lại từ đầu” và “Nhất biên đảo”.

“Quét dọn sạch sẽ nhà cửa rồi mới mời khách tới” tức là ban bố pháp luật, từng bước và triệt để xóa bỏ những tàn tích mà chế độ cũ để lại, đó là những đặc quyền về chính trị, kinh tế và văn hóa của chủ nghĩa đế quốc ở Trung Quốc, để từ đó Trung Quốc thoát khỏi những phụ thuộc đối với nước ngoài, trở thành một nước độc lập tự chủ trên mọi mặt chính trị, kinh tế và văn hóa.

“Làm lại từ đầu” tức là cắt đứt triệt để những mối quan hệ ngoại giao từ chế độ cũ. Vì đó là những mối quan hệ ngoại giao khiến Trung Quốc phải chịu bao điều nhục nhã nên không còn được thừa nhận. Nước Trung Quốc mới thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước khác trên nền tảng là sự bình đẳng của quốc gia độc lập. Đối với những nước không muốn dựa trên nền tảng độc lập hòa bình để thừa nhận và đối xử với Chính quyền Trung Quốc mới, Trung Quốc sẽ không chấp nhận việc những nước này cử đại diện đến Trung Quốc làm nhân viên ngoại giao chính thức; đối với những điều ước và hiệp định mà Chính phủ Quốc Dân Đảng đã ký kết với chính phủ các nước khác, Chính phủ Trung Quốc mới sẽ căn cứ vào nội dung, phân

Ngày 2 tháng 10 năm 1949, Liên Xô trở thành quốc gia đầu tiên thiết lập mối quan hệ ngoại giao với nước Trung Quốc mới.



biệt xem nội dung nào có thể thừa nhận, hoặc xóa bỏ, hoặc bổ sung, hoặc sửa đổi, hoặc thay thế.

“Nhất biên đảo” tức là trong bối cảnh đối lập Chiến tranh lạnh giữa phương Đông và phương Tây, dựa theo thái độ khác nhau của Mỹ và của Liên Xô đối với nước Trung Quốc mới, nghiêng theo các quốc gia theo phe chủ nghĩa xã hội mà đứng đầu là Liên Xô. Khi nước Trung Quốc mới được thành lập, Hội nghị hiệp thương chính trị Trung Quốc đã thông qua *Cương lĩnh chung* và quy định rõ: “Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa liên hiệp với tất cả những nước và nhân dân yêu chuộng hòa bình, tự do trên thế giới, trước tiên là liên hiệp với Liên Xô, các quốc gia dân chủ nhân dân và các dân tộc bị áp bức, đứng trên chiến tuyến dân chủ hòa bình quốc tế, cùng phản đối sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, để giữ cho hòa bình thế giới luôn vững bền”.

Dựa trên những chính sách như thế, sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập không bao lâu, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã sang thăm và làm việc ở Liên Xô. Tháng 2 năm 1950, hai bên đã ký kết *Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung – Xô*, quy định tăng cường hợp tác và hữu nghị giữa Trung Quốc và Liên Xô, cùng nhau chống lại sự tái xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Việc ký kết hiệp ước giữa Trung Quốc và Liên Xô đã giúp Trung Quốc có một nước đồng minh để hỗ trợ lẫn nhau, an ninh quốc gia cũng được đảm bảo hơn.

Tháng 5 năm 1950, Đại sứ Ấn Độ nhiệm kỳ đầu tiên tại Trung Quốc – Panikkar đã trình quốc thư tới Chủ tịch Mao Trạch Đông.



Phản đối sự đe dọa của các siêu cường quốc, đảm bảo an ninh quốc gia là nhiệm vụ chủ yếu để bảo vệ độc lập trong thời kỳ đầu dựng nước của Trung Quốc. Tháng 6 năm 1950, sau khi Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, Tổng thống Mỹ – Truman đã có bài phát biểu, phát lệnh quân đội Mỹ trực tiếp tham gia vào Chiến tranh Triều Tiên; lệnh cho Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ tiến vào eo biển Đài Loan; phát lệnh tăng cường quân đội Mỹ đóng ở Philippines và tăng cường viện trợ cho quân đội Pháp ở các nước Đông Dương. Phát biểu của Tổng thống Truman đã gắn liền bán đảo Triều Tiên, khu vực eo biển Đài Loan và khu vực Đông Nam Á bao gồm cả bán đảo Đông Dương lại, trong đó, mũi tên chính là nhắm vào nước Trung Quốc mới vừa được thành lập. Cùng với việc tiến hành can thiệp vào chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên, Mỹ còn liên tục dùng máy bay xâm phạm vùng trời Đông Bắc của Trung Quốc, oanh tạc và đánh bom vào các thành phố và thôn trang của Trung Quốc; trong tình hình vị trí của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc bị cướp mất, nước Mỹ đã thao túng Liên Hiệp Quốc thực hiện lệnh cấm vận đối với Trung Quốc; Hải quân Mỹ còn tiến hành khám xét tàu thuyền của Trung Quốc ở vùng biển quốc tế, xâm phạm quyền đi lại trên biển của Trung Quốc, khiến cho sinh mệnh và tài sản của nhân dân Trung Quốc bị tổn thất vô cùng nặng nề.

Trung Quốc bị cuốn vào Chiến tranh Triều Tiên, cuối cùng giành được thắng lợi trong việc viện trợ cho Triều Tiên chống lại Mỹ, giúp cho bán đảo Triều Tiên đạt được kết quả ngưng chiến, từ đó cũng đạt được mục đích “bảo vệ Tổ quốc”, nâng cao vị trí quốc tế của



Tháng 6 năm 1950, Thụy Điển trở thành nước phương Tây đầu tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.



Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1954, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc - Chu Ân Lai đã dẫn đầu đoàn đại biểu tham dự Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề giải pháp hòa bình trên bán đảo Triều Tiên cũng như khôi phục hòa bình trên bán đảo Đông Dương. Trong ảnh là các thành viên trong đoàn đại biểu Trung Quốc.

Trung Quốc, đóng góp to lớn trong việc gìn giữ độc lập, chủ quyền và an ninh của Trung Quốc. Tại bán đảo Đông Dương, Trung Quốc đã ủng hộ nhân dân ở khu vực này tiến hành chiến tranh giành độc lập dân tộc, tích cực tham gia hội nghị Giơ-ne-vơ, thúc đẩy các nước trên bán đảo Đông Dương thực hiện gìn giữ hòa bình, xóa bỏ sự đe dọa của Mỹ đối với Trung Quốc từ phía nam. Ngoài ra, cũng kể từ khi này, việc phản đối sự xâm phạm của Mỹ trên đảo Đài Loan thuộc lãnh thổ Trung Quốc, phản đối sự can thiệp của Mỹ đối với nội chính Trung Quốc đã trở thành vấn đề trọng tâm nhất và mấu chốt nhất trong quan hệ Trung - Mỹ, cho đến nay đây vẫn là nhiệm vụ chủ yếu của ngoại giao Trung Quốc.

Độc lập tự chủ là phương châm căn bản của ngoại giao Trung Quốc mới, cũng là đặc trưng chủ yếu nhất để phân biệt với ngoại giao của Trung Quốc cũ. Nó đã xuyên suốt mọi lĩnh vực trong ngoại giao của đất nước Trung Quốc mới. Vào thập niên 50 của thế kỷ XX, khi thực hiện chính sách "Nhất biên đảo", các vị lãnh đạo đất nước như Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai v.v. đều đã nhiều lần chỉ ra rằng, không thể lúc nào cũng dựa dẫm vào Liên Xô, không thể rập khuôn đi theo toàn bộ kinh nghiệm của Liên Xô, cần phải suy nghĩ bằng cái đầu của mình, bước những bước đi vững chãi bằng đôi chân của

mình, “trong chiến lược cần có sự liên hợp, nhưng trong chiến thuật không thể thiếu sự phê bình”.

Từ cuối thập niên 70 đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, sức mạnh quốc tế đã có nhiều thay đổi, khả năng xảy ra chiến tranh ngày càng giảm đi, nguy cơ an ninh mà Trung Quốc phải đối mặt cũng đã giảm, vì thế Trung Quốc đã có thể tập trung sức lực để xây dựng kinh tế trong nước. Sau khi tổ chức Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng lần thứ 3 khóa 11 năm 1978, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại của mình, trong chính sách đối ngoại, Trung Quốc càng nhấn mạnh hơn nguyên tắc kiên trì độc lập tự chủ. Năm 1982, trong lời phát biểu khai mạc Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12 đã chỉ rõ: “Mọi việc của Trung Quốc cần phải giải quyết dựa theo tình hình của Trung Quốc, phải giải quyết theo sức lực của bản thân người Trung Quốc. Độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, bất kể quá khứ, hiện tại hay tương lai đều là điểm tựa vững chắc của chúng ta. Nhân dân Trung Quốc trân trọng tình hữu nghị và hợp tác của nhân dân các nước khác, càng trân trọng hơn nữa quyền lợi trong sự độc lập tự chủ mà Trung Quốc đã giành được sau một thời gian dài phấn đấu. Bất cứ quốc gia nào cũng đừng mong Trung Quốc sẽ trở thành nước phụ thuộc của mình, cũng đừng mong Trung Quốc sẽ ngậm quả đắng khi làm tổn hại đến lợi ích của Trung Quốc”.

Năm 1989, Trung Quốc đã xảy ra những phong ba bão táp trong chính trị. Các nước phương Tây mà đứng đầu là Mỹ đã nhân cơ hội đó ra sức chỉ trích, can thiệp đồng thời thực hiện chế tài đối với Trung Quốc. Trong buổi gặp gỡ các quan khách nước ngoài, Đặng Tiểu Bình đã bày tỏ: “Chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia luôn phải đặt lên vị trí hàng đầu, về điểm này chúng tôi hiểu hơn bao giờ hết”, “Trung Quốc không bao giờ chấp nhận sự can thiệp của các nước khác đối với vấn đề nội chính”. Chính phủ Trung Quốc bình tĩnh, điềm đạm, kiên trì chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, cuối cùng đã phá vỡ được chế tài, bảo vệ được độc lập và chủ quyền của quốc gia.

Tháng 1 năm 1964, Pháp trở thành nước lớn phương Tây đầu tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc mới. Trong ảnh là ông Hoàng Trấn – Đại sứ Trung Quốc đầu tiên tại Pháp trình quốc thư lên Tổng thống Pháp – Charles de Gaulle.





Tháng 4 năm 1971 tại Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai đã gặp gỡ đoàn đại biểu bóng bàn của Mỹ sang thăm Trung Quốc, mở ra cánh cửa lớn của giao lưu Trung - Mỹ. Đó chính là "đối ngoại bóng bàn" nổi tiếng.

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, đối mặt với những áp lực đến từ các nước phương Tây, không hề thỏa hiệp hay nhượng bộ, trước sau như một, luôn kiên định bảo vệ chủ quyền, quyền lợi quốc gia và sự tôn nghiêm của dân tộc. Trước những luận điệu đi ngược lại với tôn chỉ và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, chà đạp lên luật pháp quốc tế và các chuẩn tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, như cái gọi là "Nhân quyền cao hơn chủ quyền" mà một số quốc gia phương Tây đưa ra sau Chiến tranh lạnh, Trung Quốc vẫn kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ, kiên quyết phản đối sự can thiệp đến nội chính của Trung Quốc của bất cứ nước nào dù với bất cứ lý do nào.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, tình hình quốc tế xảy ra những biến đổi sâu sắc, quan niệm an ninh truyền thống cũng theo đó mà thay đổi. Ngoài các quan niệm an ninh truyền thống như: toàn vẹn lãnh thổ, không bị xâm phạm chủ quyền v.v. vẫn luôn nổi bật, thì các vấn đề không nằm trong an ninh truyền thống như: an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh thông tin, an ninh sinh thái cũng như tội phạm xuyên quốc gia, mở rộng vũ khí hạt nhân, xung đột dân tộc, buôn bán ma túy, chủ nghĩa khủng bố, di dân xuyên quốc gia v.v. cũng ngày càng nổi bật. Trong báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 nêu rõ: "Cho dù tình hình thế giới thay đổi đến mức nào, thì tôn chỉ trong chính sách ngoại giao của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc vẫn là gương cao ngọn cờ

hòa bình, hợp tác và phát triển, tuân thủ chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, bảo vệ chủ quyền, an ninh và phát triển lợi ích quốc gia, kiên trì bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cùng nhau phát triển”.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

Từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 đến nay, chiến lược đối ngoại và chính sách cụ thể của Trung Quốc có nhiều sự điều chỉnh và thay đổi sau khi trải qua nhiều biến động trong tình hình thế giới. Vào những thời kỳ khác nhau, nó thể hiện những đặc điểm mang tính giai đoạn khác nhau, nhưng trước sau như một, nguyên tắc độc lập tự chủ luôn xuyên suốt, đồng thời không ngừng phát triển, trau dồi trong thực tiễn, thể hiện phong cách độc đáo trong ngoại giao Trung Quốc trên nhiều mặt khác nhau. Nói một cách khái quát, là nguyên tắc căn bản trong ngoại giao Trung Quốc, nội dung của độc lập tự chủ bao gồm các mặt dưới đây:

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc thống nhất, thực hiện thống nhất đất nước, duy trì sự toàn vẹn trong chủ quyền lãnh thổ là tiền đề của độc lập tự chủ, cũng là sự thể hiện nổi bật nhất của chính sách ngoại giao độc lập tự chủ. Trung Quốc quyết không nhượng bộ khi sự thống nhất đất nước, sự toàn vẹn lãnh thổ và sự tôn nghiêm của dân tộc bị bất cứ sự xâm phạm nào. Trong bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước, phản đối các thế lực chia rẽ đe dọa sự thống nhất và an ninh của đất nước như “Đài Loan độc lập”, “Hồi giáo Đông Turkistan”, “Tây Tạng độc lập” v.v., là tiền đề và yêu cầu căn bản trong chính sách ngoại giao độc lập tự chủ của Trung Quốc.

Chủ quyền là thuộc tính cơ bản của quốc gia và tiêu chí căn bản của sự độc lập. Trung Quốc kiên trì chủ quyền quốc gia có quyền lựa chọn chế độ xã hội của nước mình, quyết định chính sách đối nội, đối ngoại của mình một cách độc lập, quyết định đường lối phát triển của đất nước mình một cách hoàn toàn tự chủ. Trên trường quốc tế, Trung Quốc tôn trọng quyền lợi của nhân dân các nước trong việc tự chủ lựa chọn đường lối phát triển, không can thiệp những việc nội bộ của nước khác, không áp đặt ý chí của mình đối với nước khác, và cũng phản đối bất cứ nước nào can thiệp vào nội chính của Trung Quốc.

Độc lập tự chủ chính là việc thực hiện dân chủ hóa đối với sự vụ quốc tế, kiên trì nguyên tắc các quốc gia cho dù lớn nhỏ, cho dù mạnh yếu, cho dù giàu nghèo cũng đều là một thành viên bình đẳng trong xã hội quốc tế, kiên trì nguyên tắc các quốc gia đều có quyền lợi và nghĩa vụ bình đẳng trong những vấn đề trọng đại liên quan đến hòa bình thế giới và sự phát triển của nhân loại. Trung Quốc chủ trương, đối với những sự vụ quốc tế nên dựa theo tôn chỉ, nguyên tắc trong *Hiến chương Liên Hiệp Quốc* cũng như những luật pháp quốc tế khác và những chuẩn tắc trong quan hệ quốc tế được công nhận; về mặt chính trị,

Tháng 4 năm 1974, Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đoàn đại biểu Trung Quốc tham dự Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 trong Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Trong bài phát biểu tại hội nghị, ông đã nêu lên nguyên tắc quan hệ đối ngoại của Trung Quốc.



cần phải tôn trọng lẫn nhau, hiệp thương bình đẳng, cùng nhau đẩy mạnh dân chủ hóa quan hệ quốc tế; về mặt kinh tế, cần đẩy mạnh hợp tác, tận dụng ưu điểm và giảm thiểu nhược điểm, cùng nhau đẩy mạnh toàn cầu hóa kinh tế phát triển theo hướng cân đối, cùng nhau thắng lợi; về mặt văn hóa, cần học hỏi lẫn nhau, theo đuổi những điểm tương đồng, chấp nhận những điều dị biệt, tôn trọng tính đa dạng của thế giới, cùng nhau thúc đẩy văn minh nhân loại phồn vinh, tiến bộ; về mặt môi trường, cần giúp đỡ lẫn nhau, hợp lực đẩy mạnh việc bảo vệ môi trường, cùng nhau bảo vệ ngôi nhà Trái Đất, nơi toàn thể nhân loại đều phải dựa vào đó mà sinh tồn.

Độc lập tự chủ tức là ủng hộ tất cả những hoạt động duy trì sự cân đối và ổn định trong chiến lược toàn cầu. Trung Quốc chủ trương thông qua đối thoại và hợp tác, tăng cường hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, mong muốn dùng giải pháp hòa bình để giải quyết những mâu thuẫn và tranh chấp giữa các nước. Trong những vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh thế giới, Trung Quốc đề xướng quan điểm an ninh mới đó là tin tưởng lẫn nhau, cùng có lợi, bình đẳng và hợp tác. Thông qua hợp tác cùng có lợi, bảo vệ an ninh khu vực và quốc tế, giải quyết mâu thuẫn bằng hiệp thương, coi hợp tác là nền tảng của sự ổn định, tăng cường và đẩy mạnh hợp tác an ninh đa phương, giải quyết những đe dọa và thử thách an ninh mà các nước cùng phải đối mặt, phản đối sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, phản đối chính sách chiến tranh, chính sách xâm lược và chính sách bành trướng, phản đối chạy đua vũ trang.

Độc lập tự chủ là bất cứ nước lớn nào cũng như khối liên minh các nước đều không tham gia vào các tập đoàn quân sự, không tham gia chạy đua vũ trang, không tiến hành bành trướng quân sự. Trung Quốc theo đuổi chính sách quốc phòng mang tính phòng vệ, không tìm kiếm phạm vi ảnh hưởng bên ngoài, không ủng hộ một nước nào đó phản đối một nước khác; Trung Quốc phản đối chủ nghĩa bá quyền, đồng thời cam kết rằng Trung Quốc sẽ không bao giờ xưng bá, không bao giờ bành trướng, không bao giờ đe dọa quân sự đối với bất cứ quốc gia nào.

Độc lập tự chủ tức là dựa trên năm nguyên tắc chung sống hòa bình, phát triển mối quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi với tất cả các quốc gia bạn bè. Khi phát triển mối quan hệ đối ngoại, Trung Quốc không dùng hình thái ý thức để tạo ranh giới, không dùng sự khác biệt về chế độ xã hội để quyết định mối quan hệ tốt xấu hay gần xa của quốc gia, “nước nào cũng quan hệ, nước nào cũng kết bạn”, không vì một thời điểm nào đó hay một sự việc nào đó gây cản trở, mà xuất phát từ đại cục bảo vệ hòa bình và thúc đẩy phát triển kinh tế cũng như phát triển toàn diện mối quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

Độc lập tự chủ tức là dù với bất cứ việc gì của quốc tế, cũng xuất phát từ lợi ích căn bản của nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới, dựa trên sự đúng sai của bản thân sự việc, và sự việc đó có lợi cho việc bảo vệ hòa bình và ổn định thế giới hay không, có lợi cho sự phát triển hợp tác của các nước hay không, có thúc đẩy sự phồn

Tháng 10 năm 2007, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 đã khai mạc tại Bắc Kinh. Trong báo cáo của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 17 đã nêu rõ, Trung Quốc kiên trì theo đuổi chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ.



vinh của kinh tế và văn hóa thế giới hay không, có thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại hay không..., từ đó quyết định lập trường và chính sách của mình, không phục tùng bất cứ áp lực nào đến từ bên ngoài.

III. PHẢN ĐỐI CHIA RẼ, BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT VÀ VỆ TOÀN LÃNH THỔ

Một yêu cầu căn bản của độc lập tự chủ chính là cần thực hiện và đảm bảo sự thống nhất cũng như bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ của đất nước. Chính sách này trước hết thể hiện qua việc Trung Quốc phản đối các thế lực bên ngoài tiến hành can thiệp nội chính của Trung Quốc, cũng như quá trình ngoại giao thực tiễn trong việc đấu tranh để thống nhất Đài Loan thuộc lãnh thổ Trung Quốc và giành lại chủ quyền đối với Hồng Kông và Ma Cao.

Đài Loan là một phần lãnh thổ không thể chia cắt của Trung Quốc. Năm 1895, Nhật Bản đã thông qua cuộc chiến tranh xâm lược, bắt ép triều đình nhà Thanh phải ký "Hiệp ước Mã Quan" bất bình đẳng và xâm chiếm Đài Loan. Tháng 12 năm 1943, Chính phủ ba nước Trung, Mỹ, Anh đã phát biểu "Tuyên bố Cairo" và quy định, Nhật Bản cần phải hoàn trả lại lãnh thổ thuộc chủ quyền của Trung Quốc, đó là các đảo Đông Bắc, Đài Loan, Bành Hồ v.v.. Năm 1945, ba nước Trung, Mỹ, Anh và sau đó còn có thêm sự tham gia của Liên Xô cùng ký kết "Thông cáo Potsdam" quy định: Điều kiện trong "Tuyên bố Cairo" cần phải được thực hiện. Vào tháng 8 cùng năm, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng, đồng thời thông qua "Điều khoản đầu hàng của Nhật Bản" cam kết sẽ thực hiện những quy định trong "Tuyên cáo Potsdam". Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Chính phủ Trung Quốc thu phục lại đảo Đài Loan, Bành Hồ, khôi phục lại chủ quyền đối với Đài Loan. Đài Loan trở về với Tổ quốc không chỉ trong pháp luật mà cả trên thực tế.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Chính phủ Nhân dân Trung ương của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập, là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể Trung Quốc thay thế cho Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, và cũng là đại diện hợp pháp duy nhất trên quốc tế. Một bộ phận quân nhân thuộc tập đoàn Quốc Dân Đảng và ban lãnh đạo của Nhà nước Trung Hoa Dân Quốc cũ đã chạy sang Đài Loan và hình thành nên sự chia rẽ tạm thời giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục.

Trong tình thế đối đầu giữa phương Đông và phương Tây, vào năm 1950, nước Mỹ nhân sự bùng nổ của Chiến tranh Triều Tiên đã phái Hạm đội 7 thuộc Hải quân Mỹ xâm nhập vào eo biển Đài Loan, đồng thời đã ký "Điều ước phòng vệ chung" với chính quyền Đài Loan vào năm 1954, đặt tình Đài Loan của Trung Quốc nằm trong thế được Mỹ "bảo hộ", từ đó Trung Quốc rơi vào tình trạng bị xâm lược chủ quyền lãnh thổ, đồng thời dẫn đến tình trạng căng thẳng giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục.

Vấn đề Đài Loan là vấn đề tàn dư của nội chiến Trung Quốc, thống nhất Đài Loan về với Trung Quốc đại lục hoàn toàn là nội chính của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc

luôn phản đối sự can thiệp của bất cứ chính phủ nước nào đối với nội chính của Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan.

Nước Mỹ là nước chủ yếu nhất luôn cổ súy cho Đài Loan đứng ra đối kháng với Trung Quốc đại lục, ngăn cản Trung Quốc thực hiện thống nhất đất nước. Chính vì vậy, việc phản đối Mỹ can thiệp vào nội chính của Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan là nhiệm vụ lâu dài trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Vào năm 1972, Tổng thống Mỹ Nixon đến thăm Trung Quốc, hai bên Trung Quốc và Mỹ đã phát biểu thông cáo chung tại Thượng Hải. Trong thông cáo chung này, phía Mỹ cho rằng: “Nước Mỹ nhận thức được rằng, tất cả người dân Trung Quốc ở Trung Quốc đại lục cũng như Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Đối với lập trường này, Chính phủ Mỹ không đưa ra quan điểm khác biệt”.

Tháng 12 năm 1978, Chính phủ Mỹ đã chấp nhận 3 nguyên tắc thiết lập quan hệ ngoại giao mà Chính phủ Trung Quốc đưa ra, đó là: Chính phủ Mỹ phải cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan; xóa bỏ “điều ước phòng vệ chung” mà Mỹ đã ký kết với Chính quyền Đài Loan; và Mỹ phải rút quân khỏi Đài Loan. Ngay sau đó, Trung Quốc và Mỹ đã phát biểu thông cáo thiết lập quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ. Thông cáo nói rõ: “Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thừa nhận chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc. Trong phạm vi này, nhân dân Mỹ vẫn sẽ giữ mối quan hệ về văn hóa, thương mại và những mối quan hệ không chính thức khác với nhân dân Đài Loan”; “Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thừa nhận lập trường của Trung Quốc, tức là chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc”.

Trung Quốc hy vọng sự dịu bớt trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ cũng như việc thiết lập mối quan hệ ngoại giao có thể thúc đẩy Trung Quốc và Đài Loan nhanh chóng thống nhất. Cùng với sự bình thường hóa quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ, Chính phủ Trung Quốc luôn xuất phát từ đại cục, đó là bảo vệ hòa bình thế giới, đã thay đổi



Tháng 10 năm 1987, Chính quyền Đài Loan đã mở cửa để đồng bào Đài Loan về thăm người thân ở Tổ quốc đại lục. Trong ảnh là những người dân sống ở Đài Loan đứng trên Trường Thành.

chính sách “Nhất định phải giải phóng Đài Loan” mà Trung Quốc đã luôn kiên quyết trong một khoảng thời gian sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, để đề ra và hình thành tư tưởng “Một đất nước hai chế độ”, những mong thông qua con đường hòa bình để thực hiện thống nhất đất nước.

Thế nhưng, sau khi Trung Quốc và Mỹ thiết lập mối quan hệ ngoại giao, Chính phủ Mỹ vẫn không từ bỏ ý định can thiệp vào nội chính của Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan. Tháng 3 năm 1979, Quốc hội Mỹ thông qua “Luật Quan hệ với Đài Loan”, với hình thức lập pháp quốc nội của Mỹ để đưa ra rất nhiều quy định đi trái với nguyên tắc trong thông cáo chung quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ cũng như trái với luật pháp quốc tế, trong đó bao gồm cả việc tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan.

Việc Chính phủ Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan đã khiến cho mối quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ sau khi được bình thường hóa đã rơi vào tình trạng căng thẳng lần đầu tiên. Để giải quyết vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, Chính phủ hai nước Trung – Mỹ đã thông qua đàm phán và đi đến thỏa thuận vào tháng 8 năm 1982, phát biểu thông cáo chung thứ 3 về mối quan hệ Trung – Mỹ, thông cáo được gọi tắt là “Thông cáo ngày 17 tháng 8”. Trong thông cáo chung này, Chính phủ Mỹ nói rõ: “Mỹ không tìm đến một chính sách bán vũ khí lâu dài cho Đài Loan. Những vũ khí mà Mỹ bán cho Đài Loan cả về tính năng cũng như số lượng sẽ không vượt quá mức độ cung ứng trong vòng mấy năm sau khi Trung Quốc và Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao. Mỹ cũng đang chuẩn bị giảm bớt việc bán vũ khí cho Đài Loan, đồng thời sẽ đi đến chấm dứt sau một khoảng thời gian nữa”.

Vào thập niên 80 thế kỷ XX, cùng với sự phát triển ổn định trong quan hệ Trung – Mỹ, mối quan hệ giữa Đài Loan và Trung Quốc cũng đã bớt căng thẳng hơn. Đến năm 1987, hai bên đã bắt đầu các mối quan hệ giao lưu.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Chính quyền Đài Loan đã thay đổi lập trường trong vấn đề thống nhất, dần dần từ bỏ chính sách “Một nước Trung Quốc”, bắt đầu ý đồ Đài Loan độc lập dưới hình thức mở rộng “không gian sinh tồn quốc tế”. Bắt đầu từ năm 1993, Chính quyền Đài Loan nuôi ý định gia nhập vào Liên Hiệp Quốc, đặc biệt là vào năm 1997, khi lãnh đạo Đài Loan – Lý Đăng Huy đã đưa ra cách nói về mối quan hệ hai bờ là “mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước”, công khai phát lên lá cờ “độc lập” của Đài Loan. Trong quá trình này, Chính phủ Mỹ liên tục đi trái với những cam kết mà Mỹ đã tuyên bố trong “Thông cáo ngày 17 tháng 8”, mở rộng bán vũ khí cho Đài Loan cả về quy mô và tính năng. Đặc biệt là khi Mỹ quyết định bán cho Đài Loan 150 máy bay chiến đấu tính năng cao F-16 vào năm 1992, và mấy lô vũ khí hiện đại vào năm 2001 và năm 2008, đều đã vi phạm nghiêm trọng những cam kết của Chính phủ Mỹ đối với Trung Quốc, từ đó đã gây nên rất nhiều trở ngại mới cũng như những ngăn cản bên ngoài cho giải pháp hòa bình trong vấn đề Đài Loan. Những việc làm này của Mỹ đã bị Chính phủ Trung Quốc phản đối kịch liệt, dẫn đến nhiều lần mâu thuẫn và rất nhiều nguy cơ trong mối quan hệ Trung – Mỹ.



Tháng 4 năm 1993, Hội trưởng Hiệp hội Quan hệ hai bờ Uông Đạo Hàm và Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Giao lưu hai bờ Cô Chấn Phủ đã tổ chức hội đàm tại Singapore. Đây là cuộc hội ngộ đầu tiên của hai nhà chức trách cấp cao được nhân dân hai bên ủy quyền.

Trung Quốc phản đối Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan và cũng phản đối bất cứ đất nước nào có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc tiến hành việc bán vũ khí cho Đài Loan, hoặc tiến hành liên minh quân sự với Đài Loan dưới bất cứ hình thức nào, ví dụ như vào năm 1982, Chính phủ Hà Lan nhất quyết bán vũ khí cho Đài Loan bất chấp sự phản đối của Chính phủ Trung Quốc đã khiến cho mối quan hệ ngoại giao của hai bên xuống cấp một cách trầm trọng. Năm 1992, Chính phủ Pháp bán vũ khí cho Đài Loan cũng khiến cho mối quan hệ ngoại giao Trung – Pháp bị sút mẻ, mãi đến khi Chính phủ Pháp một lần nữa đưa ra cam kết trong vấn đề này thì mối quan hệ của hai nước mới được bình thường hóa.

Trên trường quốc tế, với tư cách là chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, chính sách nhất quán của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong vấn đề Đài Loan là, trên thế giới này chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc, tất cả các nước đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc đều phải tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc. Kiên quyết phản đối những nước đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc nhưng lại coi Đài Loan là một “thực thể chính trị độc lập” để xây dựng và thiết lập mối quan hệ chính thức, thậm chí còn thực hiện việc “hai bên cùng thừa nhận” với một hình thức nào đó hoặc đưa ra khái niệm “hai nước Trung Quốc” hay “một nước Trung Quốc, một nước Đài Loan” tại các tổ chức hoặc hội nghị



Tháng 7 năm 2009, Diễn đàn Kinh tế Thương mại Văn hóa hai bờ lần thứ 5 được tổ chức tại Hồ Nam. Những năm gần đây, mối quan hệ hai bờ liên tục được cải thiện, hợp tác giao lưu không ngừng được đẩy mạnh.

quốc tế là nguyên tắc mà Trung Quốc luôn giữ vững, trước sau như một trong việc phát triển mối quan hệ với các nước trên thế giới.

Chính phủ Trung Quốc đảm bảo tất cả quyền lợi hợp pháp và chính đáng với đồng bào Đài Loan tại nước ngoài. Đối với những tổ chức quốc tế giữa các chính phủ cho phép sự tham gia của khu vực, Chính phủ Trung Quốc cũng đã dựa trên nguyên tắc một nước Trung Quốc, căn cứ vào tính chất, chương trình cũng như tình hình thực tế của những tổ chức quốc tế này mà đưa ra một sự sắp xếp hợp lý để Đài Loan gia nhập các tổ chức ấy với hình thức và mức độ có thể chấp nhận. Là một khu vực của Trung Quốc, Đài Loan cũng đã đứng trên danh nghĩa “Đài Bắc – Trung Quốc” để tham gia các tổ chức Ngân hàng Phát triển châu Á và Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, cũng như tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới với danh nghĩa là “lãnh thổ thuế quan riêng biệt Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn và Mã Tổ”.

Cho dù tình thế thay đổi đến mức nào, Chính phủ Trung Quốc vẫn luôn cam kết thực hiện chính sách “Một nước hai chế độ”, hòa bình thống nhất, với sự thành tâm thành ý và sự nỗ lực lớn nhất trong việc thúc đẩy mối quan hệ hai bờ hòa bình phát triển, để trong tương lai, sẽ là một thực thể hòa bình thống nhất. Nhưng Trung Quốc cũng luôn bày tỏ quan điểm rõ ràng rằng, không cho phép bất cứ người

nào, với bất cứ danh nghĩa nào, dùng bất cứ hình thức nào để chia tách Đài Loan ra khỏi Trung Quốc. Tiếp tục với những chính sách về vấn đề Đài Loan được Chính phủ Trung Quốc nêu rõ trong sách trắng vào năm 1992 và 2000, đến năm 2005, Quốc hội Trung Quốc đã thông qua “Luật Phản đối chia rẽ quốc gia”, dùng luật pháp để một lần nữa nhấn mạnh chính sách hòa bình thống nhất, đồng thời cũng quy định rõ ràng: “Đối với các thế lực chia rẽ đòi ‘Đài Loan độc lập’, dù dùng bất cứ danh nghĩa nào, với bất cứ hình thức nào tạo nên thực tế chia rẽ Đài Loan khỏi Trung Quốc, hoặc xảy ra những biến cố trọng đại khiến cho Đài Loan chia tách khỏi Trung Quốc, hoặc làm cho khả năng đi đến thống nhất hòa bình hoàn toàn không còn, khi ấy Trung Quốc sẽ áp dụng hình thức phi hòa bình và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ”.

IV. GIÀNH LẠI CHỦ QUYỀN ĐỐI VỚI HỒNG KÔNG VÀ MA CAO VỚI HÌNH THỨC “MỘT NƯỚC HAI CHẾ ĐỘ”

“Một nước hai chế độ” là khái niệm xuất phát từ vấn đề Đài Loan nhưng lại được vận dụng thành công và thể hiện được một sức mạnh vô cùng to lớn trong quá trình giành lại chủ quyền đối với Hồng Kông và Ma Cao.

Hồng Kông là một bộ phận trong lãnh thổ Trung Quốc. Trong Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất xảy ra vào năm 1840, quân đội Anh đã chiếm đóng đảo Hồng Kông. Đến năm 1842, đế quốc Anh đã ép buộc triều đình nhà Thanh phải ký kết “Hiệp định Nam Kinh”, nhượng lại cho Anh đảo Hồng Kông. Đến năm 1856, liên quân Anh – Pháp đã phát động Chiến tranh Nha phiến lần thứ hai, tiếp tục ép triều đình nhà Thanh phải ký “Hiệp định Bắc Kinh” và năm 1860, cắt nhượng bán đảo Cửu Long (Kowloon). Sau Chiến tranh Giáp Ngọ giữa Trung Quốc và Nhật Bản, đế quốc Anh lại ép triều đình nhà Thanh phải ký “Hiệp định mở rộng ranh giới Hồng Kông” vào năm 1898, ép nhà Thanh phải cho thuê 262 đảo lân cận với thời hạn 99 năm, đến ngày 30 tháng 6 năm 1997 thì kết thúc. Việc cắt nhượng Hồng Kông là một trong những sự kiện nhục nhã nhất trong lịch sử ngoại giao cận đại của Trung Quốc.

Sau năm 1978, căn cứ theo những biến đổi của thời cuộc, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra ý tưởng “Một nước hai chế độ” để giải quyết vấn đề thống nhất. “Một nước hai chế độ” tức là chính sách lấy tiền đề một nước Trung Quốc, chủ thể của quốc gia kiên trì chế độ xã hội chủ nghĩa; Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan là những bộ phận cấu thành không thể chia tách của Trung Quốc, những nơi này dù trở về với Trung Quốc nhưng vẫn sẽ không thay đổi phương thức sống cũng như chế độ tư bản chủ nghĩa vốn có trước đây, vì vậy được gọi là khu hành chính đặc biệt.

Trên cơ sở đó, Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Anh đã trải qua nhiều cuộc đàm phán rồi đi đến ký kết “Thỏa thuận chung về vấn đề Hồng Kông” vào tháng 12 năm 1984, trong đó nêu rõ thời gian và chính sách sau khi Hồng Kông trở về với Trung Quốc cũng



Tháng 5 năm 1974, Chủ tịch Trung Quốc Mao Trạch Đông đến thăm cựu Thủ tướng Anh – Edward Heath. Hai bên nói về vấn đề Hồng Kông.

như mọi sự sắp xếp trong khoảng thời gian quá độ. Giải pháp đối với vấn đề Hồng Kông đã có được những căn cứ thực tế và được hai bên thừa nhận.

Năm 1985, Quốc hội Trung Quốc đã quyết định thành lập Ban Khởi thảo Luật cơ bản đối với Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông. Vào tháng 4 năm 1990, “Luật cơ bản của Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông” đã được xem xét và thông qua. Luật cơ bản này đã đưa ra những quy định rõ ràng, cụ thể đối với mối quan hệ giữa Trung ương và Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của người dân Hồng Kông cũng như thể chế chính trị, kinh tế, đối ngoại v.v. của Hồng Kông, từ đó đã có một sự chuẩn bị rất đầy đủ cho việc khôi phục lại chủ quyền đối với khu hành chính đặc biệt này.

Sau khi Trung Quốc và Anh ký kết “Thỏa thuận chung về vấn đề Hồng Kông” vào năm 1984, những hợp tác bước đầu của hai bên đều diễn ra khá thuận lợi. Nhưng sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Chính quyền Anh tại Hồng Kông đã đánh giá sai tình hình và làm trái với tinh thần trong “Thỏa thuận chung” cũng như vi phạm những hiệp định có liên quan của Trung Quốc và Anh đối với vấn đề khôi phục chủ quyền ở Hồng Kông, chuẩn bị tiến hành cải cách “dân chủ” đối với chế độ chính trị ở Hồng Kông trong khoảng thời gian quá độ, tức là ngay trước



khi Trung Quốc khôi phục chủ quyền đối với Hồng Kông. Sau đó Chính quyền Anh còn xây dựng thể chế “dân chủ” vào những năm cuối khi nắm quyền tại nơi này với mục đích duy trì sự ảnh hưởng đối với Hồng Kông về mặt chính trị và kinh tế cả khi Hồng Kông đã được trao trả cho Trung Quốc. Những việc làm của Chính quyền Anh tại Hồng Kông làm tổn hại đến chủ quyền của Trung Quốc nên đã bị Chính phủ Trung Quốc kiên quyết từ chối.

Đêm ngày 30 tháng 6 năm 1997, lễ trao trả Hồng Kông về với Trung Quốc đã được cử hành long trọng tại Trung tâm triển lãm Hồng Kông. Cũng từ lúc đó, quân đội Trung Quốc đóng tại Hồng Kông chính thức tiếp nhận nghĩa vụ phòng vệ. Chính phủ Trung Quốc đã khôi phục lại chủ quyền tại Hồng Kông.

Vấn đề Ma Cao cũng tương tự như vấn đề Hồng Kông. Vào năm 1535, người Bồ Đào Nha cập bến ở Ma Cao để buôn bán thương mại. Đến năm 1557, họ bắt đầu cư trú lâu dài. Ngày 12 tháng 3 năm 1887, Bồ Đào Nha ép buộc triều đình nhà Thanh phải lần lượt ký kết “Hiệp định Trung – Bồ” và “Hiệp định Bắc Kinh Trung – Bồ”. Sau đó, Bồ Đào Nha chiếm lĩnh Ma Cao, đồng thời coi Ma Cao là lãnh thổ của nước này. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần lên tiếng rằng Ma Cao là lãnh thổ của Trung Quốc, vấn đề Ma Cao là vấn đề tồn tại của lịch sử, Trung Quốc chủ trương sẽ thông qua đàm phán để giải quyết những vấn đề tồn đọng này vào một thời điểm thích hợp, và khi vấn đề còn chưa được giải quyết thì vẫn duy trì hiện trạng cũ.

Việc khôi phục chủ quyền đối với Hồng Kông được tiến hành một cách thuận lợi cũng đã mang lại những điều kiện thuận lợi đối với vấn đề Ma Cao. Tháng 4 năm 1987,



Ngày 19 tháng 12 năm 1984, lãnh đạo của Chính phủ hai nước Trung – Anh chính thức ký kết “Thỏa thuận chung về vấn đề Hồng Kông” tại Bắc Kinh.



Ngày 1 tháng 7 năm 1997, Trung Quốc khôi phục lại chủ quyền đối với Hồng Kông. Trong ảnh là hai nước Trung – Anh tiến hành lễ trao trả Hồng Kông về với Trung Quốc.



Trung Quốc và Bồ Đào Nha đã ký kết “Thỏa thuận chung về vấn đề Ma Cao”, quy định rằng, vào ngày 20 tháng 12 năm 1999, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ khôi phục lại chủ quyền tại Ma Cao, đồng thời đưa ra những quy định đối với việc sắp xếp những vấn đề có liên quan trong khoảng thời gian quá độ.

Tháng 3 năm 1993, “Luật cơ bản của Khu hành chính đặc biệt Ma Cao” đã được xem xét và thông qua. Ngày 19 tháng 12 năm 1999, hai nước Trung – Bồ đã long trọng tổ chức lễ trao trả Ma Cao về với Trung Quốc, cũng từ đó Trung Quốc chính thức khôi phục lại chủ quyền đối với Ma Cao.

Sự trở về của Hồng Kông và Ma Cao đã giúp cho đồng bào sống tại Hồng Kông và Ma Cao trở thành những chủ nhân thực sự của hai khu vực này, chính thức chấm dứt lịch sử chiếm lĩnh lãnh thổ Trung Quốc của các thế lực thực dân phương Tây, sự phát triển của Hồng Kông và Ma Cao bước vào một thời đại mới.

Từ khi Hồng Kông và Ma Cao được thu hồi, cùng với sự chỉ đạo rất hiệu quả của chính quyền hai đặc khu cũng như sự ủng hộ của Chính phủ Trung ương, Hồng Kông và Ma Cao luôn giữ được mức độ phát triển ổn định, trở thành thí điểm thành công rực rỡ đối với tư tưởng “Một nước hai chế độ”. Cũng chính vì thế, hai nơi này đã tạo

Ngày 13 tháng 4 năm 1987, sau khi Trung Quốc và Bồ Đào Nha chính thức ký kết “Thỏa thuận chung về vấn đề Ma Cao” tại Bắc Kinh, lãnh đạo hai nước cùng nâng ly chúc mừng.

nên những điều kiện hết sức thuận lợi để Trung Quốc tiến hành thống nhất hoàn toàn đất nước, mà cụ thể chính là việc áp dụng chính sách “Một nước hai chế độ” trong vấn đề Đài Loan.

V. PHẢN ĐỐI CHIA RẼ DÂN TỘC, BẢO VỆ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Trung Quốc là đất nước đa dân tộc thống nhất với 56 dân tộc. Quá trình hình thành và lịch sử phát triển của mỗi dân tộc cũng chính là lịch sử quan hệ hòa hợp giữa các dân tộc. Trong quá trình lịch sử phát triển lâu dài, các dân tộc phát triển và di chuyển đã dần hình thành nên sự phân bố theo kiểu “đại tạp cư, tiểu tụ cư”. Dân tộc Hán là dân tộc có dân số đông nhất, phân bố trên cả nước. Các dân tộc thiểu số tuy dân số ít, chủ yếu cư trú ở các khu vực biên cương rộng lớn, nhưng tại các khu vực hành chính cấp huyện trở lên thuộc lục địa Trung Quốc, nơi đâu cũng có người dân tộc thiểu số sinh sống. Với tình hình phân bố dân số theo kiểu nơi nào có tôi thì có bạn, nơi nào có bạn cũng sẽ có tôi, luôn hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau... đã tạo nên nền tảng cho việc lấy những nơi có dân tộc thiểu số cư trú làm cơ sở để xây dựng những khu tự trị dân tộc với loại hình và cấp độ hành chính khác nhau, có lợi cho sự ổn định và hài hòa giữa các dân tộc cũng như sự cùng nhau phát triển của các dân tộc. Năm 1954, Quốc hội khóa 1 của Trung Quốc đã đưa chế độ tự trị khu vực dân tộc vào “Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Từ đó trở đi, Trung Quốc đã trải qua nhiều lần sửa đổi hiến pháp nhưng đều nêu rõ quan điểm kiên trì thực hiện chế độ này.

Trong tình hình phức tạp hiện nay, ngoại giao của Trung Quốc đang đứng trước nhiệm vụ bảo vệ thống nhất đất nước, phản đối chia rẽ dân tộc, trong đó vấn đề nổi bật nhất chính là vấn đề Tây Tạng và Tân Cương.

Tây Tạng là một bộ phận không thể chia tách của Trung Quốc, dân tộc Tạng là một thành viên quan trọng trong đại gia đình các dân tộc Trung Hoa. Người dân tộc Tạng đời đời sống trên Cao nguyên Thanh Tạng, sáng tạo ra một nền văn hóa rực rỡ, là một tài sản vô cùng quý báu trong nền văn hóa Trung Hoa.

Trong lịch sử, Tây Tạng đã từng trải qua chế độ xã hội phong kiến nông nô hợp nhất giữa chính trị và thần quyền còn đen tối hơn cả châu Âu vào thời kỳ Trung cổ. Chủ nô chiếm chưa đến 5% tổng dân số nhưng lại chiếm lĩnh hầu hết toàn bộ nguyên liệu sản xuất cũng như tài nguyên giáo dục văn hóa ở khu vực Tây Tạng. Đạt Lai Lạt Ma là người đứng đầu trong việc truyền Phật giáo vào Tây Tạng, và cũng là người đứng đầu chính quyền ở khu vực Tây Tạng. Quyền hạn về chính trị và tôn giáo chỉ tập trung vào một người, và cũng chính người đó đứng ra thống lĩnh toàn bộ khu vực này.

Năm 1951, Tây Tạng được giải phóng hòa bình. Đến năm 1959, Tây Tạng thực hiện cải cách dân chủ, xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến nông nô chính trị thần quyền, Đạt

Lai Lạt Ma đời thứ 14 lưu vong ở nước ngoài. Hơn nửa thế kỷ nay, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng việc bảo vệ và phát triển văn hóa Tây Tạng. Theo quy định trong “Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và “Luật Tự trị khu vực dân tộc”, Trung Quốc tập trung rất nhiều sức người cũng như sức của để bảo vệ và phát triển nền văn hóa truyền thống rực rỡ của Tây Tạng, đồng thời cũng tập trung sức lực phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật hiện đại, vì thế đã giúp cho văn hóa Tây Tạng được bảo vệ và phát triển mạnh mẽ chưa từng có.

Trong tình hình quốc tế có nhiều thay đổi, tập đoàn Đạt Lai đã bỏ qua mọi tình hình thực tế, giương lá cờ tôn giáo, phát tán “Văn hóa Tây Tạng diệt tuyệt luận” (Diệt chủng văn hóa ở Tây Tạng), đòi quân đội và các căn cứ quân sự của Trung Quốc phải rời khỏi Tây Tạng, hòng mưu đồ “Tây Tạng độc lập”. Để gây sự chú ý của xã hội quốc tế, tập đoàn Đạt Lai còn khuyến khích các nơi ở Tây Tạng tiến hành bạo động, phá vỡ ổn định xã hội, gây nên những tổn thất nghiêm trọng về người và của.

Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối bất cứ hoạt động nào nhằm chia rẽ Trung Quốc và mưu đồ Tây Tạng độc lập. Trung Quốc cho rằng, vấn đề Đạt Lai không phải là vấn đề tôn giáo mà là vấn đề chính trị; Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 không chỉ là một nhân sĩ tôn giáo, mà còn là một kẻ lưu vong chính trị đã thực hiện các hoạt động chia rẽ Tổ quốc. Chính phủ Trung Quốc nêu rõ rằng, chỉ cần Đạt Lai Lạt Ma thực sự từ bỏ lập trường chia rẽ Tổ quốc, dừng ngay những hoạt động chia rẽ Tổ quốc, công khai thừa nhận Tây Tạng là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc, thừa nhận Đài Loan là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc, thừa nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho cả nước thì Chính phủ Trung Quốc sẵn sàng đàm phán hòa bình về vấn đề tương lai của riêng cá nhân Đạt Lai Lạt Ma.

Tây Tạng là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Trung Quốc, đây là điều mà chính phủ của tất cả các nước trên thế giới đều thừa nhận. Không có bất cứ quốc gia nào trên thế giới công nhận Tây Tạng là một nước độc lập, càng không thể công nhận cái gọi là “Chính phủ lưu vong Tây Tạng”. Chính vì vậy, ngay từ đầu “vấn đề Tây Tạng” chính là sản phẩm của chủ nghĩa đế quốc hòng ra sức chia rẽ Trung Quốc, là một phần trong mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc hòng biến Trung Quốc thành nước thực dân hoặc nửa thực dân. Sau khi tập đoàn Đạt Lai bỏ trốn sang nước ngoài, một số thế lực phản Trung Quốc vẫn liên tục tìm đủ mọi cách để kích động và ủng hộ những hành động li khai, đòi “Tây Tạng độc lập” của tập đoàn Đạt Lai. Vì vậy, “vấn đề Tây Tạng” về căn bản không phải là vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo hay vấn đề nhân quyền, mà thực ra, đó chính là vấn đề một số thế lực phương Tây mưu đồ áp chế Trung Quốc, chia cắt Trung Quốc và phỉ báng Trung Quốc. Trung Quốc kiên quyết phản đối Đạt Lai đến các nước khác tiến hành các hoạt động chia rẽ Trung Quốc dù với bất cứ tư cách gì, đồng thời cũng kiên quyết phản

đối các nước khác tạo điều kiện và cơ hội để Đạt Lai hoạt động và tuyên truyền về những hành vi chia rẽ Tổ quốc.

Tân Cương cũng là một bộ phận không thể chia tách của Trung Quốc. Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương được thành lập vào năm 1955. Hơn nửa thế kỷ nay, kinh tế, xã hội cũng như các mặt khác của Tân Cương đều phát triển rất nhanh. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, do ảnh hưởng của chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa chia rẽ dân tộc và chủ nghĩa khủng bố quốc tế, các tổ chức như "Phong trào Hồi giáo Đông Turkistan" ở địa phận trong và ngoài khu vực Tân Cương đã liên tục tổ chức các hoạt động chia rẽ, phá hoại với thủ đoạn chủ yếu là bạo lực khủng bố. Những tổ chức này đã lên kế hoạch tại Tân Cương, khởi mào hàng loạt các sự kiện bạo lực khủng bố, gây nguy hại nghiêm trọng đến sự an ninh về tài sản, tính mạng cũng như sự ổn định xã hội của nhân dân các dân tộc Trung Quốc, đồng thời cũng đe dọa đến sự an ninh và ổn định của các quốc gia và khu vực có liên quan.

Sau khi xảy ra sự kiện khủng bố ngày 11 tháng 9 tại Mỹ, việc kêu gọi hợp tác chống khủng bố quốc tế đã diễn ra ngày một mạnh mẽ, lực lượng "Hồi giáo Đông Turkistan" vì muốn thoát khỏi tình cảnh khó khăn và hổ thẹn, lại giương lá cờ đòi bảo vệ "nhân quyền", "tự do tôn giáo" và "lợi ích của dân tộc thiểu số" để tiếp tục bịa đặt cái gọi là "Chính phủ Trung Quốc dùng vũ khí tấn công dân tộc thiểu số" hòng che mắt thiên hạ, lừa gạt dư luận quốc tế để nhân cơ hội đó thoát khỏi sự đả kích của phong trào chống khủng bố quốc tế. Ngoài ra, lực lượng "Hồi giáo Đông Turkistan" còn liên tục gây ra những sự kiện khủng bố khác gây nguy hại nghiêm trọng đến hòa bình và ổn định khu vực. Chính vì thế, tổ chức này đã trở thành đối tượng cần phải xóa bỏ để bảo vệ sự ổn định của khu vực trong "Năm nước Thượng Hải" và "Tổ chức Hợp tác Thượng Hải".

Tháng 9 năm 2002, Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc đã đưa "Phong trào Hồi giáo Đông Turkistan" vào danh sách các tổ chức khủng bố đã được công bố. Trung Quốc tích cực tham gia hợp tác chống khủng bố, phản đối bất cứ chế độ song bản vị nào trong vấn đề chống khủng bố, phản đối bất cứ quốc gia và thế lực nào, mượn bất cứ lý do nào để ủng hộ các hành vi của chủ nghĩa khủng bố cũng như bất cứ hành vi nào mưu đồ chia rẽ lãnh thổ Trung Quốc.

TÍCH CỰC THAM GIA NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG, PHÁT HUY VAI TRÒ XÂY DỰNG





Tháng 10 năm 1971, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 26 đã chính thức khôi phục lại vị trí hợp pháp của Trung Quốc trong Liên Hiệp Quốc. Trong ảnh là nụ cười vui tươi của những thành viên trong đoàn đại biểu Trung Quốc.

Mỗi quan hệ của Trung Quốc đương đại với cả thế giới đã có những thay đổi mang tính lịch sử, tương lai vận mệnh của Trung Quốc ngày càng gắn kết chặt chẽ với tương lai vận mệnh của thế giới. Trung Quốc đang dựa vào sự phát triển của mình để thúc đẩy thế giới phát triển, dựa vào sự phồn thịnh của mình để thúc đẩy cả thế giới phồn thịnh. Trung Quốc ra sức phát huy vai trò xây dựng của mình để bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy nhân loại tiến bộ với một thái độ đầy tinh thần

trách nhiệm. Tích cực tham gia ngoại giao đa phương, phát huy vai trò xây dựng trong các sự vụ quốc tế, đẩy nhanh trật tự thế giới phát triển theo hướng ngày càng công bằng và hợp lý hơn đang trở thành một phương diện ngày càng mạnh mẽ hơn trong hoạt động ngoại giao của Trung Quốc.

I. THAM GIA CƠ CHẾ QUỐC TẾ TOÀN DIỆN, TÍCH CỰC MỞ RỘNG NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG

Trong tiến trình lịch sử của thế giới, giữa các nền văn minh cổ đều đã từng xảy ra các cuộc xung đột và chiến tranh không thể này thì thế kia, vì vậy đã dẫn đến sự giao thoa giữa các nền văn minh cũng như sự biến mất của một số nền văn minh. Một điều khác hẳn là, tuy trong lịch sử, văn minh Trung Hoa cũng có giao lưu và hợp tác với những

Tháng 6 năm 2001, sáu nguyên thủ của sáu quốc gia: Trung Quốc, Nga, Cadắcxtan, Cươguxtan, Tátgikixtan và Uđơbêkixtan lần đầu tiên hội ngộ tại Thượng Hải và tiến hành ký kết “Tuyên bố thành lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải”.





nền văn minh khác, nhưng do dãy Himalaya đứng sừng sững làm bình phong nên văn minh Trung Hoa ở khu vực Tây Nam có một sự ngăn cách đáng kể đối với nền văn minh Ấn Độ. Cao nguyên sa mạc Trung Á bao la bất tận cũng khiến cho văn minh Trung Hoa ở khu vực Tây Bắc luôn giữ một khoảng cách nhất định với văn minh Trung Đông và văn minh châu Âu. Nền văn minh Trung Hoa không chỉ là nền văn minh cổ duy nhất trong bốn nền văn minh cổ được duy trì cho đến ngày nay, mà còn giữ được sự độc lập và tương đối hoàn chỉnh của riêng mình.

Từ thời cận đại đến nay, các nước phương Tây đã tiến hành thực hiện công nghiệp hóa, thực lực kinh tế dần dần mạnh lên, kéo theo sự hội nhập kinh tế thế giới cũng như sự hội nhập và va chạm giữa các nền văn minh. Trong quá trình này, cánh cửa của Trung Quốc đã bị pháo đạn của phương Tây mở toang, từ một “Thiên triều đại quốc” Trung Quốc đã rơi vào tình trạng của một nước nửa thực dân nửa phong kiến. Trong giai đoạn lịch sử đẫm máu và ô nhục ấy, có không ít người mưu cao chí lớn tiến hành các cuộc cách mạng, thử sức cứu vận mệnh Trung Quốc: Cuộc vận động tự cường (1862 – 1882) đã thất bại sau khi xảy ra Chiến tranh Giáp Ngọ giữa Trung Quốc và Nhật Bản; Chính biến Mậu Tuất (1898) chỉ kéo dài được 100 ngày thì bị dập tắt; cuộc Cách mạng Tân Hợi tuy đã lật đổ được thể lực thống trị phong kiến, nhưng cũng không thể nào thay đổi được vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế. Sau khi gia nhập vào thế giới, Trung Quốc luôn đứng ở vị trí phụ thuộc và bị động.

Tháng 10 năm 2001, các lãnh đạo của Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương đã tổ chức hội nghị bất thường và hội nghị có liên quan tại Thượng Hải. Trong ảnh là các lãnh đạo của tổ chức này.



Tháng 6 năm 2003, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tham dự "Cuộc họp đối thoại bất thường giữa các nhà lãnh đạo Nam Bắc" tại Evian, Pháp.

Với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, các dân tộc Trung Quốc đã trải qua những cuộc đấu tranh gian khổ và lâu dài, cuối cùng sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu đều đã bị lật đổ. Trung Quốc giành được thắng lợi to lớn trong cuộc cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới. Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức được thành lập. Chính phủ Trung Quốc mong muốn đất nước Trung Quốc sau khi độc lập sẽ cùng với các quốc gia khác thiết lập các mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, mong rằng Trung Quốc sẽ tham gia vào xã hội quốc tế, cống hiến sức lực của mình cho hòa bình và phồn vinh của thế giới.

Ngay sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chu Ân Lai đã gửi điện đến Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc – Trygve Lie, yêu cầu trục xuất đại biểu của Chính quyền Quốc Dân Đảng tại Liên Hiệp Quốc; đồng thời thông báo với Liên Hiệp Quốc rằng, Chính phủ Trung Quốc đã bổ nhiệm đồng chí Trương Văn Thiên làm đại biểu Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Nhưng do sự can thiệp của Mỹ, yêu cầu của Trung Quốc vẫn chưa được thực hiện. Sau cuộc Chiến tranh Triều Tiên, Mỹ lại tiếp tục mượn cớ trong vấn đề Triều Tiên giành mất vị trí hợp pháp của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Do những hạn chế từ sự phân biệt của các lực lượng chính trị quốc tế cũng như hoàn cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh nên mối quan hệ của Trung Quốc với

xã hội quốc tế chỉ hạn chế với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và một số ít nước láng giềng.

Sau khi mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô trở nên căng thẳng và biến chuyển theo chiều hướng xấu vào thập niên 60 của thế kỷ XX, trong hệ thống quốc tế, Trung Quốc không chỉ đứng ở vị trí đối đầu với các nước phương Tây mà mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đặc biệt sau khi cuộc “Cách mạng Văn hóa” bùng nổ vào năm 1966, Trung Quốc đã một thời rơi vào tình trạng bị cô lập hoàn toàn. Trung Quốc rút khỏi những tổ chức quốc tế ít ỏi đã từng tham gia và cũng có một khoảng thời gian không tham gia bất cứ hoạt động thể dục thể thao quốc tế nào.

Vào thập niên 70 của thế kỷ XX, quan hệ quốc tế của Trung Quốc đã bắt đầu có sự biến chuyển. Vào ngày 26 tháng 10 năm 1971, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 26 đã thông qua Nghị quyết số 1758, khôi phục lại tất cả vị trí hợp pháp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Liên Hiệp Quốc. Điều đó chứng tỏ rằng Trung Quốc đã tiến một bước rất quan trọng vào việc tham gia các tổ chức quốc tế, hòa nhập vào hệ thống quốc tế. Đến năm 1977, nếu tính cả tổ chức Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc đã tham gia vào 21 tổ chức thế giới, ký kết hoặc ủng hộ 45 điều ước, hiệp định và công ước.

Năm 1978 là một cột mốc lịch sử quan trọng của Trung Quốc. Trong năm này, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa đối ngoại từ vùng duyên hải cho đến khu vực lục địa. Song song với việc “xin mời vào”, Trung Quốc cũng tích cực “đi ra ngoài”, điều chỉnh chính sách, tích cực tham gia vào các hoạt động của tổ chức Liên Hiệp Quốc, chính thức bắt đầu gia nhập vào tiến trình hội nhập quốc tế. Trong lĩnh vực kinh tế, năm 1980 Trung Quốc gia nhập vào tổ chức Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, năm 1982 Trung Quốc khôi phục lại vị trí quan sát viên của mình tại Hiệp ước chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), năm 1986 Trung Quốc chính thức xin khôi phục lại vị trí nước ký kết trong Hiệp ước



Tháng 11 năm 2006, Hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh của Diễn đàn hợp tác Trung - Phi được tổ chức tại Bắc Kinh.

chung về Thuế quan và Thương mại. Trong lĩnh vực an ninh, từ năm 1980, Trung Quốc bắt đầu tham gia hội nghị đàm phán giải trừ vũ khí Giơ-ne-vơ cũng như những hoạt động của ủy ban đặc biệt và các tiểu ban công tác trực thuộc. Đến cuối năm 1986, Trung Quốc đã gia nhập Liên Hiệp Quốc và tất cả các hoạt động của tổ chức đa phương trực thuộc. Kỳ họp thứ 4 của Quốc hội khóa 6 được tổ chức vào năm đó đã thông qua "Báo cáo công tác Chính phủ" lần đầu tiên nêu rõ: "Trung Quốc ủng hộ tổ chức Liên Hiệp Quốc dựa theo tinh thần của hiến chương để tiến hành tất cả các công việc, tích cực tham gia vào Liên Hiệp Quốc và các hoạt động phát triển của các cơ quan chuyên môn mang lại lợi ích cho sự phát triển và hòa bình thế giới. Trung Quốc tham gia rộng rãi các tổ chức quốc tế, triển khai các hoạt động ngoại giao đa phương tích cực, ra sức tăng cường hợp tác với các nước trong các lĩnh vực". Điều đó cho thấy, về mặt chính sách, Trung Quốc đã thay đổi thái độ với cơ chế quốc tế đa phương, trong đó tiêu biểu là Liên Hiệp Quốc. Cũng qua đó Trung Quốc cho thấy sẽ tích cực tham gia các tổ chức quốc tế nhiều hơn nữa.

Chiến tranh lạnh kết thúc đã xóa bỏ những rào cản chính trị đối với việc giao lưu giữa phương Đông và phương Tây, kinh tế thế giới

Vào tháng 9 năm 2006, Hội nghị cấp cao Âu - Á lần thứ 6 đã được tổ chức tại Phần Lan. Thủ tướng Chính phủ Trung Quốc - Ôn Gia Bảo tham gia lễ khai mạc hội nghị.





được gắn liền thành một thể thống nhất, nhân loại cùng phải đối mặt với những vấn đề chung như: vấn đề môi trường, vấn đề dịch bệnh, vấn đề cạn kiệt tài nguyên, vấn đề di dân, vấn đề tội phạm quốc tế v.v., tất cả không còn là vấn đề của riêng một quốc gia nào nữa. Trong lĩnh vực an ninh, Chiến tranh lạnh kết thúc cũng đã xóa bỏ khả năng bùng nổ chiến tranh ở quy mô lớn giữa các cường quốc. Về tổng thể, tình hình thế giới đang trở nên hòa hợp hơn nhưng những vấn đề an ninh truyền thống vẫn chưa được giải quyết thì những vấn đề an ninh mới lại ngày càng nổi bật. Hợp tác đa phương trong lĩnh vực an ninh quốc tế trở thành một lĩnh vực chủ yếu trong ngoại giao đa phương sau Chiến tranh lạnh. Nhu cầu tăng cường hiệp thương, mở rộng hợp tác và cùng đối mặt với thử thách của xã hội quốc tế ngày càng tăng mạnh; vị trí và vai trò của các tổ chức quốc tế trong mối quan hệ quốc tế cũng ngày càng nổi bật, ngoại giao đa phương trở nên năng động hơn bao giờ hết.

Đứng trước hoàn cảnh quốc tế toàn cầu hóa thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, Trung Quốc kiên quyết thực hiện chính sách mở cửa đối ngoại, thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế, tích cực tham gia hợp tác và cạnh tranh kinh tế quốc tế, tận dụng tối đa những cơ hội và điều kiện có lợi mà hoàn cảnh toàn cầu hóa kinh tế mang lại, đồng thời cũng nhận thức rõ ràng và luôn tỉnh táo trước những rủi ro kinh tế do hoàn cảnh toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến. Trung Quốc tham gia nhiều hơn nữa các tổ chức và các cơ chế quốc tế, mở rộng ngoại giao

Bắt đầu từ năm 2002, Diễn đàn châu Á - Bắc Ngao được tổ chức thường niên tại Bắc Ngao, Hải Nam, Trung Quốc. Trong ảnh là lãnh đạo các nước tham gia diễn đàn tổ chức vào năm 2008.



Tháng 11 năm 2006, nguyên Cục trưởng Cục Y tế Đặc khu Hồng Kông Trần Phùng Phú Trân đã trúng cử vị trí Tổng Giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Đây là lần đầu tiên Trung Quốc ghi danh tranh cử và thành công vào vị trí lãnh đạo cao nhất tại một cơ quan chuyên môn của Liên Hiệp Quốc.

chung, tiếp tục gia nhập vào xã hội quốc tế và giành được những thành tựu khiến cả thế giới phải chú ý.

Từ góc độ tham gia các tổ chức quốc tế đa phương, cho đến năm 2009, Trung Quốc đã tham gia 130 tổ chức quốc tế giữa các chính phủ và hàng ngàn tổ chức quốc tế phi chính phủ. Trong đó có các tổ chức mang tính toàn cầu như Liên Hiệp Quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới, Hội nghị đối thoại thượng đỉnh nhóm 8 nước công nghiệp phát triển và 5 nước đang phát triển (G8 + 5), Hội nghị đối thoại tập đoàn 20 nước

(G20) v.v., và các tổ chức mang tính khu vực như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Hợp tác giữa Hiệp hội các nước Đông Nam Á và Trung – Nhật – Hàn, ngoài ra còn có các tổ chức đa khu vực như Hội nghị Á – Âu, Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, Diễn đàn Hợp tác Trung – Phi v.v.. Xét từ việc tham gia các điều ước quốc tế và hiệp định quốc tế, vào năm 1989, Trung Quốc đã ký kết hoặc tuyên bố thừa nhận 157 điều ước, công ước hiệp định quốc tế hoặc nghị định thư. Đến năm 2008, con số này đã tăng lên là 300, nội dung đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau như chính trị, an ninh, kinh tế và văn hóa v.v..

Trong quá trình hòa nhập vào xã hội quốc tế, Trung Quốc làm theo chiến lược mở cửa, các bên cùng có lợi, lấy sự phát triển của mình thúc đẩy sự phát triển của khu vực và thế giới, mở rộng khả năng mang lại lợi ích cho tất cả các đối tượng hợp tác. Trong quá trình tham gia vào các tổ chức quốc tế đa phương, Trung Quốc chủ trương chủ nghĩa đa phương và chủ nghĩa mở cửa khu vực, với tư cách của một nước đang phát triển tích cực triển khai ngoại giao cấp cao, tuyên bố chủ trương và quan điểm của Trung Quốc, mở rộng quan hệ với các bên, gánh vác trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng, bảo vệ lợi ích đất nước và biểu tượng quốc gia. Trung Quốc giữ thái độ tích cực và phát huy vai trò mang tính xây dựng trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu cũng như khu vực. Thông qua việc thành lập Diễn đàn châu Á Bắc Ngao, thúc đẩy thành lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải cũng như việc thúc đẩy và chủ trì Hội đàm sáu bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên v.v., từ đó đã dần dần xoay chuyển hình thức bị động tham gia ngoại giao đa phương để trở thành nước chủ động, nước đề xướng, nước chủ đạo tham gia vào cơ chế ngoại giao đa phương.

Ngày nay, mối quan hệ giữa Trung Quốc và thế giới đã có những thay đổi mang tính lịch sử, kinh tế Trung Quốc đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Trung Quốc đã trở thành một thành viên quan trọng trong hệ thống quốc tế, tương lai và vận mệnh của Trung Quốc ngày càng gắn kết chặt chẽ với tương lai và vận mệnh của thế giới. Sự phát triển của Trung Quốc không thể tách rời thế giới, sự phát triển ổn định của thế giới cũng không thể tách rời Trung Quốc; Trung Quốc đang thúc đẩy cả thế giới phát triển bằng chính sự phát triển của mình và đang đóng góp hết mình cho sự phồn thịnh chung của thế giới.

II. PHÁT HUY VAI TRÒ MANG TÍNH XÂY DỰNG TRONG CÔNG ƯỚC KHUNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

Hiện nay, Liên Hiệp Quốc là cơ quan đa phương lớn nhất trên thế giới, quy mô đã từ 51 nước thành viên vào lúc mới thành lập phát triển lên 192 nước thành viên hiện nay, tăng gần 4 lần về số lượng. Sau thời kỳ Chiến tranh lạnh, các hoạt động và các lĩnh vực phát huy vai trò của Liên Hiệp Quốc được đề cập đến như: chính trị, kinh tế, an ninh, nhân quyền và các mặt xã hội khác.

Là một trong những nước sáng lập Liên Hiệp Quốc và thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an, Trung Quốc coi trọng vai trò của Liên Hiệp Quốc, tích cực tham gia và luôn ủng hộ cũng như phát huy vai trò cần thiết trong mọi công tác thuộc các mặt và các lĩnh vực của Liên Hiệp Quốc.

Sau khi khôi phục lại vị trí hợp pháp tại Liên Hiệp Quốc, mỗi năm Trung Quốc đều cử đoàn đại biểu cấp cao tham gia Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, qua đó nói rõ lập trường và quan điểm của Trung Quốc trong các vấn đề mang tính toàn cầu cũng như khu vực.



Tháng 9 năm 2000, trong thời gian hội nghị cao cấp thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc, với đề nghị của Trung Quốc, lãnh đạo của năm quốc gia nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an đã tổ chức hội ngộ.

Sau thời kỳ Chiến tranh lạnh, cùng với vai trò ngày càng trở nên quan trọng của Liên Hiệp Quốc, các lãnh đạo Trung Quốc đã tham gia tất cả các hội nghị quốc tế quan trọng tổ chức theo chương trình khung của Liên Hiệp Quốc.

Năm 2000, trong thời gian hội nghị cao cấp thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã nêu rõ để cả thế giới biết rằng, lập trường của Chính phủ Trung Quốc là luôn ủng hộ Liên Hiệp Quốc phát huy vai trò của mình. Đứng trước tình hình mới, vai trò tích cực của Liên Hiệp Quốc chỉ có thể càng mạnh thêm chứ không thể suy yếu đi, uy quyền của Liên Hiệp Quốc cần phải được bảo vệ chứ không thể làm tổn hại. Trung Quốc sẽ kiên quyết bảo vệ tôn chỉ và nguyên tắc của “Hiến chương Liên Hiệp Quốc”, tiếp tục phát huy vai trò tích cực của Liên Hiệp Quốc và Hội đồng Bảo an trong việc xử lý các sự vụ quốc tế và bảo vệ hòa bình thế giới, đảm bảo cho toàn thể các nước thành viên luôn có quyền lợi bình đẳng để tham gia vào các sự vụ quốc tế.

Năm 2005, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã tham gia Lễ Kỷ niệm 60 năm thành lập Liên Hiệp Quốc và nêu rằng, cần phải phát huy đầy đủ vai trò mang tính xây dựng của Liên Hiệp Quốc cũng như các cơ chế đa phương khác trong việc giải quyết những tranh chấp quốc tế, bảo vệ hòa bình và viện trợ nhân đạo. Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào cũng đã nêu rõ quan điểm và chủ trương ngoại giao của Trung Quốc một cách rất hệ thống, đó là “xây dựng một thế giới hòa hợp, hòa bình lâu dài, cùng nhau phát triển”.

Trung Quốc ủng hộ Liên Hiệp Quốc phát huy vai trò quan trọng của mình, đồng thời Trung Quốc cũng ngày càng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về các vấn đề như: bảo vệ hòa bình thế giới, giải quyết các vấn đề nóng bỏng của quốc tế và khu vực, từ đó phát huy vai trò tích cực và vai trò mang tính xây dựng của Trung Quốc.

Tháng 3 năm 2004, Hội nghị Cấp cao quốc tế về Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc đã được tổ chức tại Bắc Kinh.





Tham gia bảo vệ hòa bình cùng Liên Hiệp Quốc

Hành động bảo vệ hòa bình là một trong những công tác quan trọng mà Liên Hiệp Quốc thực hiện để bảo vệ hòa bình và an ninh quốc tế. “Hiến chương Liên Hiệp Quốc” quy định, để duy trì hòa bình và an ninh thế giới, cần “áp dụng những biện pháp tập thể hữu hiệu để phòng ngừa và xóa bỏ những đe dọa đối với hòa bình, ngăn chặn các hành vi xâm lược và hành vi phá hoại khác; đồng thời, dùng giải pháp hòa bình cũng như dựa vào chính nghĩa và các nguyên tắc quốc tế để điều chỉnh hoặc giải quyết các tình thế cũng như các tranh chấp quốc tế có nguy cơ phá hoại hòa bình thế giới”.

Từ Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 36 năm 1981, Trung Quốc đã khẳng định rõ những vai trò mà hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc đã phát huy trong việc làm dịu bớt các tình hình căng thẳng trên thế giới, đồng thời cũng bày tỏ rằng, về mặt nguyên tắc Trung Quốc luôn ủng hộ những hành động bảo vệ hòa bình phù hợp với “Hiến chương Liên Hiệp Quốc”. Từ năm 1982, Trung Quốc đã bắt đầu đóng góp tiền của để cùng Liên Hiệp Quốc chia sẻ trách nhiệm này. Năm 1988, Trung Quốc trở thành thành viên của Ủy ban đặc biệt hành động bảo vệ hòa bình. Cho đến tháng 6 năm 2009, qua 24 đợt hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc đã phái

Tháng 2 năm 1993, nhóm cán bộ chiến sĩ thứ hai của Trung Quốc từ Bắc Kinh bay sang Campuchia để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hòa bình.

Tài liệu nguồn

NHỮNG GHI CHÉP VỀ VIỆC THAM GIA HÀNH ĐỘNG
BẢO VỆ HÒA BÌNH CỦA TRUNG QUỐC

- Tháng 1 năm 1982, Trung Quốc bắt đầu chia sẻ chi phí cùng Liên Hiệp Quốc trong hành động bảo vệ hòa bình.
- Tháng 4 năm 1989, Trung Quốc tham gia Hội nghị Ủy ban đặc biệt hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.
- Tháng 11 năm 1989, lần đầu tiên Trung Quốc phái nhân viên dân sự tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.
- Tháng 4 năm 1990, lần đầu tiên Trung Quốc phái quan sát viên quân sự tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.
- Tháng 4 năm 1992, lần đầu tiên Trung Quốc phái một đội quân phi tác chiến tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.
- Tháng 1 năm 2000, lần đầu tiên Trung Quốc cử cảnh sát dân sự tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.
- Tháng 2 năm 2002, Trung Quốc chính thức gia nhập chế độ chờ sắp xếp bảo vệ hòa bình cấp I (hệ thống cấp I quy định, nhân viên và trang bị được gửi đến cần được triển khai xong trong vòng 90 ngày).
- Tháng 9 năm 2007, Thiếu tướng Triệu Kinh Dân đến từ Trung Quốc đã chính thức đảm nhận Tư lệnh quân đội của đoàn đặc phái sau cuộc bỏ phiếu bầu ở Tây Sahara thuộc Liên Hiệp Quốc, trở thành cán bộ quốc phòng Trung Quốc đầu tiên đảm nhận cán bộ chỉ huy cao cấp trong lực lượng bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.

cử hơn mười ngàn lượt đại biểu (gồm có nhân viên quân sự và công an cảnh sát) tham gia. Kể từ khi tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc đến nay, 3 cán bộ quốc phòng và 5 chiến sĩ của Trung Quốc đã hy sinh tính mạng quý báu của mình trong nhiệm vụ bảo vệ hòa bình thế giới.

Trung Quốc cho rằng trong công tác bảo vệ hòa bình thế giới, Liên Hiệp Quốc cần phải phát huy vai trò chủ đạo không thể thay thế, cần phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc và tôn chỉ của “Hiến chương Liên Hiệp Quốc” trong việc bảo vệ hòa bình, đồng thời nên coi trọng những chuẩn tắc khác trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là những nguyên tắc như tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp nội chính cũng như không sử dụng vũ lực khi chưa được sự chấp thuận của các bên đương sự ngoài mục đích tự vệ. Trung Quốc cho rằng, những nguyên tắc này là sự đảm bảo cơ bản nhất để hành động bảo vệ hòa bình được tiến hành thuận lợi và gặt hái thành công.

Thúc đẩy giải trừ quân bị trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc

Trung Quốc là một trong năm nước thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, cũng là một nước lớn có năng lượng hạt nhân. Ngay từ ngày đầu tiên có vũ khí hạt nhân, Trung Quốc đã cam kết vô điều kiện rằng, sẽ không sử dụng vũ khí hạt nhân hoặc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân đối với những quốc gia hoặc khu vực không có vũ khí hạt nhân. Từ khi bắt đầu tham gia hội nghị đàm phán Giơ-ne-vơ cũng như

những hoạt động của các ủy ban đặc biệt và tiểu ban công tác trực thuộc đến nay, mỗi năm Trung Quốc đều tham gia vào công việc của ủy ban thứ nhất thuộc Đại hội đồng, chủ yếu thảo luận về vấn đề giải trừ quân bị và an ninh. Ngoài ra, Trung Quốc cũng tham gia vào Hội nghị thường niên của Ủy ban Giải trừ quân bị của Đại hội đồng, ủng hộ Liên Hiệp Quốc phát huy vai trò cần thiết trong vấn đề hạn chế lĩnh vực sử dụng vũ khí hủy diệt. Cho đến hiện nay, Trung Quốc đã tham gia tất cả các điều ước và những tổ chức quốc tế liên quan đến lĩnh vực hạn chế sử dụng vũ khí hủy diệt, lập nên hệ thống pháp quy quản lý xuất khẩu tất cả các kỹ thuật và trang thiết bị quân sự cũng như những sản phẩm nhạy cảm liên quan đến hạt nhân, sinh học, hóa học và súng đạn, thực hiện lộ trình thẩm xét xuất khẩu nghiêm ngặt, đảm bảo quản lý một cách có hiệu quả.



Tháng 9 năm 1996, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Tiền Kỳ Tham đã ký kết "Điều khoản nghiêm cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện" tại trụ sở chính của Liên Hiệp Quốc ở New York.



Ngày 21 tháng 8 năm 2001, Hiệp hội Kiểm soát vũ khí và Giải trừ quân bị Trung Quốc được thành lập tại Bắc Kinh. Đây là tổ chức phi chính phủ đầu tiên trong lĩnh vực kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị của Trung Quốc.

Trong việc kiểm soát vũ khí thông thường, Trung Quốc nghiêm túc thực hiện “Công ước về một số vũ khí thông thường” và các nghĩa vụ trong nghị định thư đi kèm, áp dụng những biện pháp thiết thực để đảm bảo những yêu cầu về kỹ thuật có liên quan đối với sửa đổi “nghị định thư” về vấn đề hoạt động của mìn sát thương, tích cực tham gia công tác đàm phán của tổ chuyên gia thuộc chính phủ về vấn đề cụm đạn dược, triển khai các công tác kế hoạch trừ bị cho các công ước đi kèm với “Nghị định thư về bom mìn chất nổ tàn dư sau chiến tranh”.

Ngoài ra, Trung Quốc còn tích cực cắt giảm lực lượng quân đội của mình, tăng thêm mức độ minh bạch. Năm 1985, Ủy ban Quân sự Trung ương quyết định cắt giảm 1 triệu quân; đến năm 1997, Trung Quốc tiếp tục quyết định sẽ tiến hành giảm thêm 500 ngàn quân trong vòng ba năm sau đó; đến năm 2003 Trung Quốc lại quyết định tiến hành giảm 200 ngàn quân trong vòng hai năm sau để tổng lực lượng quân đội của Trung Quốc giữ ở mức 2,3 triệu người.

Thúc đẩy cải thiện vấn đề nhân quyền và hợp tác nhân quyền quốc tế trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc

Tăng cường và thúc đẩy tôn trọng những vấn đề về nhân quyền và tự do cơ bản của toàn thể nhân loại là một trong những tôn chỉ của Liên Hiệp Quốc, bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền là một trong những mục tiêu được quy định trong “Hiến chương Liên Hiệp Quốc”.

Năm 1979, Trung Quốc cử đoàn đại biểu đến Hội nghị Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc làm quan sát viên. Trong Hội đồng Kinh tế Xã hội Liên Hiệp Quốc vào năm 1981, Trung Quốc được chọn làm thành viên của Ủy ban Nhân quyền. Kể từ năm 1982, Trung Quốc luôn liên nhiệm là thành viên của Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc đồng thời luôn cử đại biểu tham dự các cuộc họp của Ủy ban Nhân quyền, tích cực thúc đẩy hợp tác nhân quyền quốc tế.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, một số quốc gia đã mượn cớ vấn đề nhân quyền liên tục can thiệp vào các vấn đề nội chính của nước khác, mâu thuẫn xoay quanh vấn đề nhân quyền đã trở thành một tiêu điểm trong mâu thuẫn quốc tế. Trung Quốc coi trọng vấn đề nhân quyền nên đã ban bố và sửa chữa bổ sung rất nhiều điều luật bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền. Trên thực tế, Trung Quốc không hề phản đối việc cùng tiến hành thảo luận với các nước khác về vấn đề nhân quyền trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, nhưng Trung Quốc phản đối việc lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào nội chính của Trung Quốc, phản đối việc lợi dụng Ủy ban Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc để chính trị hóa vấn đề nhân quyền. Để tăng cường giao lưu quốc tế, hiểu biết lẫn nhau và tiến hành giới thiệu đến xã hội quốc tế về những nỗ lực trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền ở Trung Quốc cũng như những tình hình tiến triển của Trung Quốc trong lĩnh

vực nhân quyền, từ năm 1991 đến nay, Trung Quốc liên tục ban bố sách trắng như *Tình hình nhân quyền ở Trung Quốc* (năm 1991); *Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền ở Trung Quốc* (1995); *Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền ở Trung Quốc năm 1996* (năm 1997); *Tình hình tự do tín ngưỡng tôn giáo của Trung Quốc* (năm 1997); *Những tiến triển mới trong sự nghiệp nhân quyền ở Khu tự trị Tây Tạng* (năm 1998); *Năm mươi năm phát triển vấn đề nhân quyền ở Trung Quốc* (năm 2000); *Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền ở Trung Quốc năm 2000* (năm 2001); *Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền ở Trung Quốc năm 2003* (năm 2004) và *Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền ở Trung Quốc năm 2004* (năm 2005) v.v.

Trên trường quốc tế, Trung Quốc không chỉ triển khai đối thoại song phương về vấn đề nhân quyền với Liên minh châu Âu và các nước như Úc, Canada, Mỹ, Na Uy v.v., mà còn tích cực tham gia hợp tác trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về vấn đề nhân quyền, gia nhập 22 công ước về Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc; đồng thời, vào tháng 11 năm 2000, Trung Quốc còn cùng với nhân viên chuyên môn cao cấp của Liên Hiệp Quốc về vấn đề nhân quyền ký kết “Biên bản ghi nhớ về hợp tác kỹ thuật trong vấn đề nhân quyền”. Trong Ủy ban Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc đề nghị cần phải căn cứ theo trào lưu lịch sử, tiến hành cải cách cơ chế, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính minh bạch của quyết sách; phản đối việc chính trị hóa vấn đề nhân quyền và chế độ song bản vị, chủ trương xóa bỏ tư duy chiến tranh lạnh, kêu gọi đối thoại về vấn đề nhân quyền trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau; xử lý vấn đề nhân quyền với quan điểm công bằng, xử lý đúng đắn mối quan hệ có tính phổ biến và tính đặc thù của vấn đề nhân



Tháng 10 năm 2004, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào gặp gỡ Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc – Kofi Annan tại Bắc Kinh.

quyền, tôn trọng quyền lựa chọn trong việc bảo vệ và cải thiện vấn đề nhân quyền của các nước.

Ủng hộ Liên Hiệp Quốc cải cách

Để thích nghi với nhu cầu thay đổi của tình hình, nâng cao hiệu quả công tác của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc tích cực ủng hộ Liên Hiệp Quốc cải cách. Năm 2005, Chính phủ Trung Quốc công bố “Văn kiện về lập trường của Chính phủ Trung Quốc đối với vấn đề cải cách của Liên Hiệp Quốc”, trong đó đã nêu lên một cách toàn diện và có tính hệ thống về lập trường của Trung Quốc đối với vấn đề cải cách của Liên Hiệp Quốc. Văn kiện nêu rõ: Cải cách của Liên Hiệp Quốc cần phải có lợi cho việc thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, nâng cao quyền lực và hiệu quả cũng như khả năng đối phó với những thử thách và đe dọa mới của Liên Hiệp Quốc; cải cách cần phải toàn diện và đa lĩnh vực, cần có những đóng góp vào vấn đề an ninh và phát triển, xoay chuyển xu thế “coi trọng an ninh, coi nhẹ phát triển” trong công tác của Liên Hiệp Quốc, quan tâm và đáp ứng tối đa những yêu cầu của tất cả các nước thành viên, đặc biệt là đông đảo các nước đang phát triển.

Tháng 7 năm 2008, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào gặp gỡ Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon (Phan Cơ Văn).

Về nội dung trọng tâm trong cải cách của Liên Hiệp Quốc – vấn đề cải cách Hội đồng Bảo an, Trung Quốc nêu rõ: Cải cách Hội đồng Bảo an cần đa phương diện, vừa bao gồm những vấn đề lớn, cũng



bao gồm cả việc nâng cao hiệu quả công tác, cần coi việc nâng cao quyền lực và hiệu quả, tăng cường khả năng đối phó với những đe dọa và thử thách mang tính toàn cầu của Hội đồng Bảo an là mục đích hàng đầu, ưu tiên tăng cường phát triển các nước đang phát triển mang tính tiêu biểu, kiên trì nguyên tắc cân đối giữa các khu vực cũng như tính tiêu biểu của các nền văn hóa và văn minh khác nhau.

III. PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

Cùng với sự lớn mạnh hơn về thực lực của đất nước cũng như việc tham gia vào xã hội quốc tế ngày càng toàn diện hơn, Chính phủ Trung Quốc luôn tích cực tham gia điều phối và hợp tác trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà xã hội quốc tế phải đối phó. Trung Quốc cũng luôn tích cực gánh vác những nghĩa vụ tương ứng, đảm đương trách nhiệm của một nước lớn trong vấn đề bảo vệ an ninh thế giới, thúc đẩy phát triển toàn cầu.

Nhìn nhận vấn đề kinh tế toàn cầu bằng thái độ, tinh thần trách nhiệm

Toàn cầu hóa kinh tế đã giúp cho kinh tế của thế giới hợp thành nhất thể, cũng khiến cho bất cứ nguy cơ khủng hoảng và suy thoái kinh tế nào đều có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực mang tính toàn cầu. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, với việc xuất khẩu là chủ đạo, kinh tế Trung Quốc đã luôn gắn kết chặt chẽ với kinh tế thế giới. Mỗi lần khủng hoảng kinh tế thế giới đều dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đối với kinh tế Trung Quốc. Nhưng Trung Quốc tin rằng, trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, nếu không có sự phát triển và phồn thịnh của kinh tế thế giới, không có sự trỗi dậy và lớn mạnh của các nước láng giềng, cũng sẽ không có sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc, giúp đỡ người khác cũng chính là giúp đỡ bản thân mình. Khi khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở khu vực và trên toàn thế giới, Trung Quốc phải gánh vác trách nhiệm và chịu những tổn thất tương ứng, đồng thời phát huy vai trò tích cực của mình. Như đợt khủng hoảng tài chính nghiêm trọng bùng nổ ở các nước Đông Nam Á láng giềng của Trung Quốc vào năm 1997, kinh tế Trung Quốc cũng phải đối mặt với những áp lực lớn. Chính phủ Trung Quốc đã khắc phục biết bao khó khăn chống chọi, kiên trì giữ vững mệnh giá đồng nhân dân tệ, tích cực đẩy mạnh nhu cầu trong nước, không chỉ trực tiếp viện trợ kinh tế cho các nước Đông Nam Á bị khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng mà còn thông qua Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế để giúp đỡ cho các nước Đông Nam Á theo chương trình khung đa phương, phát huy vai trò để vượt qua khủng hoảng và được các nước láng giềng vô cùng tín nhiệm.

Sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2001, trên cơ sở công bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, Trung Quốc nghiêm túc tuân thủ những quy tắc của WTO, thực hiện các cam kết của mình, giảm trừ thuế, giảm thiểu các rào cản phi

thuế quan, sửa đổi luật pháp, mở rộng các lĩnh vực mở cửa, không ngừng nâng cao mức độ tự do hóa của Trung Quốc trong lĩnh vực thương mại. Lĩnh vực dịch vụ, thương mại đối ngoại mở cửa cũng từng bước được mở rộng thêm, tiếp tục tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chính sách thương mại càng chặt chẽ và minh bạch hơn. Trong Chương trình khung của Tổ chức Thương mại Thế giới, Trung Quốc ủng hộ việc hoàn thiện thể chế tài chính và thương mại quốc tế, đẩy mạnh tự do hóa và tiện ích hóa trong thương mại và đầu tư, thông qua đàm phán để giải quyết các mâu thuẫn trong kinh tế thương mại.

Năm 2008, cuộc khủng hoảng nợ dưới chuẩn bùng nổ tại Mỹ đã dẫn đến khủng hoảng tiền tệ quốc tế mang tính toàn cầu, mang đến những ảnh hưởng lâu dài và rộng khắp đối với kinh tế toàn cầu, từ đó cũng mang lại những thử thách cam go đối với kinh tế Trung Quốc. Để đối phó với những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế, Chính phủ Trung Quốc đã kịp thời điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô, thực hiện các chính sách tài chính tích cực và nới lỏng chính sách tiền tệ một cách phù hợp, đẩy mạnh hàng loạt kế hoạch mở rộng nhu cầu trong nước và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhanh chóng hoàn thiện các công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng và xây dựng môi trường sinh thái. Trên trường quốc tế, Trung Quốc

Tháng 9 năm 2009, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tham dự Hội nghị thượng đỉnh nhóm G20 lần thứ 3 về vấn đề tài chính tổ chức tại Pittsburgh, Hoa Kỳ.



tham gia hợp tác quốc tế với một thái độ tích cực, phản đối chủ nghĩa bảo hộ dưới mọi hình thức, kêu gọi các nước giữ vững lòng tin, tăng cường hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau. Trung Quốc đề nghị Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế tăng cường và cải thiện giám sát đối với các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các nền kinh tế phát hành dự trữ tiền tệ chủ yếu; cải tiến cơ cấu xử lý của Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới; hoàn thiện hệ thống tiền tệ quốc tế, kiện toàn cơ chế điều chỉnh và kiểm soát dự trữ tiền tệ, giữ cho tỷ lệ dự trữ tiền tệ chủ yếu được ổn định tương đối, thúc đẩy đa nguyên hóa, hợp lý hóa hệ thống tiền tệ quốc tế. Những biện pháp của Chính phủ Trung Quốc đã giúp thu nhỏ một cách tối đa phạm vi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính đối với Trung Quốc, từ đó có những đóng góp to lớn cho việc hồi phục tăng trưởng kinh tế thế giới.

Tham gia hợp tác quốc tế về vấn đề chống khủng bố

Sau sự kiện khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 xảy ra tại nước Mỹ, chủ nghĩa khủng bố vốn từ ý nghĩa thông thường là những mối đe dọa phi truyền thống lúc này đã trở thành mối nguy hại chung của toàn thế giới, phòng chống và lật đổ chủ nghĩa khủng bố đã trở thành một bài toán mới và quan trọng mà các quốc gia an ninh chiến lược chủ yếu trên thế giới phải đối mặt.

Trung Quốc cũng là một nước bị hại bởi chủ nghĩa khủng bố, các lực lượng khủng bố như "Đông Turkistan" liên tục gây ra những sự kiện khủng bố ở vùng Tân Cương, Trung Quốc, gây nên thiệt hại vô cùng to lớn về người và của, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định xã hội cũng như vấn đề an toàn về tài sản và tính mạng của đông đảo quần chúng nhân dân các dân tộc Trung Quốc. Đứng trước mối nguy hại chung mang tính toàn cầu, Trung Quốc dựa trên quan điểm an ninh mới với nội dung chủ yếu là "cùng tin tưởng, cùng có lợi, bình đẳng, hợp tác" để đưa ra các chính sách chống khủng bố, triển khai hợp tác quốc tế chống khủng bố, cùng ngăn chặn và lật đổ các hoạt động khủng bố quốc tế.

Trung Quốc chủ trương, chống chủ nghĩa khủng bố là phải triệt để từ gốc đến ngọn, áp dụng những biện pháp tổng hợp và cần phải được tiến hành đồng bộ. Lật đổ chủ nghĩa khủng bố cần phải có chứng cứ xác đáng, mục tiêu chính xác, phù hợp với tôn chỉ và nguyên tắc của "Hiến chương Liên Hiệp Quốc" cũng như những chuẩn tắc pháp quy quốc tế được thừa nhận, phát huy đầy đủ vai trò chủ đạo của Liên Hiệp Quốc và Hội đồng Bảo an; không nên lẫn lộn giữa chủ nghĩa khủng bố với một dân tộc hay một tôn giáo nhất định nào; không nên áp dụng chế độ song bản vị đối với việc lật đổ chủ nghĩa khủng bố, cho dù chủ nghĩa khủng bố xảy ra ở nơi nào, vào thời điểm nào, nhằm vào ai, xuất hiện với bất cứ hình thức nào thì xã hội quốc tế đều cần phải cùng nhau cố gắng, kiên quyết lên án và lật đổ.

Các chiến sĩ tham gia diễn tập quân sự liên kết chống khủng bố đa phương.



Trung Quốc tích cực ủng hộ và tham gia hợp tác chống khủng bố quốc tế, gia nhập “Công ước quốc tế về ngăn chặn bùng nổ chủ nghĩa khủng bố”, ký kết “Công ước quốc tế về tài trợ cho việc ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố”. Trong 12 công ước quốc tế về chống chủ nghĩa khủng bố, Trung Quốc đã tham gia 10 công ước và ký kết một công ước. Vào năm 2001, Trung Quốc đã cùng với các nước thành viên khác trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải ký kết “Công ước Thượng Hải về chống chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa li khai và chủ nghĩa cực đoan”.

Trung Quốc đã lần lượt tiến hành đàm phán về chống khủng bố với các nước Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Pakistan và Ấn Độ v.v., tiến hành giao lưu song phương hoặc đa phương với hơn 30 quốc gia về việc chống khủng bố, đồng thời tích cực tham gia công tác của Ủy ban Chống khủng bố thuộc Hội đồng Bảo an. Trung Quốc tích cực kêu gọi các lãnh đạo của Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương lên tiếng chống khủng bố trong Hội nghị Thượng Hải; kêu gọi các lãnh đạo chính phủ, bộ trưởng bộ quốc phòng, lãnh đạo các cơ quan an ninh chấp pháp và bộ trưởng bộ ngoại giao của các nước thành viên trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải cùng lên tiếng chống khủng bố, tích cực ủng hộ tổ chức này xây dựng các cơ quan chống khủng bố ở địa phương; đồng thời nhiều lần tiến hành diễn tập chống khủng bố theo chương trình khung của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Ví dụ như vào tháng 10 năm 2002, Trung Quốc đã cùng với Cựơguxtan diễn tập quân sự về liên kết chống khủng bố; vào tháng 8 năm 2003, quân đội của năm nước: Trung Quốc, Cadắcxtan, Nga, Cựơguxtan và Tátgikixtan đã tổ chức tập trận liên kết chống khủng bố đa phương lần đầu tiên theo chương trình khung của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải tại Cadắcxtan và Tân Cương Trung Quốc; tháng 9 năm 2007, Bộ đội Cảnh sát Vũ trang Nhân dân Trung Quốc và

Lực lượng An ninh chính trị nội bộ Nga đã tổ chức đợt diễn tập liên kết chống khủng bố mang tên “Hợp tác 2007”.

Tích cực tham gia hợp tác quốc tế về vấn đề biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu toàn cầu cũng như những ảnh hưởng bất lợi của nó là vấn đề mà cả nhân loại đang cùng quan tâm. Trung Quốc rất coi trọng và nhận thức một cách đầy đủ về tính quan trọng cũng như tính bức thiết trong việc đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Trong nước, Trung Quốc luôn cân nhắc đến việc phát triển kinh tế và xây dựng môi trường sinh thái. Vào năm 2007, Trung Quốc đã quy định và ban bố “Phương án quốc gia đối với vấn đề biến đổi khí hậu”, đưa ra mục tiêu tổng thể trong việc đối phó vấn đề biến đổi khí hậu cho đến năm 2010.

Trung Quốc tích cực tham gia vào tiến trình đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu của xã hội quốc tế. Dựa trên nguyên tắc “cùng có lợi, cùng thắng lợi, hiệu quả thiết thực” cũng như “chung và khác biệt”, Trung Quốc tích cực tham gia và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu. Trong những cuộc giao lưu song phương cũng như những cuộc giao lưu đa phương như Hội nghị đối thoại thượng đỉnh nhóm 8 nước công nghiệp phát triển và 5 nước đang phát triển, Hội nghị Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, Hội nghị thượng đỉnh Đông Nam Á, Diễn đàn châu Á Bắc Ngao v.v., các lãnh đạo Trung Quốc đã nêu rõ lập trường của Trung Quốc trong việc hợp tác quốc tế về vấn đề biến đổi khí hậu, tích cực thúc đẩy hành động toàn cầu đối với vấn đề biến đổi khí hậu.

Tháng 9 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Dương Kiết Trì tham gia và phát biểu tại tiểu ban chuyên đề về vấn đề thích ứng trong Hội nghị cấp cao về biến đổi khí hậu của Liên Hiệp Quốc.

Trung Quốc đã tham gia hơn 50 công ước quốc tế đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường như “Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên Hiệp Quốc”; “Nghị định thư Tokyo”; “Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn”; “Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy”; “Công ước đa dạng sinh học” và “Công ước chống sa mạc hóa của Liên Hiệp Quốc” v.v., đồng thời tích cực thực hiện nghĩa vụ được quy định rõ trong những công ước này.

Trung Quốc tích cực cùng chính phủ các nước, tổ chức quốc tế, các cơ quan nghiên cứu nước ngoài triển khai hợp tác nghiên cứu để đối phó với lĩnh vực biến đổi



khí hậu, tích cực tham gia vào những kế hoạch hợp tác khoa học kỹ thuật quốc tế như: Chương trình Nghiên cứu Khí hậu thế giới (WCRP) thuộc chương trình khung của Liên minh Hệ thống Khoa học Địa cầu (ESSP); Chương trình Sinh - Địa quyển quốc tế (IGBP); Chương trình Hệ thống Giám sát Khí hậu toàn cầu (GCOS); Hệ thống Quan sát Đại dương toàn cầu (GOOS) v.v., đồng thời tăng cường giao lưu thông tin, chia sẻ tài nguyên với các cơ quan và tổ chức quốc tế có liên quan. Đến tháng 7 năm 2008, Trung Quốc đã đăng ký thành công 244 hạng mục hợp tác về Cơ chế Phát triển sạch (CDM) của Liên Hiệp Quốc. Dự tính những hạng mục này có thể giảm thiểu lượng khí thải mỗi năm tương đương với 113 triệu tấn carbon dioxide (CO₂).

IV. ĐẨY MẠNH GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ NÓNG CỦA KHU VỰC

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, tình hình quốc tế nhìn chung đã bớt căng thẳng hơn nhưng các vấn đề nóng cũng như những xung đột trong khu vực vẫn liên tục xảy ra đã phá hoại sự ổn định của khu vực. Những thảm họa thiên nhiên như động đất, sóng thần v.v. đã mang lại những ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với sự sinh tồn và phát triển của nhân loại.

Khi các quốc gia khác phải chịu thảm họa thiên nhiên nghiêm trọng, Chính phủ Trung Quốc đã tích cực viện trợ nhân đạo để giúp đỡ nhân dân các nước bị thiên tai vượt qua khó khăn. Như trận động đất kéo theo sóng thần xảy ra ở Ấn Độ Dương vào cuối năm 2004, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đã dành cho các nước phải hứng chịu thiên tai sự giúp đỡ kịp thời và chân thành để nhân dân các nước vượt qua khó khăn sau thiên tai, ổn định và xây dựng lại cuộc sống. Đây là hành động cứu trợ nước ngoài với quy mô lớn nhất mà Trung Quốc đã thực hiện kể từ khi thành lập nước đến nay.

Trong quá trình giải quyết những vấn đề nóng thuộc khu vực, Chính phủ Trung Quốc luôn tuân theo các nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, nói thẳng nói thật, phát huy vai trò mang tính xây dựng, đẩy mạnh giải quyết thỏa đáng những vấn đề nóng trong khu vực.

Vấn đề Trung Đông

Vấn đề Trung Đông tức là vấn đề xung đột giữa Tiểu vương quốc Ả Rập (bao gồm cả Palestine) và I-rắc. Kể từ khi xung đột bắt đầu nảy sinh vào năm 1947, đã có ba cuộc chiến tranh xảy ra trên quy mô lớn khiến cho gần một triệu người dân Ả Rập sinh sống tại Palestine trở thành người tị nạn. Từ đó, mâu thuẫn giữa người Ả Rập và I-rắc ngày càng căng thẳng hơn, trở thành vấn đề nóng của khu vực kéo dài nhất trên thế giới.

Trung Quốc luôn thấu hiểu những bất hạnh mà nhân dân Palestine đã gặp phải, đồng thời luôn ủng hộ nhân dân Ả Rập và nhân dân Palestine đấu tranh thu hồi lại vùng đất bị mất và khôi phục lại quyền lợi dân tộc, ủng hộ nhân dân Palestine quay về đoàn

tự và ủng hộ quyền lợi xây dựng quốc gia độc lập của họ. Ngay từ năm 1988, Trung Quốc đã thừa nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với quốc gia Palestine. Mặt khác, Trung Quốc cũng không phản đối dân tộc Do Thái và nhân dân I-rắc, không tán thành việc xóa bỏ quốc gia I-rắc.

Lịch sử và hiện thực của Trung Đông đã chứng minh rằng, vũ lực và đối kháng không có lợi cho việc giải quyết vấn đề ở khu vực này. Trung Quốc ủng hộ tiến trình hòa bình của Trung Đông, phái đặc sứ đến khu vực này để thúc đẩy tiến trình hòa bình của Trung Đông không ngừng gặt hái được những tiến triển mới, qua đó có thể thấy Trung Quốc đã nỗ lực hết mình và góp phần to lớn vào vấn đề này. Trung Quốc cho rằng, những nghị quyết có liên quan đến vấn đề Trung Đông của Liên Hiệp Quốc và nguyên tắc “Lấy đất đổi hòa bình” được xác định trong Hội nghị Hòa bình Madrid đã tạo cơ sở cho việc đàm phán hòa bình tại Trung Đông. Những nghị quyết, hòa giải đã đạt được và việc hai bên nghiêm túc thực hiện chính là vấn đề mấu chốt để đàm phán hòa bình ở Trung Đông thoát khỏi tình trạng căng thẳng.

Vấn đề Afghanistan

Afghanistan là nước láng giềng của Trung Quốc, là một trong những quốc gia cùng Trung Quốc thiết lập mối quan hệ ngoại giao



Tháng 12 năm 2003, Hội nghị Khu vực châu Á – Thái Bình Dương về vấn đề Palestine của Liên Hiệp Quốc được tổ chức tại Bắc Kinh.

sớm nhất. Trung Quốc luôn ủng hộ nhân dân Afghanistan thực hiện những sự nghiệp chính nghĩa, đó là bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia. Trung Quốc là nước láng giềng duy nhất không có bất cứ vấn đề mâu thuẫn nào thuộc tàn dư lịch sử với Afghanistan.

Sau sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cùng với việc chuyển hướng trong trọng tâm chống khủng bố của Mỹ, vấn đề Afghanistan trở thành một trong những tiêu điểm mà cả thế giới đều quan tâm. Là một nước láng giềng, Trung Quốc luôn hy vọng Afghanistan sẽ trở thành một quốc gia hòa bình, một quốc gia hợp tác với xã hội quốc tế, một quốc gia mà ở đó nhân dân các dân tộc chung sống hòa bình. Trung Quốc chủ trương rằng, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Afghanistan cần được tôn trọng tuyệt đối, giải pháp cuối cùng đối với vấn đề Afghanistan cần do chính nhân dân Afghanistan tự quyết định. Trung Quốc ủng hộ chính phủ lâm thời của Afghanistan thực hiện quyền lực một cách hiệu quả, thúc đẩy các phe phái của Afghanistan coi trọng quốc gia, coi trọng hòa bình, duy trì hòa bình và sự ổn định, khởi đầu tiến trình xây dựng lại quốc gia. Đồng thời, Trung Quốc cũng cho rằng giải pháp chính trị trong vấn đề Afghanistan không thể tách rời vai trò của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc đánh giá cao những nỗ lực của Liên Hiệp Quốc trong việc giải quyết vấn đề Afghanistan vì hòa bình, ủng hộ đoàn viện trợ Afghanistan của Liên Hiệp Quốc phát huy vai trò phối hợp và chủ đạo trong tiến trình tái thiết tại Afghanistan.

Đối với vấn đề Jerusalem được coi là vấn đề khó giải quyết nhất trong vấn đề Trung Đông, Trung Quốc cho rằng các bên có liên quan nên dựa trên cơ sở những nghị quyết có liên quan của Liên Hiệp Quốc để tiến hành đàm phán và tìm cách giải quyết thỏa đáng, cần tránh sử dụng bất cứ hành động đơn phương nào trái với nghị quyết.

Tháng 1 năm 2002, nghi thức ký kết viện trợ cho Afghanistan đã được Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ lâm thời Afghanistan tổ chức tại Bắc Kinh.



Trung Quốc ủng hộ những nỗ lực của Chính phủ và nhân dân Afghanistan trong việc duy trì sự ổn định, phát triển kinh tế và tái thiết hòa bình quốc gia. Trung Quốc viện trợ cho Afghanistan về mặt vật chất, tiền bạc và các khoản vay ưu đãi; đồng thời tích cực cùng với Afghanistan xây dựng các cơ sở hạ tầng như đường sá, công trình thủy lợi, bệnh viện v.v.. Đứng trên nguyên tắc của xã hội quốc tế, Trung Quốc tích cực thúc đẩy việc tái thiết của Afghanistan, thúc đẩy hòa bình và ổn định ở Afghanistan.

Vấn đề Darfur - Sudan

Vào thập niên 60, 70 thế kỷ XX, khu vực Darfur thuộc vùng phía tây của Sudan thường xuyên bị khô hạn và tình trạng sa mạc hóa diễn ra rất nghiêm trọng. Vì thế dân du mục ở đây thường xuyên tranh giành nhau nguồn nước, bãi cỏ và tài nguyên đất dẫn đến xung đột gay gắt giữa các bộ lạc, từ đó đã khiến cho cục diện an ninh khu vực xấu đi trầm trọng. Cuối cùng, xung đột ở quy mô lớn đã xảy ra vào năm 2003, khu vực Darfur đứng lên phản đối chính phủ và các lực lượng vũ trang của chính phủ, sau đã diễn biến thành vấn đề nóng mà cả thế giới quan tâm.

Khi cùng thảo luận với Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc về vấn đề Darfur, Trung Quốc luôn chủ trương, cần tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Sudan, thông qua hiệp thương chính trị và đối thoại bình đẳng để giải quyết vấn đề này, phản đối chế tài và đe dọa sử dụng vũ lực; Trung Quốc chủ trương, những biện pháp có liên quan của Hội đồng Bảo an nên phản ánh nguyện vọng chung của xã hội quốc tế, cũng cần phải cân nhắc đến những lo ngại hợp lý của Sudan, càng phải chú trọng đến những giải pháp thỏa đáng cuối cùng đối với vấn đề này. Xã hội quốc tế cần giúp đỡ Sudan cải thiện tình thế an ninh và nhân sinh ở khu vực Darfur, thực hiện viện trợ để Sudan tái thiết và phát triển, nhanh chóng thực hiện hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực này; trong quá trình tham gia giải quyết vấn đề Darfur - Sudan, xã hội quốc tế cần phát huy đầy đủ vai trò chủ đạo của cả ba cơ chế, đó là Liên Hiệp Quốc, Liên minh châu Phi và chính phủ Sudan, thúc đẩy hành động bảo vệ hòa bình và tiến trình chính trị ở khu vực Darfur một cách cân đối.

Trung Quốc luôn xuất phát từ góc độ có lợi cho sự phát triển và ổn định lâu dài của Sudan, đưa ra những đề nghị và cảnh báo liên quan đến tính xây dựng đối với Sudan, giúp đỡ Chính phủ Sudan tăng cường giao lưu và hòa giải giữa các bên có liên quan. Năm 2007, Chính phủ Trung Quốc đã thành lập đoàn đại biểu đặc biệt đối với vấn đề Darfur Sudan, đã nhiều lần đến thăm Sudan và các nước có liên quan ở châu Âu, châu Mỹ và châu Phi cũng như Liên Hiệp Quốc, Liên đoàn Ả Rập và Liên minh châu Âu, luôn giữ mối quan hệ và giao lưu chặt chẽ với các bên, tiến hành làm việc với các bên ở nhiều trường hợp khác nhau, giảm bớt sự khác biệt về lập trường, tăng cường tin cậy lẫn nhau, đồng thời cùng với các bên có liên quan thúc đẩy Liên Hiệp Quốc, Liên minh châu Phi và Chính phủ Sudan đi đến nhất trí trong "Hành động kết hợp" của Liên minh châu Phi và Liên Hiệp

Ngày 16 tháng 1 năm 2007, đội quân thứ hai của Trung Quốc khởi hành từ Sân bay quốc tế Tân Trại tỉnh Hà Nam để đến Sudan tham gia hành động bảo vệ hòa bình.



Quốc tại trụ sở ở khu vực Darfur. Tháng 7 năm 2007, trong thời kỳ đảm nhận chức Chủ tịch Hội đồng Bảo an luân phiên, Trung Quốc tích cực thúc đẩy Hội đồng Bảo an nhất trí thông qua Nghị quyết số 1769, giúp cho sự nỗ lực của xã hội quốc tế trong việc đẩy nhanh việc giải quyết vấn đề Darfur đã gặt hái được những hiệu quả mang tính giai đoạn. Thuận theo đề nghị của Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc cam kết sẽ phái cử một đoàn công binh đa năng gồm 315 người đến tham gia hành động bảo vệ hòa bình ở khu vực Darfur, đồng thời cũng nhiều lần tiến hành viện trợ nhân đạo và tích cực tham gia vào việc tái thiết cũng như phát triển kinh tế của khu vực này.

Vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, môi trường an ninh quốc tế đã xảy ra nhiều thay đổi lớn, một mặt, một số quốc gia vì cân nhắc đến vấn đề an ninh của bản thân, hoặc cân nhắc đến những phương diện khác nên tập trung vào phát triển vũ khí hạt nhân; mặt khác, việc mở rộng các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt cũng như việc vận chuyển vũ khí đã trở thành vấn đề nóng mà xã hội quốc tế vô cùng quan tâm. Vấn đề vũ khí hạt nhân ở Triều Tiên và vấn đề vũ khí hạt nhân ở I-ran chính là hai ví dụ điển hình.

Từ đầu thập niên 90 thế kỷ XX, vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên luôn là vấn đề nóng bỏng thu hút được sự quan tâm của xã hội quốc tế. Trung Quốc cũng luôn quan tâm đến vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, và đã rất cố gắng để triển khai công tác ngoại giao đa phương trong việc giải quyết vấn đề này. Sau khi vấn đề vũ khí hạt nhân ở Triều Tiên trở thành vấn đề nóng của thế giới, Chính phủ Trung Quốc đã tích cực đứng ở lập trường trung gian, tổ chức đàm phán 3 bên tại Bắc Kinh và sau đó là đàm phán 6 bên cũng tại Bắc Kinh vào năm 2003, qua đó thúc đẩy cuộc đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân ở Triều

Tiên gặt hái được những tiến triển mang tính giai đoạn. Vào tháng 2 và tháng 10 năm 2007, văn kiện chung về “Các hành động ban đầu để thực hiện Tuyên bố chung” và văn kiện chung “Các hành động giai đoạn hai để thực hiện Tuyên bố chung” lần lượt được thông qua, đã xác định mục tiêu giải trừ hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Trung Quốc luôn phản đối việc phổ biến vũ khí hạt nhân, chủ trương giải trừ vũ khí hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, ra sức duy trì hòa bình và ổn định lâu dài trên bán đảo này. Đối với việc Triều Tiên bất chấp sự phản đối của xã hội quốc tế, vẫn tiến hành thử nghiệm hạt nhân hai lần vào tháng 10 năm 2006 và tháng 5 năm 2009, Trung Quốc đều tỏ rõ thái độ phản đối. Sau khi Triều Tiên tiến hành thử nghiệm vũ khí hạt nhân lần thứ hai bất chấp sự phản đối của xã hội quốc tế, Trung Quốc đã bỏ phiếu ủng hộ Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc thông qua Nghị quyết số 1874 về vấn đề thử nghiệm hạt nhân của Triều Tiên, yêu cầu phía Triều Tiên không nên có thêm bất cứ hành động gì khiến cho tình hình trở nên xấu hơn. Đồng thời, Trung Quốc cũng cho rằng, là một nước có chủ quyền và là một nước thành viên của Liên Hiệp Quốc, các vấn đề của Triều Tiên như chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, việc cân nhắc đến vấn đề an ninh một cách hợp lý cũng như lợi ích phát triển của nước này đều cần phải được tôn trọng. Sau khi Triều Tiên quay trở lại ký kết “Hiệp ước không phổ biến vũ khí

Từ trước đến nay, Trung Quốc luôn chủ trương thông qua đàm phán hòa bình để giải quyết những tranh chấp quốc tế và xung đột khu vực. Trong ảnh là cảnh toàn thể hội nghị đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên được tổ chức tại Bắc Kinh.



hạt nhân”, nước này cần được hưởng quyền sử dụng năng lượng hạt nhân vì hòa bình. Trung Quốc chủ trương thông qua đối thoại hiệp thương, giải quyết vấn đề hạt nhân của Triều Tiên bằng giải pháp hòa bình, duy trì hòa bình và ổn định trên bán đảo Triều Tiên cũng như khu vực Đông Bắc Á.

Vấn đề hạt nhân ở I-ran

Vấn đề hạt nhân ở I-ran cũng tương tự như vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, đến năm 2003 thì trở thành vấn đề nóng của toàn thế giới. Trong quá trình này, I-ran luôn nhấn mạnh về quyền sử dụng năng lượng hạt nhân vì hòa bình, nhưng khi hợp tác với cơ quan năng lượng hạt nhân quốc tế và đình chỉ hoạt động làm giàu Uranium thì lại nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Phương Tây tăng cường áp lực đối với kế hoạch hạt nhân của I-ran, gây nên tình thế căng thẳng giữa I-ran và phương Tây trong vấn đề này.

Trung Quốc luôn ủng hộ xã hội quốc tế trong việc duy trì không phổ biến vũ khí hạt nhân. Sau khi nguy cơ hạt nhân bùng nổ ở I-ran, Trung Quốc chủ trương thông qua giải pháp hòa bình chính trị và ngoại giao để giải quyết vấn đề hạt nhân ở I-ran, và để bảo vệ hòa bình và sự ổn định ở khu vực Trung Đông. Trung Quốc cho rằng, phía I-ran có quyền sử dụng năng lượng hạt nhân vì hòa bình, đánh giá cao thái độ của I-ran qua nhiều lần nước này bày tỏ không có ý định phát triển vũ khí hạt nhân đồng thời triển khai hợp tác với các cơ quan năng lượng hạt nhân quốc tế. Trung Quốc cho rằng, là một nước ký kết “Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân”; I-ran có quyền sử dụng năng lượng hạt nhân vì hòa bình, đồng thời cũng nên chấp hành những nghĩa vụ quốc tế tương ứng. Trung Quốc tích cực tham gia tiến trình xem xét vấn đề hạt nhân của I-ran cùng với các cơ quan năng lượng quốc tế và Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, nhiều lần tham dự Hội nghị Ngoại trưởng 6 nước về vấn đề hạt nhân ở I-ran. Vào tháng 4 năm 2008, hội nghị 6 bên đã được tổ chức tại Thượng Hải để đẩy mạnh giải pháp hòa bình đối với vấn đề hạt nhân ở I-ran.

TUÂN THỦ NGUYÊN TẮC CHUNG SỐNG HÒA BÌNH, TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO TOÀN DIỆN



Năm nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội chính của nhau, bình đẳng cùng có lợi, chung sống hòa bình là một trong những đặc điểm quan trọng của quan hệ quốc tế. Kiên trì 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, xây dựng phát triển mối quan hệ ngoại giao hòa bình hữu nghị với tất cả các nước là nội dung quan trọng của ngoại giao Trung Quốc.

Trước sau như một, Trung Quốc luôn tuân thủ 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, tích cực phát triển quan hệ ngoại giao với nhiều nước khác nhau, mối quan hệ ngoại giao với những nước phát triển cũng luôn được giữ ở trạng thái ổn định chung trên cơ sở 5 nguyên tắc này. Quan hệ hữu nghị với những nước láng giềng cũng bước vào thời kỳ tốt đẹp nhất kể từ khi thành lập nước. Mối quan hệ hợp tác đoàn kết với hầu hết các nước đang phát triển cũng tiếp tục được củng cố và bền vững thêm. Hiện nay, môi trường quốc tế của Trung Quốc cũng như môi trường xung quanh đều đang trong thời kỳ tốt đẹp nhất kể từ khi đất nước thành lập đến nay.

I. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA 5 NGUYÊN TẮC CHUNG SỐNG HÒA BÌNH

Cố Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai là người đầu tiên nêu ra “5 nguyên tắc chung sống hòa bình” vào năm 1953 khi gặp gỡ đoàn đại biểu Ấn Độ. Khi ấy, đoàn đại biểu của Chính phủ Trung Quốc và đoàn đại biểu của Chính phủ Ấn Độ bắt đầu đàm phán về quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ trong vấn đề Tây Tạng. Trong khi đàm phán, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói rằng: “Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập đã xác định ngay những chuẩn tắc trong việc xử lý mối quan hệ giữa hai nước Trung Quốc và Ấn Độ, đó chính là nguyên tắc tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của nhau, không

Tháng 4 năm 1955, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tham dự hội nghị Á Phi tổ chức tại Bandung, Indonesia. Thủ tướng khẳng định lại 5 nguyên tắc chung sống hòa bình.



xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội chính của nhau, bình đẳng cùng có lợi và chung sống hòa bình”. Chủ trương này đã nhận được sự tán thành của phía Ấn Độ, đồng thời được đưa vào phần “Lời nói đầu” trong “Hiệp định giữa Trung Quốc và Ấn Độ về vấn đề giao thông và thông thương giữa khu vực Tây Tạng của Trung Quốc với Ấn Độ”.

Vào tháng 4 năm 1955, Thủ tướng Chu Ân Lai đã tham dự Hội nghị Á – Phi được tổ chức tại Bandung, Indonesia (còn gọi là Hội nghị Bandung) với sự tham dự của 29 quốc gia. Trong báo cáo cuối cùng của hội nghị có đề cập đến 10 nguyên tắc quan hệ quốc tế, thực ra chính là sự mở rộng của 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Về sau, dựa trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, Trung Quốc lần lượt giải quyết các vấn đề về biên giới còn tồn tại từ trong lịch sử với các nước Myanmar, Nepal, Mông Cổ, Pakistan và Afghanistan v.v..

Từ cuối năm 1963 đến đầu năm 1964, Thủ tướng Chu Ân Lai đã đến thăm và làm việc ở 14 nước châu Á, châu Phi và châu Âu, đồng thời nêu lên 8 nguyên tắc của Trung Quốc trong việc viện trợ kinh tế kỹ thuật đối với nước ngoài, phát triển 5 nguyên tắc chung sống hòa bình sang lĩnh vực hợp tác kinh tế. Những văn kiện quan trọng như “Thông cáo chung Trung – Mỹ” do Tổng thống Mỹ Nixon đã phát biểu trong chuyến thăm và làm việc tại Trung Quốc vào năm 1972 và “Thông cáo chung về việc thiết lập mối quan hệ ngoại giao Trung – Mỹ” phát biểu vào năm 1978 cũng như “Hiệp ước hòa bình hữu nghị” được ký kết vào năm 1978 giữa hai nước Trung Quốc và Nhật Bản v.v. đều nhấn mạnh cần coi 5 nguyên tắc chung sống hòa bình là những nguyên tắc mang tính chủ đạo trong việc phát triển mối quan hệ hai bên.

Khi mới vừa đưa ra 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, Trung Quốc chủ yếu muốn nhấn mạnh việc dùng những nguyên tắc này trong việc chỉ đạo mối quan hệ giữa Trung Quốc với những nước có chế độ xã hội khác nhau. Thực tiễn sau này đã chứng minh, nếu như tuân thủ 5 nguyên tắc chung sống hòa bình thì những nước có chế độ xã hội khác nhau vẫn có thể chung sống hòa thuận, hữu nghị và hợp tác; nếu đi trái với 5 nguyên tắc chung sống hòa bình thì dẫu là những nước có cùng chế độ xã hội vẫn có thể đi đến đối kháng lẫn nhau, thậm chí còn xảy ra xung đột. Mối quan hệ giữa các nước tiến



Tháng 1 năm 1957, khi Thủ tướng Chu Ân Lai đến thăm Liên Xô, Ba Lan, Hungary đều đã nhấn mạnh, trong quan hệ giữa các nước chủ nghĩa xã hội cũng cần tuân thủ 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Trong ảnh là Thủ tướng Chu Ân Lai hội kiến với Chủ tịch Voroshilov của Đoàn Chủ tịch tối cao Xô Viết của Liên Xô.



Tháng 6 năm 2004, nhân dịp kỷ niệm 50 năm 5 nguyên tắc chung sống hòa bình được xây dựng, hơn 100 nhân sĩ trong giới chính trị và học giả cao cấp đến từ năm châu đã tập trung về Bắc Kinh tham dự Hội thảo quốc tế “5 nguyên tắc chung sống hòa bình”.

triển theo hướng tốt hay xấu, vấn đề mấu chốt ở việc có nghiêm túc tuân thủ 5 nguyên tắc chung sống hòa bình hay không.

Tháng 12 năm 1982, kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa 5 của Trung Quốc đã thông qua hiến pháp mới quy định rõ: “Trung Quốc kiên trì chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, kiên trì 5 nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội chính của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng chung sống hòa bình, phát triển quan hệ ngoại giao và giao lưu kinh tế văn hóa với nhiều nước khác”.

Trung Quốc là nước đề xướng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình và cũng là nước luôn thực hiện những nguyên tắc này. Cho đến nay, 5 nguyên tắc chung sống hòa bình đã được ghi vào thông cáo thiết lập mối quan hệ ngoại giao và những văn kiện song phương quan trọng khác của Trung Quốc và 171 nước khác trên thế giới. Trung Quốc kiên trì dựa trên 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, cùng các nước trên thế giới xây dựng và phát triển mối quan hệ ngoại giao, hình thành nên cục diện tốt đẹp trong việc phát triển toàn diện mối quan hệ ngoại giao giữa các nước. Trên trường quốc tế, Trung Quốc chủ trương coi 5 nguyên tắc chung sống hòa bình là cơ sở để xây dựng trật tự mới của chính trị quốc tế và trật tự mới của kinh tế quốc tế hòa bình, ổn định và công bằng, hợp lý.

II. DUY TRÌ SỰ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

Ngoại giao là một biện pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu của chính sách đối ngoại và bảo vệ lợi ích quốc gia. Lợi ích quốc gia luôn thuộc phạm trù đa nguyên hóa, luôn thể hiện những đặc điểm khác nhau trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, cũng như những hoàn cảnh trong và ngoài nước khác nhau. Thời kỳ 30 năm trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, lợi ích quốc gia của Trung Quốc trước hết là bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, cùng với sự chuyển hướng của những vấn đề trọng tâm trong nước, lợi ích quốc gia của Trung Quốc chủ yếu thể hiện ở các mặt như thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng nâng cao sức mạnh tổng hợp và cải thiện đời sống nhân dân. Tương ứng với những mặt nói trên, nhiệm vụ chủ yếu của công tác ngoại giao là tạo ra một môi trường quốc tế hòa bình và môi trường xung quanh tốt đẹp bền vững cho việc xây dựng phát triển kinh tế trong nước.

Nếu xét từ việc thực hiện mục tiêu trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc hiện nay thì việc ổn định mối quan hệ ngoại giao với các nước phát triển có một ý nghĩa quan trọng. Trước hết, xét về việc duy trì tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc, các nước phát triển như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản là những đối tác thương mại chủ yếu của Trung Quốc. Theo thống kê của Trung Quốc, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và những nước nói trên luôn chiếm trên 40% tổng kim ngạch thương mại đối ngoại của Trung Quốc trong nhiều năm nay; có khoảng 1/4 thu hút đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc đến từ ba nền kinh tế lớn là Mỹ, Liên minh châu Âu và Nhật Bản; các nước phát triển cũng là nguồn chủ yếu để Trung Quốc thu hút khoa học kỹ thuật tiên tiến, là những nơi chủ yếu các lưu học sinh Trung Quốc tìm đến du học. Ổn định mối quan hệ với các nước phát triển là những tổng kết kinh nghiệm rất thành công trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc kể từ khi cải cách mở cửa cho đến nay, cũng là điều kiện để Trung Quốc tiếp tục giữ vững tốc độ phát triển của kinh tế trong nước.

Nếu xét về góc độ lợi ích chính trị và an ninh, giữa Trung Quốc và các nước phát triển đều tồn tại nhiều khác biệt về chế độ chính trị, giá trị quan và phong cách sống. Những vấn đề về chính trị và an ninh mà Trung Quốc phải đối mặt ít nhiều đều có một mối liên hệ nào đó với những khác biệt ấy. Ngoài ra, mối quan hệ tốt xấu với những nước phát triển sẽ ảnh hưởng đến mối quan hệ của Trung Quốc với những nước khác, từ đó cũng sẽ ảnh hưởng đến việc mục tiêu ngoại giao của Trung Quốc có thực hiện được hay không. Chính vì vậy, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng mối quan hệ với các nước phát triển.

Giữ vững sự ổn định, phát triển lành mạnh trong mối quan hệ Trung – Mỹ

Trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước lớn ở phương Tây thì mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ là điều mấu chốt nhất trong tất cả những điều mấu chốt.



Trung Quốc là nước lớn nhất trong số những nước đang phát triển trên thế giới còn Mỹ là nước lớn nhất trong số những nước phát triển. Bất kể đối với hai nước nói riêng hay đối với cả thế giới nói chung thì mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đều là mối quan hệ song phương vô cùng quan trọng. 60 năm nay, quan hệ Trung – Mỹ đã trải qua rất nhiều thăng trầm, vừa có những mâu thuẫn đối kháng, cũng có cả những hợp tác hòa bình. Trải qua quá trình không ngừng giao lưu và thấu hiểu lẫn nhau, Trung Quốc và Mỹ đã hình thành nên một mối quan hệ phụ thuộc cao độ như hiện nay.

Nhìn từ góc độ lịch sử thì quá trình phát triển trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ có thể chia thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn là 20 năm. Giai đoạn 20 năm đầu khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập, mối quan hệ Trung – Mỹ ở trạng thái đối lập, đối kháng và xung đột. Nước Mỹ không công nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thực hiện chính sách cô lập chính trị, phong tỏa kinh tế và ngăn chặn quân sự đối với Trung Quốc. Để bảo vệ chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, Chính phủ Trung Quốc buộc phải tiến hành đấu tranh và đọ sức với Mỹ một cách toàn diện.

Giai đoạn 20 năm thứ hai là 20 năm hợp tác chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ. Cuối thập niên 60 của thế kỷ XX, những thay đổi trong vấn đề nội lực của Mỹ và Liên Xô không chỉ làm thay đổi cục diện quốc tế mà cũng giúp cho mối quan hệ Trung – Mỹ trở nên bớt căng thẳng hơn. Năm 1972, Tổng thống Mỹ Nixon đến thăm Trung Quốc, hai nước Trung – Mỹ đã phát biểu “Thông cáo chung Trung – Mỹ”, mở toang cánh cửa lớn bình thường hóa quan hệ Trung – Mỹ và cũng đã chính thức mở ra những hợp tác toàn diện mang tính



Tháng 2 năm 1972, Tổng thống Mỹ – Nixon đến thăm Trung Quốc, lãnh đạo Trung Quốc Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai cùng hội đàm với Nixon và Kissinger.

chiến lược của hai nước. Năm 1979, Trung Quốc và Mỹ chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao, đã đưa mối quan hệ hai nước bước lên một nấc thang mới, những hợp tác về các mặt chiến lược, thương mại, giáo dục và văn hóa v.v. của hai bên chính thức bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ xảy ra nhiều biến động lớn, chính thức bước vào giai đoạn 20 năm thứ ba với nhiều điều chỉnh và cọ xát. Năm 1989, Mỹ thực hiện chính sách “Chế tài đối với Trung Quốc”, mối quan hệ Trung – Mỹ bước vào một giai đoạn cọ xát gian nan. Năm 1992, Chính phủ Mỹ làm trái cam kết trong vấn đề bán vũ khí cho Đài Loan, tiến hành bán phi cơ chiến đấu cho Đài Loan với trị giá lên đến 6 tỷ USD; năm 1995, Chính phủ Mỹ thiếu nhất quán trong quan điểm, cho phép Lý Đăng Huy – lãnh đạo Đài Loan, người luôn chủ trương “Đài Loan độc lập” sang thăm Mỹ; năm 1999, Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) đứng đầu là Mỹ trong quá trình can thiệp đối với Nam Tư (Yugoslavia) đã đánh bom vào Đại sứ quán của Trung Quốc tại Nam Tư; năm 2001, Chính phủ Mỹ tăng cường trình thám không phận của Trung Quốc, đã gây ra sự kiện phi cơ gián điệp của Mỹ đâm trúng máy bay chiến đấu của Trung Quốc, sự kiện này đã dẫn đến tổn hại về người và của đối với cả hai phía Trung Quốc và Mỹ. Việc Mỹ xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc đã gây nên sự phản đối, kháng nghị kịch liệt của Chính phủ và toàn thể nhân dân Trung Quốc, vì thế mà mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ liên tục gặp phải rất nhiều thử thách, khó khăn.

Trong tình hình mới, tuy mối quan hệ giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ vẫn còn tồn tại nhiều bất đồng, nhưng những lợi ích chung của hai bên cũng không ngừng tăng lên

Tháng 1 năm 1979, Đặng Tiểu Bình đến thăm Mỹ và tham dự nghi thức tiếp đón của Tổng thống Carter được cử hành tại Nhà Trắng. Đây là chuyến viếng thăm Mỹ đầu tiên của lãnh đạo nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.



và cao hơn hẳn so với những bất đồng còn tồn tại. Trong vấn đề bảo vệ hòa bình thế giới, giải quyết những vấn đề toàn cầu cũng như khu vực: ngăn chặn phổ biến sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên và vấn đề hạt nhân của Iran, ngăn chặn tội phạm quốc tế, đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, viện trợ những nơi gặp phải thảm họa thiên nhiên, kiểm soát phòng chống dịch bệnh nghiêm trọng v.v., hai nước Trung Quốc và Mỹ hầu hết đều tìm được những quan điểm nhất trí và lợi ích chung. Tăng cường giao lưu và hợp tác trong những vấn đề nói trên đã trở thành chiến lược cơ bản mới trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ.

Mối quan hệ kinh tế thương mại của Trung Quốc và Mỹ phát triển nhanh chóng đã trở thành một nền tảng mới đối với mối quan hệ ngoại giao của hai nước. Năm 1979, khi Trung Quốc và Mỹ chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao, kim ngạch thương mại của hai bên chỉ ở mức 2,4 tỷ USD. Đến năm 2008, con số này đã tăng vọt thành hơn 300 tỷ USD, hai nước đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của nhau. Ngoài những hợp tác về kinh tế thương mại, giao lưu đối thoại giữa các cấp lãnh đạo cũng như các cấp địa phương của hai nước cũng ngày một gia tăng. Giữa hai nước đã cùng thành lập hơn 60 cơ chế đối thoại và hợp tác rộng rãi trên mọi lĩnh vực như: chính trị, ngoại giao, thương mại, quân sự, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật v.v.. Quan trọng nhất là mối quan hệ của hai nước không còn chỉ là mối quan hệ của riêng hai nước hay của riêng hai chính phủ mà đã ngày càng phát triển thành mối quan hệ giữa hai xã hội. Vào thời kỳ khi mới thiết lập mối quan hệ ngoại giao, quan hệ phi chính phủ giữa nhân dân hai nước Trung Quốc và Mỹ chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay, thế nhưng ngày nay, quan hệ phi chính phủ của nhân dân hai nước đã lên đến 2,1 triệu lượt người mỗi năm, trung bình mỗi ngày có hơn 5.000 người qua lại giữa hai bờ Thái Bình Dương. Hai nước còn có 35 tỉnh bang kết nghĩa anh



Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 1997, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân viếng thăm nước Mỹ và cùng tham gia các hoạt động của Tổng thống Mỹ – Bill Clinton.

em và 145 thành phố kết nghĩa hữu nghị. Những sợi dây này cho dù rất khác nhau nhưng cũng là công cụ gắn kết chặt chẽ hai nước Trung Quốc và Mỹ.

Một điều đương nhiên là, cùng với sự phát triển không ngừng trong mối quan hệ của Trung Quốc và Mỹ, những mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm giữa hai nước cũng liên tục gia tăng. Trong đó, vấn đề Đài Loan luôn là vấn đề nhạy cảm nhất, then chốt nhất trong mối quan hệ này. Phía Mỹ bất chấp sự phản đối của Trung Quốc, kiên quyết bán vũ khí cho Đài Loan, củng cố mối quan hệ thực chất giữa Mỹ và Đài Loan, xâm phạm chủ quyền Trung Quốc, can thiệp vào vấn đề nội chính của Trung Quốc, gây ra những tổn hại về lợi ích đối với Trung Quốc. Ngoài ra, không ít lần khi Mỹ cũng lợi dụng những vấn đề như Tây Tạng, nhân quyền, tôn giáo v.v. để tiến hành can thiệp vào nội chính của Trung Quốc. Tất cả những điều này đều mang lại những ảnh hưởng xấu cũng như những phiền toái đối với đại cục trong vấn đề hợp tác của hai nước Trung – Mỹ và luôn bị Chính phủ Trung Quốc phản đối.

Trung Quốc coi trọng mối quan hệ Trung – Mỹ, mong rằng mối quan hệ hai nước sẽ phát triển ổn định trên cơ sở những nguyên tắc đã được xác lập trong 3 thông cáo chung của Trung Quốc và Mỹ. Điều đáng mừng là, vào tháng 4 năm 2009, trong lần hội ngộ đầu tiên của Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào và Tổng thống Mỹ Obama trong thời gian diễn ra Hội nghị thượng đỉnh về vấn đề tài chính của nhóm 20 nước (G20) tổ chức tại Luân Đôn, lãnh đạo hai nước đã nhất trí cùng nhau cố gắng xây dựng “Mối quan hệ Trung – Mỹ hợp tác toàn diện tích cực trong thế kỷ XXI”. Hai bên đã ký kết xây dựng cơ chế đối thoại chiến lược và kinh tế song phương. Cơ chế này hiện nay đã trở thành căn cứ quan trọng để hai bên cùng tìm đến sự đồng thuận nhất trí, giảm bớt mâu thuẫn, tăng cường hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác.

Tháng 7 năm 2008, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã gặp gỡ Tổng thống Mỹ Goerge Bush trong thời gian tham gia Hội nghị đối thoại thượng đỉnh nhóm 8 nước công nghiệp phát triển (G8) và lãnh đạo các nước đang phát triển tổ chức tại Hokkaido, Nhật Bản.



Tháng 4 năm 2009, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào lần đầu tiên gặp gỡ tân Tổng thống Hoa Kỳ – Barack Obama trong thời gian tham dự Hội nghị thượng đỉnh lần thứ hai về vấn đề tài chính của lãnh đạo tập đoàn 20 nước (G20) tổ chức tại Luân Đôn.



Không ngừng tăng cường mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước thuộc Liên minh châu Âu

Trung Quốc là nước lớn nhất trong khối các nước đang phát triển, châu Âu là khu vực tập trung nhiều nhất những quốc gia phát triển, Liên minh châu Âu là tập đoàn kinh tế chính trị lớn nhất thế giới được tự hội bởi những nước phát triển. Quan hệ giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu là một trong những mối quan hệ song phương quan trọng của Trung Quốc, phát triển mối quan hệ Trung – Âu là chính sách nhất quán của Trung Quốc.

Do những ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh, vào thập niên 50, 60 của thế kỷ XX, trong những nước thuộc khối Tây Âu, chỉ có duy nhất nước Pháp thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc vào năm 1964. Những nước khác mãi đến thập niên 70 mới lần lượt thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc sau khi tình hình quốc tế trở nên bớt căng thẳng hơn. Trên cơ sở ấy, năm 1975 Trung Quốc và Liên minh châu Âu chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao. Cho đến nay, Trung Quốc luôn giữ vững mối quan hệ ngoại giao với tất cả các nước thuộc khối Liên minh châu Âu ngoại trừ Vatican.

Vào đầu thập niên 80 thế kỷ XX, sau khi chính sách ngoại giao được tiến hành điều chỉnh, Trung Quốc đã đưa ra quan điểm rằng, không dựa vào chế độ xã hội hay hình thái ý thức để bàn về vấn đề quan hệ gần hay xa, chính vì thế đã mở ra một tương lai vô cùng mới mẻ trong việc phát triển mối quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và các nước phát triển có chế độ xã hội khác nhau nhưng luôn hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế ở Tây Âu cũng như Canada, Úc và New Zealand. Những lần gặp gỡ, thăm viếng của lãnh đạo Trung Quốc với lãnh đạo các nước nói trên diễn ra thường xuyên, hợp tác kinh tế được mở rộng về lĩnh vực, đa dạng hóa về hình thức, kim ngạch hợp tác thương mại tăng lên nhanh chóng.

Mối quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu đã từng có một thời kỳ căng thẳng vào năm 1989 nhưng rồi nhanh chóng trở lại bình thường vào cuối năm 1990. Năm 1991, Thủ tướng Anh, Thủ tướng Ý lần lượt đến thăm Trung Quốc. Năm 1994, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân cũng đã sang thăm Pháp và đưa ra nguyên tắc phát triển quan hệ của Trung Quốc và các nước Tây Âu. Cùng năm đó, Liên minh châu Âu đã xóa bỏ chế tài đối với Trung Quốc ngoại trừ vấn đề bán vũ khí quân dụng, hai bên ký kết hiệp ước đối thoại chính trị, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu được bình thường hóa. Từ đó tới nay, quan hệ Trung – Âu phát triển nhanh chóng: Năm 1998, hai bên Trung – Âu đã thỏa thuận thành lập cơ chế hội nghị thường niên giữa các lãnh đạo; năm 2001, hai bên quyết định xây dựng quan hệ đối tác toàn diện; năm 2003, hai bên quyết định phát triển thành quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Cho đến nay, hai bên Trung – Âu đã xây dựng 50 cơ chế đối thoại và hiệp thương ở tất cả các cấp, lĩnh vực hợp tác mở rộng ở các mặt như: chính trị, thương mại, kỹ thuật, năng lượng, môi trường v.v..

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu ngay từ đầu đã có ý nghĩa chiến lược toàn cầu. Trung Quốc coi trọng những vai trò và ảnh hưởng của Liên minh châu Âu trong các sự vụ quốc tế và khu vực, hoan nghênh Liên minh châu Âu phát huy vai trò mang tính xây dựng trong các sự vụ quốc tế. Cho dù là việc phản đối chủ nghĩa bá quyền quốc tế bảo vệ hòa bình thế giới trước đây hay việc đẩy mạnh đa nguyên hóa và dân chủ hóa chính trị quốc tế thì Trung Quốc cũng luôn ủng hộ việc liên hợp sức mạnh của các quốc gia châu Âu. Tháng 10 năm 2003, Chính phủ Trung Quốc phát biểu “Văn kiện về chính sách của Trung Quốc đối với Liên minh châu Âu”, đã nêu rõ vị trí của Liên minh châu

Âu trong mối quan hệ đối ngoại của Trung Quốc và bày tỏ rằng, Trung Quốc sẽ dốc sức trong việc quyết tâm dựng xây mối quan hệ đối tác toàn diện, ổn định lâu dài giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Văn kiện nêu rõ mục tiêu, chính sách của Trung Quốc đối với Liên minh châu Âu, đồng thời đưa ra những yêu cầu cụ thể trong việc tăng cường hợp tác giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu trên các lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, xã hội, tư pháp, hành chính, quân sự v.v..

Liên minh châu Âu cũng coi trọng phát triển mối quan hệ với Trung Quốc, khuyến khích Trung Quốc mở cửa và phát triển, ủng hộ Trung Quốc đi theo đường lối hòa bình và phát triển. Năm 1995, Ủy ban Liên minh châu Âu đã thông qua “Chính sách quan hệ lâu dài giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu” và xác định chính sách khung mang tính chiến lược của Liên minh châu Âu đối với Trung Quốc. Sau đó, Ủy ban Liên minh châu Âu lần lượt phát biểu các văn kiện mang tính chính sách quan trọng như “Chiến lược mới trong hợp tác giữa Liên minh châu Âu và Trung Quốc” (1996); “Xây dựng quan hệ đối tác toàn diện với Trung Quốc” (1998); “Chiến lược của Liên minh châu Âu đối với Trung Quốc: tình hình thực hiện văn kiện 1998 và các bước thúc đẩy chính sách Liên minh châu Âu hiệu quả hơn trong tương lai” (2001); “Hướng tới quan hệ đối tác sâu sắc hơn – Những lợi ích và thử thách chung trong quan hệ Âu – Trung” (2003) v.v.. Những văn kiện này đều đã nêu rõ tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu và kế hoạch trong chính sách của Liên minh châu Âu đối với Trung Quốc.

Mối quan hệ chính trị tốt đẹp sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển mối quan hệ kinh tế. Năm 2004, sau khi Liên minh châu Âu thực hiện chính sách mở rộng, tổ chức này đã

Tháng 10 năm 2003, cuộc hội đàm lần thứ 6 giữa lãnh đạo Trung Quốc và các nước Liên minh châu Âu đã được tổ chức tại Bắc Kinh. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo, Thủ tướng Ý – Chủ tịch Hội đồng châu Âu Berlusconi và Chủ tịch Ủy ban Liên minh châu Âu Prodi cùng nhiều lãnh đạo khác đã tham dự hội đàm.





trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc. Năm 2008, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu đạt mức 435,6 tỷ USD. Liên minh châu Âu là đối tác thương mại lớn nhất, thị trường xuất khẩu lớn nhất, nơi thu hút kỹ thuật lớn nhất và nguồn ngoại tệ lớn thứ 4 của Trung Quốc. Hầu hết những công ty lớn của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu đều đang đầu tư vào Trung Quốc.

Sự phát triển trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu cũng gặp phải không ít khó khăn. Trong đó vấn đề liên quan đến lãnh thổ và chủ quyền của Trung Quốc đã gây tổn hại rất lớn đến mối quan hệ Trung – Âu. Trong đó phải kể đến là sự kiện Chính phủ Hà Lan bất chấp sự phản đối của Chính phủ Trung Quốc, kiên quyết bán tàu ngầm cho Đài Loan vào năm 1982, dẫn đến mối quan hệ giữa Trung Quốc và Hà Lan trở nên sa sút nghiêm trọng. Năm 1992, Chính phủ Pháp bán máy bay chiến đấu tàng hình (Mirage) cho Đài Loan dẫn đến mối quan hệ giữa Trung Quốc và Pháp gặp nhiều trắc trở v.v.. Hay như sự kiện Ngọn đuốc Olympic Bắc Kinh sau khi đã được tiếp sức sang châu Âu, đặc biệt là sau khi đến Paris nước Pháp đã gặp nhiều phiền toái, ngay sau đó lãnh đạo nước Pháp cố tình hội kiến với Đạt Lai Lạt Ma, người có ý đồ chia rẽ Tây Tạng ra khỏi lãnh thổ Trung Quốc, đã khiến cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và Pháp trở nên căng thẳng, từ đó cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ của hai bên

Tháng 4 năm 2008, Thủ tướng Trung Quốc - Ôn Gia Bảo hội đàm với Chủ tịch Ủy ban Liên minh châu Âu – Barroso tại Bắc Kinh trong thời gian ông sang thăm và làm việc tại Trung Quốc. Trong hình là cảnh hai bên cùng họp báo sau khi hội đàm kết thúc.

Trung – Âu. Ngoài ra, cùng với việc phát triển sâu hơn nữa mối quan hệ Trung – Âu, những mâu thuẫn về kinh tế giữa hai bên cũng nhiều lần xảy ra.

Thế nhưng, giữa Trung Quốc và Liên minh châu Âu không hề có những xung đột về lợi ích cơ bản, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của Trung Quốc và Liên minh châu Âu không yêu cầu hai bên phải có cách nhìn thống nhất hoàn toàn trên mọi vấn đề, mà cần hai bên phải dựa vào nguyên tắc theo đuổi cái chung, tôn trọng cái khác biệt của nhau, giảm thiểu mâu thuẫn, nâng cao niềm tin, mở rộng hợp tác. Trung Quốc mong muốn cùng với Liên minh châu Âu tôn trọng những lợi ích cơ bản của nhau, dựa trên nền tảng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, không ngừng bổ sung và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai bên.

Phát triển tình bạn đời đời giữa Trung Quốc và Nhật Bản

Trung Quốc và Nhật bản là hai nước láng giềng cách ngăn chỉ bởi một con nước và đã từng có một lịch sử giao lưu hữu nghị từ rất lâu. Vào thập niên 30, 40 của thế kỷ XX, những người thuộc chủ nghĩa quân phiệt của Nhật Bản đã phát động chiến tranh xâm lược đối với Trung Quốc, khiến cho nhân dân Trung Quốc phải chịu những tổn thất nặng nề. Thủ tướng Chu Ân Lai đã từng nói “Hai ngàn năm hữu nghị, năm mươi năm đối kháng” để hình dung một chặng đường lịch sử không hề vui vẻ trong lịch sử ngoại giao giữa Trung Quốc và Nhật Bản, đồng thời đưa ra nguyên tắc “Coi lịch sử là bài học để nhìn về tương lai” để phát triển mối quan hệ hai nước.

Do những ảnh hưởng của tình hình quốc tế vào đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, vào năm 1972, hai nước Trung – Nhật đã kết thúc trạng thái căng thẳng và chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao. Căn cứ vào “Thông cáo chung Trung – Nhật” về việc bình thường

Tháng 9 năm 1972, Chính phủ hai nước Trung Quốc và Nhật Bản đã tuyên bố thông cáo chung tại Bắc Kinh, thực hiện bình thường hóa quan hệ hai nước. Trong ảnh là cảnh Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai và Thủ tướng Nhật Bản Tanaka cùng ký kết bản “Thông cáo chung Trung – Nhật”.



hóa ngoại giao của hai nước, hai bên đã ký kết “Hiệp ước hòa bình hữu nghị Trung – Nhật” vào năm 1978 và xác định phát triển toàn diện mối quan hệ ngoại giao Trung – Nhật trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, đặt nền móng chính trị cho quan hệ láng giềng hữu nghị Trung – Nhật.

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, quan hệ Trung – Nhật đã gặt hái được những thành tựu to lớn: lãnh đạo hai nước thường xuyên thăm viếng lẫn nhau; xây dựng nhiều cơ chế hợp tác hai bên ở nhiều cấp độ như Hội nghị thành viên chính phủ hai nước, “Ủy ban Hữu nghị Trung – Nhật thế kỷ XXI” với đại biểu là các thế hệ lớn tuổi, trung niên và thanh niên; Hiệp thương định kỳ giữa lãnh đạo ngoại giao hai nước Trung – Nhật và Hiệp thương an ninh Trung – Nhật v.v..

Sự phát triển tốt đẹp trong quan hệ chính trị đã tạo điều kiện cho mối quan hệ hợp tác thương mại của hai nước Trung Quốc và Nhật Bản trên nhiều lĩnh vực. Trong “Thông cáo chung Trung – Nhật”, Chính phủ Trung Quốc tuyên bố, vì tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Trung – Nhật, xóa bỏ yêu cầu bồi thường chiến tranh đối với Nhật Bản. Từ năm 1979 đến năm 2000, Nhật Bản đã cung cấp 4 đợt cho vay đồng yên đối với Trung Quốc, tổng ngạch lên đến 2.650 tỷ yên Nhật. Năm 2008, tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc và Nhật Bản lên đến 266,79 tỷ USD. Hiện nay Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 3, là nguồn ngoại tệ lớn thứ 2 của Trung Quốc; Trung Quốc cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Nhật Bản. Sự

Tháng 8 năm 1978, “Hiệp ước hữu nghị hòa bình Trung – Nhật” được ký kết tại Bắc Kinh.



Ngày 28 tháng 12 năm 2007, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tổ chức nghi lễ tại Đại lễ đường Nhân dân Bắc Kinh tiếp đón Thủ tướng Nhật Bản Yasuo Fukuda sang thăm Trung Quốc.



phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc mang đến cho Nhật Bản những cơ hội quan trọng, trở thành nhân tố thúc đẩy quan trọng từ phía ngoài lôi kéo kinh tế Nhật Bản thoát khỏi mức đáy và phát triển theo hướng ổn định lâu dài.

Thế nhưng, những tạp âm không chút đồng điệu luôn xen lẫn vào bản nhạc chủ đạo trong mối quan hệ hữu nghị Trung – Nhật. Trong đó, vấn đề ảnh hưởng lớn nhất chính là nhận thức và thái độ của Chính phủ Nhật Bản về lịch sử xâm lăng của nước Nhật. Trong “Thông cáo chung Trung – Nhật” về việc thực hiện bình thường hóa quan hệ Trung – Nhật, phía Nhật đã bày tỏ: “Nhật Bản luôn day dứt và cảm thấy cần có trách nhiệm về những tổn hại nghiêm trọng mà Nhật Bản đã gây ra cho nhân dân Trung Quốc trong thời kỳ chiến tranh, Nhật Bản luôn tự phán xét mình vì điều đó”. Nhưng bắt đầu từ thập niên 80 của thế kỷ XX, Chính phủ Nhật Bản nhiều lần “thăm định” sách giáo khoa có nội dung hư cấu lịch sử, ca ngợi sự xâm lăng của mình nên đã dẫn đến sự kháng nghị của Trung Quốc và các nước láng giềng khác ở châu Á. Năm 1985, Thủ tướng nội các Nhật Bản lấy tư cách của một nhà chức trách đã đến viếng đền Yasukuni, nơi có để linh vị của 14 tội phạm chiến tranh loại A trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Hành động này đã khiến Trung Quốc và các nước châu Á khác lên tiếng phản đối, từ đó về sau, các lãnh đạo Nhật Bản đã chấm dứt việc đến viếng đền Yasukuni. Nhưng vào đầu thế kỷ XXI, bất chấp sự phản đối của nhân dân các nước châu Á, bao gồm cả nhân dân Trung Quốc, lãnh đạo Nhật Bản kiên quyết lấy tư cách là thủ tướng một nước để đến viếng đền Yasukuni, dẫn đến việc thăm viếng cấp lãnh đạo của hai nước Trung – Nhật bị gián đoạn một khoảng thời gian, hình thành cục diện “chính trị lạnh, kinh tế nóng” giữa hai nước Trung – Nhật.

Ngoài ra, vấn đề Đài Loan cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ Trung Quốc – Nhật Bản. Nhật Bản đã từng thống trị thực dân ở Đài Loan 50 năm, sau

Chiến tranh thế giới thứ hai, dựa trên những văn kiện quốc tế có liên quan, Nhật Bản trao trả Đài Loan cho Trung Quốc. Trong những ghi chép của “Thông cáo chung Trung – Nhật” có viết: “Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khẳng định: Đài Loan là một phần không thể tách rời của lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chính phủ Nhật Bản thấu hiểu và tôn trọng lập trường này của Chính phủ Trung Quốc, đồng thời kiên trì tuân thủ lập trường điều thứ 8 trong thông cáo Potsdam”. Thế nhưng vẫn có một số nhân sĩ trong giới chính trị của Nhật Bản không thôi hoang tưởng về mảnh đất Đài Loan này, có ý xen vào can thiệp vấn đề Đài Loan. Chính phủ Trung Quốc tuyên bố rõ ràng rằng, Trung Quốc không hề phản đối Nhật Bản và Đài Loan triển khai những mối quan hệ giao lưu phi chính phủ, nhưng phản đối quan hệ giữa chính quyền hoặc tiến hành quan hệ theo kiểu “hai nước Trung Quốc” hoặc “một nước Trung Quốc, một nước Đài Loan” dưới bất cứ hình thức nào.

Từ tháng 10 năm 2006 đến nay, các lãnh đạo mới của Nhật Bản cân nhắc đến những vấn đề nhạy cảm của nhân dân Trung Quốc cũng như nhân dân các nước châu Á khác về vấn đề xâm lược của Nhật Bản nên đã ngưng lại toàn bộ hình thức lấy tư cách của một lãnh đạo quốc

Ngày 7 tháng 5 năm 2008 tại hoàng cung, Nhật hoàng Akihito đã tổ chức nghi lễ nghênh đón Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đang tiến hành chuyến viếng thăm quốc vụ tại Nhật Bản.



gia để viếng đến Yasukuni, từ đó những trở ngại trong sự phát triển mối quan hệ của hai nước Trung – Nhật đã được xóa bỏ. Sau một khoảng thời gian mối quan hệ hai nước thử thách trong “băng giá”, năm 2006, Thủ tướng Shinzo Abe đã tiến hành một chuyến viếng thăm Trung Quốc và được gọi là “Chuyến thăm phá băng”. Tháng 4 năm 2007, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã tiến hành chuyến viếng thăm Nhật Bản và được gọi là “Chuyến thăm tan băng”. Trong thời gian Thủ tướng Ôn Gia Bảo thăm Nhật Bản, hai bên đã phát biểu “Thông cáo báo chí chung Trung – Nhật” và cùng xác định rằng, sẽ cố gắng xây dựng “Quan hệ đối ứng trên cơ sở lợi ích chiến lược chung”. Quan hệ giữa hai nước từng bước được bình thường hóa. Tháng 12 năm 2007, chuyến viếng thăm được gọi là “Chào đón mùa xuân” của Thủ tướng Nhật Bản Yasuo Fukuda đối với Trung Quốc cũng như chuyến viếng thăm được gọi là “Mùa xuân ấm áp” của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đối với Nhật Bản vào tháng 5 năm 2008 đánh dấu quan hệ Trung – Nhật đã thực sự bình thường hóa.

Quan hệ hữu nghị Trung – Nhật là phúc của nhân dân hai nước và ngược lại, quan hệ căng thẳng Trung – Nhật là họa của nhân dân hai nước. Phía Trung Quốc coi Nhật Bản là đối tác hợp tác quan trọng trong mối quan hệ hòa bình phát triển, cùng có lợi, cùng thắng lợi, mong muốn dựa theo những nguyên tắc đã được xác định rõ trong những văn kiện chính trị về quan hệ Trung – Nhật như “Thông cáo chung Trung – Nhật” để phát triển mối quan hệ Trung – Nhật ngày càng phát triển theo hướng chung sống hòa bình, đời đời hữu nghị, hợp tác cùng có lợi và cùng nhau phát triển.

III. TĂNG CƯỜNG LÁNG GIỀNG HỮU NGHỊ VỚI NHỮNG NƯỚC XUNG QUANH

Trước và sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, hầu hết những nước láng giềng của Trung Quốc cũng đã thoát khỏi ách thống trị của thực dân phương Tây và giành được độc lập, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước láng giềng cũng bước vào một giai đoạn mới. Trong quá trình giải quyết những vấn đề di tồn từ lịch sử với Ấn Độ, Trung Quốc đưa ra 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, đồng thời cùng với Ấn Độ, Myanmar để xướng nguyên tắc này với các nước trên thế giới. Dựa trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, Trung Quốc lần lượt giải quyết những vấn đề biên giới còn tồn tại từ lịch sử với các nước như Myanmar, Nepal, Afghanistan, Mông Cổ, Triều Tiên v.v., khiến phần lớn biên giới đều trở thành biên giới hữu nghị.

Sau khi cải cách mở cửa, ngoại giao Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh việc tạo dựng một môi trường xung quanh tốt đẹp cho việc phát triển kinh tế trong nước, tích cực phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị với những nước xung quanh, củng cố tình hữu nghị với những nước hữu nghị truyền thống xung quanh, từng bước cải thiện mối quan hệ với ASEAN và các nước láng giềng như Mông Cổ, Việt Nam, Ấn Độ v.v..

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Trung Quốc dựa trên tinh thần hiệp thương bình đẳng, cùng hiểu biết và nhường nhịn lẫn nhau để giải quyết những vấn đề biên giới còn

chưa được giải quyết với một số quốc gia. Đối với những vấn đề còn bất đồng, Trung Quốc tiến hành đàm phán với bên có liên quan để tìm sự đồng thuận khiến cho vấn đề bớt căng thẳng hơn. Bắt đầu từ năm 1996, Trung Quốc lần lượt ký kết hiệp ước và thiết lập mối quan hệ hợp tác dưới nhiều hình thức với các nước: Ấn Độ, Pakistan, Nepal và Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

Việc cải thiện và phát triển hòa bình mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nga chính là một ví dụ thành công điển hình trong vấn đề ngoại giao với các nước xung quanh của Trung Quốc. Nga là nước láng giềng lớn nhất của Trung Quốc. Quan hệ Trung – Nga được phát triển từ mối quan hệ vốn có của hai nước Trung Quốc và Liên Xô. Liên Xô là nước đầu tiên thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và cũng là nước đầu tiên cùng Trung



Năm 1960, những hiệp định và điều ước về vấn đề biên giới giữa Trung Quốc và Myanmar lần lượt được ký kết tại Bắc Kinh. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc và nước láng giềng này chính thức đàm phán và đi đến quyết định về vấn đề biên giới còn tồn tại từ trong lịch sử.



Tháng 11 năm 1991, Tổng Bí thư Đỗ Mười của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nhận lời mời đến thăm Trung Quốc, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc được bình thường hóa. Trong ảnh là cảnh nghi thức ký kết hiệp định về thương mại biên giới giữa hai nước.



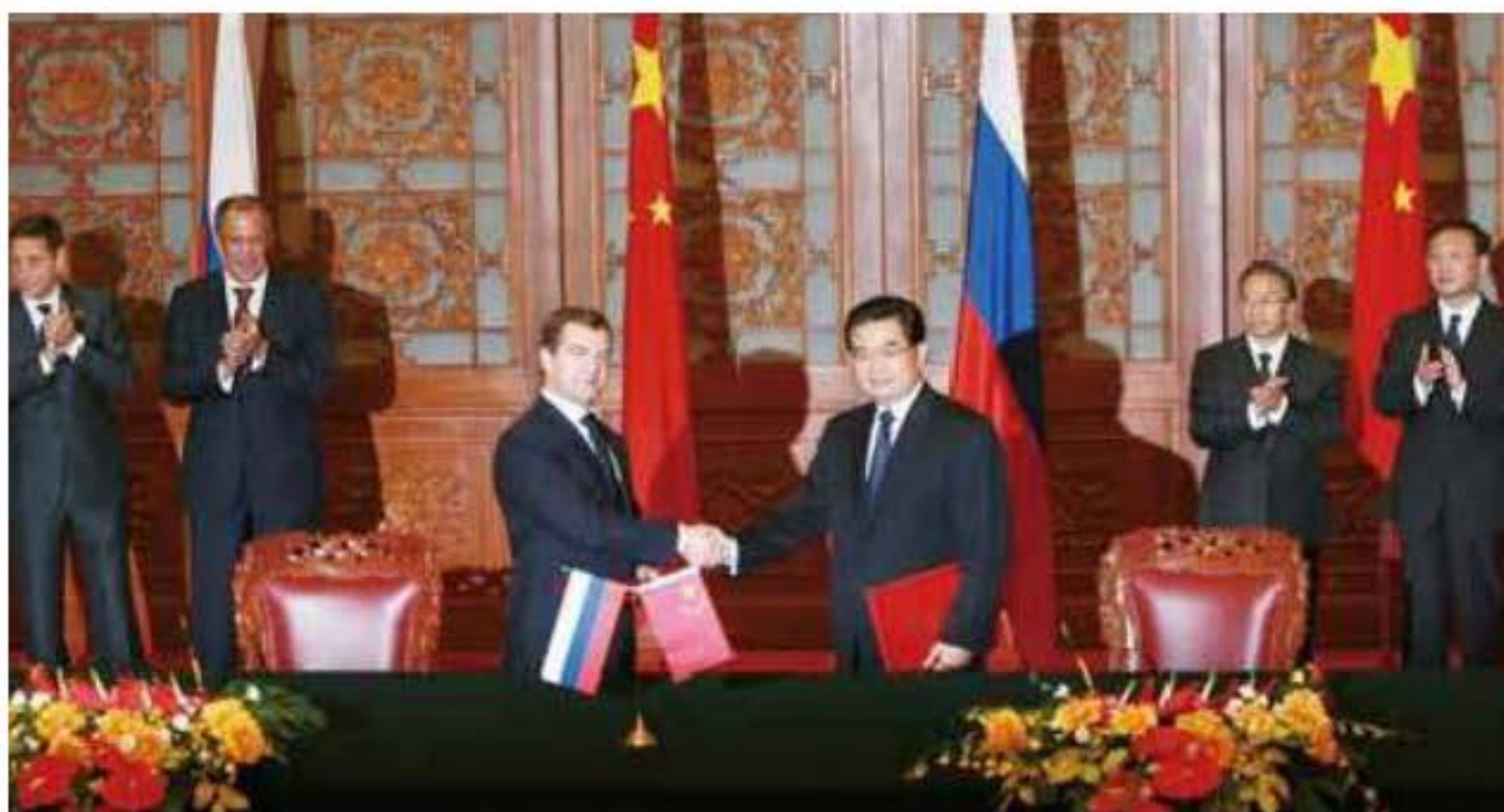
Tháng 10 năm 2004, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào hội kiến với Tổng thống Nga Putin trong thời gian Putin sang thăm Trung Quốc.

Quốc thiết lập mối quan hệ ngoại giao. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Trung Quốc và Liên Xô đã trải qua một quá trình phát triển đầy gập ghềnh: Thập niên 50 của thế kỷ XX kết nghĩa bạn bè; đến thập niên 60, 70 quan hệ trở nên căng thẳng và đối kháng; đến thập niên 80 thì mối quan hệ bớt căng thẳng và đi đến bình thường hóa.

Năm 1989, sau khi quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô bình thường hóa chưa được bao lâu thì Liên Xô tuyên bố giải thể vào ngày 26 tháng 12 năm 1991. Cùng với việc nước Nga đứng lên kế thừa luật quốc tế của Liên Xô, mối quan hệ giữa Trung Quốc

và Liên Xô cũng được chuyển sang thành quan hệ Trung – Nga một cách hết sức thuận lợi. Tháng 12 năm 1992, hai nước thỏa thuận dựa trên cơ sở những nguyên tắc, luật pháp quốc tế được công nhận như “Hiến chương Liên Hiệp Quốc” và 5 nguyên tắc chung sống hòa bình để tăng cường hơn nữa mối quan hệ Trung – Nga. Trong suốt thập kỷ 90 của thế kỷ XX, lãnh đạo hai nước liên tục thăm viếng lẫn nhau. Trong các cuộc hội nghị của Liên Hiệp Quốc hay Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, hai nước thường xuyên trao đổi ý kiến về vấn đề quốc tế và vấn đề khu vực mà cả hai nước cùng quan tâm, thúc đẩy mối quan hệ hai bên từ “quan hệ đối tác mang tính xây dựng” phát triển thành “quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng”, cuối cùng phát triển thành “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược bình đẳng, tin tưởng lẫn nhau, cùng hướng tới thế kỷ XXI”. Tháng 7 năm 2001, nguyên thủ hai nước đã ký kết “Hiệp ước hợp tác láng giềng hữu nghị Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga”. Hai nước bày tỏ cần phải tiếp tục phát triển mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược, tin tưởng lẫn nhau, láng giềng hữu nghị, hợp tác và bình đẳng, đồng thời dựa trên hình thức luật pháp để xác định tư tưởng hòa bình “đời đời hữu nghị, không bao giờ thù địch” của nhân dân hai nước.

Vào thế kỷ XXI, Trung Quốc đưa ra tư tưởng “láng giềng an toàn, láng giềng hữu nghị, láng giềng giàu có”, tích cực thực hiện chính sách “thân thiện với láng giềng, làm bạn với láng giềng”, tăng cường hợp tác với những nước xung quanh, hóa giải những điểm nhạy cảm, tham dự hoặc thúc đẩy một số cơ chế đa phương, tạo dựng môi trường xung quanh hòa bình ổn định, bình đẳng tin tưởng lẫn nhau,



hợp tác hai bên cùng có lợi, tạo nên một thời kỳ tốt đẹp nhất trong lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc và các nước láng giềng.

Trước hết là khu vực Đông Nam Á. Chính sách của Chính phủ Trung Quốc trong thời gian khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á đã thay đổi nhận thức và cách suy nghĩ của các nước Đông Nam Á đối với Trung Quốc. Về mặt chính trị, Trung Quốc thông qua việc tham gia Diễn đàn khu vực Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ARF), tăng cường tin tưởng lẫn nhau giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, thông qua hợp tác và đối thoại đa phương trong khung của diễn đàn để đi đến một số hiệp định có nội dung cụ thể. Ví dụ như “Tuyên bố chung về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống” được Trung Quốc và Hiệp hội các nước Đông Nam Á ký kết vào năm 2002, hay việc Trung Quốc gia nhập vào “Hiệp ước hợp tác hữu nghị Đông Nam Á” v.v..

Trong lĩnh vực kinh tế, chương trình hợp tác khung giữa ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (10 + 3) và giữa ASEAN với Trung Quốc (10 + 1) đã đẩy mạnh một cách có hiệu quả sự phát triển trong mối quan hệ kinh tế thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN. Năm 2002, Trung Quốc và các nước ASEAN ký kết “Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Trung Quốc và các nước ASEAN”, đưa ra kế hoạch xây dựng khu thương mại tự do giữa Trung Quốc và khối ASEAN vào năm 2010, qua đó đã thúc đẩy một cách có hiệu quả sự hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và các nước thuộc khu vực Đông

Ngày 23 tháng 5 năm 2008, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã cùng với Tổng thống Nga Medvedev ký kết “Thông cáo chung về vấn đề quốc tế trọng đại giữa Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga” tại Bắc Kinh.



Tháng 12 năm 1997, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân tham dự cuộc họp bất thường giữa lãnh đạo của Khối các nước ASEAN và ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc được tổ chức tại thủ đô Malaysia – Kuala Lumpur.



Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Hội nghị thượng đỉnh kỷ niệm 15 năm thiết lập mối quan hệ đối thoại giữa Trung Quốc và Khối các nước ASEAN được khai mạc tại Nam Ninh – Quảng Tây, Trung Quốc.

Nam Á. Vào tháng 7 năm 2005, “Hiệp định về thương mại hàng hóa” của khu thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN bắt đầu được thực hiện, hai bên bắt đầu tiến hành giảm thuế đối với hơn 7.000 mặt hàng, nhờ đó kim ngạch thương mại liên tục tăng nhanh.

Về phía tây bắc, để bàn bạc và tìm giải pháp đối với những vấn đề về biên giới còn tồn đọng từ trong lịch sử, Trung Quốc đã cùng với 4 nước Nga, Cadắcxtan, Cươguxtan và Tátgikixtan lần lượt tổ chức hội nghị cấp cao tại Thượng Hải và Moscow vào năm 1996 và 1997, cùng đi đến thỏa thuận trong hiệp định tăng cường tin tưởng lẫn nhau trong lĩnh vực quân sự ở khu vực biên cương và cùng giải trừ quân bị, giảm lực lượng quân sự ở vùng biên giới. Trên cơ sở đó, hình thành cơ chế họp mặt định kỳ thường niên của tổ chức “Năm nước Thượng Hải”, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm giải pháp hòa bình trong những vấn đề biên giới còn tồn tại trong lịch sử, mà còn tăng thêm sự tin tưởng lẫn nhau giữa những nước thành viên, cơ chế hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia có liên quan đã từ vấn đề an ninh mở rộng sang các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa v.v..

Năm 2001, trên cơ sở hợp tác đẩy tính hiệu quả của “Năm nước Thượng Hải”, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải đã được thành lập. Từ khi được thành lập cho đến nay, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải đã đề ra những nguyên tắc như đối nội thì cần phải tuân thủ theo “Tinh thần Thượng Hải”, tin tưởng lẫn nhau, các bên cùng có lợi, bình đẳng, hiệp thương, tôn trọng tính đa dạng của các nền văn minh, cùng mưu cầu sự phát triển; đối ngoại thì yêu cầu không được kết minh, không được nhắm vào các nước khác hoặc các khu vực khác, giữa các thành viên cần mở cửa đối ngoại toàn diện, chính vì thế đã thúc đẩy hợp tác giữa các bên phát triển mạnh, mức độ ảnh hưởng cũng không ngừng tăng lên. Các nước thành viên trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải ngoài các nước thành viên là Trung Quốc,



Tháng 6 năm 2003 tại Bắc Kinh, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã cùng Thủ tướng Ấn Độ Vajpayee ký kết “Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện và nguyên tắc quan hệ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nước Cộng hòa Ấn Độ”.

Tháng 11 năm 2003 tại Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã cùng Tổng thống Pakistan Pervez Musharraf ký kết “Tuyên bố chung về phương hướng phát triển hợp tác song phương giữa Trung Quốc và Pakistan”.



Tháng 10 năm 2009, hội nghị lãnh đạo ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc lần thứ hai đã được tổ chức tại Bắc Kinh. Trong ảnh là Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào hội kiến Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung-bak và Thủ tướng Nhật Bản Yukio Hatoyama.



Nga, Cadắcxtan, Cươguxtan, Tátgikixtan và Udơbêkixtan còn thu hút cả các nước tham dự làm quan sát viên như Mông Cổ, Pakistan, I-ran, Ấn Độ v.v., đồng thời thu nạp Sri Lanka và Bêlarút làm nước đối tác đối thoại. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải trở thành cơ sở quan trọng để bảo vệ an ninh khu vực Tây Bắc, tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau giữa các nước thành viên.

Về phía tây nam, lãnh đạo Trung Quốc và lãnh đạo các quốc gia thuộc khu vực Nam Á, đặc biệt là các nước Ấn Độ, Pakistan v.v. thường xuyên thăm viếng lẫn nhau, thúc đẩy mối quan hệ Trung Quốc – Ấn Độ được cải thiện và củng cố tình hữu nghị truyền thống giữa Trung Quốc và Pakistan. Năm 2000, lãnh đạo hai nước Trung Quốc và Ấn Độ đã nhất trí thiết lập “quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng hướng tới thế kỷ XXI”. Năm

2003, Trung Quốc và Ấn Độ ký kết “Tuyên bố hợp tác toàn diện và nguyên tắc quan hệ Trung – Ấn”, giữ nguyên trạng thái hiện tại để đi đến thỏa thuận trước khi vấn đề biên giới được giải quyết, đồng thời, hai bên còn tự bổ nhiệm đại biểu đặc biệt nghiên cứu chương trình khung cho giải pháp vấn đề biên giới. Hai bên luôn tăng cường tin tưởng lẫn nhau, các lĩnh vực hợp tác như kinh tế, quốc phòng, nhân sự được mở rộng toàn diện, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ phát triển đến một giai đoạn rất tốt đẹp. Cùng lúc đó, Trung Quốc và Pakistan cũng tích cực triển khai hợp tác cùng có lợi, tình hữu nghị truyền thống không ngừng được tăng cường. Sự cố gắng trong vấn đề ngoại giao tại khu vực này của Trung Quốc đã thúc đẩy mối quan hệ của Trung Quốc với hai nước đang phát triển có tầm ảnh hưởng quan trọng là Ấn Độ và Pakistan đi đến sự phát triển hữu nghị và cân đối, tình hình căng thẳng ở khu vực Tây Nam cũng dịu bớt, từ đó giúp cho môi trường an ninh tại khu vực Tây Nam có được những cải thiện rất lớn.

Về phía đông bắc, sau khi bán đảo Triều Tiên rơi vào khủng hoảng vì vấn đề hạt nhân, Trung Quốc đã phái đặc sứ đến thăm Mỹ, Triều Tiên và các nước có liên quan để tiến hành ngoại giao con thoi, tích cực đảm nhận vai trò trung gian thúc đẩy đàm phán 6 bên

🔹 Tài liệu nguồn

**TÌNH HÌNH THIẾT LẬP MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC CỦA TRUNG QUỐC
VỚI MỘT SỐ NƯỚC XUNG QUANH TỪ THẬP NIÊN 90 CỦA THẾ KỶ XX ĐẾN NAY**

- Năm 1994 Trung Quốc và Nga thiết lập mối quan hệ đối tác mang tính xây dựng.
- Năm 1996 Trung Quốc và Ấn Độ thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác mang tính xây dựng hướng tới thế kỷ XXI.
- Năm 1996 Trung Quốc và Pakistan thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác toàn diện hướng tới thế kỷ XXI.
- Năm 1996 Trung Quốc và Nepal thiết lập mối quan hệ đối tác láng giềng hữu nghị đời đời hướng đến thế kỷ XXI.
- Năm 1997 Trung Quốc và Hiệp hội các nước Đông Nam Á thiết lập mối quan hệ đối tác láng giềng, tin tưởng lẫn nhau, hướng tới thế kỷ XXI.
- Năm 1998 Trung Quốc và Nhật Bản thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác hữu nghị, cùng nỗ lực cho hòa bình và phát triển.
- Năm 1998 Trung Quốc và Hàn Quốc thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác Trung – Hàn hướng tới thế kỷ XXI.
- Năm 2003 Trung Quốc và Hiệp hội các nước Đông Nam Á thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược hướng tới hòa bình và phát triển.
- Năm 2003 Trung Quốc và Mông Cổ thiết lập mối quan hệ đối tác, láng giềng hữu nghị, tin tưởng lẫn nhau.
- Năm 2005 Trung Quốc và Ấn Độ thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược hướng tới hòa bình và phát triển.
- Năm 2005 Trung Quốc và Indonesia thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược.
- Năm 2005 Trung Quốc và Cadăxtan thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược.
- Năm 2006 Trung Quốc và Nhật Bản thiết lập mối quan hệ chiến lược cùng có lợi.
- Năm 2006 Trung Quốc và Hàn Quốc thiết lập mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược.

Triều Tiên – Mỹ – Hàn Quốc – Nhật Bản – Nga – Trung Quốc. Trong quá trình này, Trung Quốc gánh vác trách nhiệm của nước chủ nhà, cung cấp thiết bị, chủ trì hội nghị, xác lập mục tiêu phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên và thông qua đối thoại, vận dụng giải pháp hòa bình để giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tránh được sự mất kiểm soát trong vấn đề hạt nhân trên bán đảo này. Những nỗ lực ngoại giao của Trung Quốc không chỉ đóng góp rất lớn cho hòa bình khu vực mà còn bảo vệ được môi trường an ninh trong khu vực Đông Bắc Á.

IV. CÙNG CỐ VÀ MỞ RỘNG HỢP TÁC ĐOÀN KẾT VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Các nước đang phát triển chủ yếu tập trung ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La tinh, trong đó hầu hết các nước đều có hoàn cảnh lịch sử tương tự như của Trung Quốc, hoàn cảnh hiện tại cũng tương đồng và nguyện vọng cũng giống nhau. Giữa Trung Quốc và các nước đều có cơ sở tốt đẹp cho mối quan hệ song phương. Trung Quốc rất coi trọng và mở rộng mối quan hệ với các nước đang phát triển. Do điều kiện cụ thể không giống nhau nên mối quan hệ giữa Trung Quốc và những nước đang phát triển ở các khu vực khác nhau cũng có những đặc điểm khác nhau.

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước châu Phi, Ả Rập

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước châu Phi, Ả Rập được bắt đầu từ năm 1955, khi Hội nghị Á – Phi được tổ chức tại Bandung, Indonesia. Trong hội nghị này, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã đưa ra nguyên tắc tìm đến những điểm tương đồng, tôn

Từ tháng 12 năm 1963 đến tháng 2 năm 1964, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai và Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trần Nghị đã lần lượt đến thăm 13 nước châu Á và châu Phi. Hành trình này chính là một mốc quan trọng trong việc phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa Trung Quốc và các nước Á – Phi. Trong ảnh là Thủ tướng Chu Ân Lai đến thăm Uri vào tháng 1 năm 1964 và được Tổng thống Keita đón chào.





Đường sắt Tazara, một hạng mục viện trợ đối ngoại nổi tiếng của Trung Quốc. Tuyến đường sắt này được khởi công xây dựng vào năm 1970, đến năm 1976 hoàn công, tổng chiều dài 1.860km.

trọng những điểm khác biệt để hóa giải những nghi hoặc hay hiểu lầm của một số nước đang phát triển. Năm 1956, Trung Quốc và Ai Cập thiết lập quan hệ ngoại giao, bắt đầu mối quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và các quốc gia châu Phi, Ả Rập. Cho đến nay, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 48 nước trong số 50 quốc gia ở châu Phi và toàn Liên đoàn Ả Rập.

Giữa Trung Quốc và các nước châu Phi, Ả Rập luôn ủng hộ nhau. Trung Quốc ủng hộ nguyện vọng của những nước này là củng cố và bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển kinh tế dân tộc. Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 1963 đến tháng 2 năm 1964, khi đến thăm 13 nước châu Á và châu Phi, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã đưa ra 5 nguyên tắc trong quan hệ giữa Trung Quốc và các nước châu Phi, Ả Rập và 8 nguyên tắc viện trợ của Trung Quốc đối với các nước châu Phi. Chính phủ Trung Quốc đã dành ra một khoản tiền là 988 triệu nhân dân tệ cho vay không lãi suất để hỗ trợ xây dựng đường sắt Tazara, trở thành tượng đài minh chứng cho tình hữu nghị giữa Trung Quốc và châu Phi.

Các nước châu Phi luôn ủng hộ Trung Quốc khôi phục lại vị trí hợp pháp của mình tại Liên Hiệp Quốc. Trong Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 26 tổ chức vào năm 1971, trong 76 phiếu của các quốc gia ủng hộ khôi phục lại vị trí và quyền lợi cũng như nghĩa vụ hợp pháp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong Liên Hiệp Quốc, có đến 26 phiếu thuộc các nước châu Phi. Chủ tịch Mao Trạch Đông đã hài hước nói rằng: “Chính là các bạn châu Phi đã khiêng chúng ta vào Liên Hiệp Quốc”.

Sau khi khôi phục lại vị trí trong Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc luôn kiên định đứng về phía các quốc gia đang phát triển. Năm 1982, trong thời gian bầu chọn Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc liên tục 16 lần bỏ phiếu bầu Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Tanzania – Salim làm Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc. Tuy về sau Salim không trúng cử nhưng người trúng

cử là Javier Perez de Cuellar cũng đến từ một nước đang phát triển. Năm 1991, Trung Quốc tích cực ủng hộ các quốc gia châu Phi đứng ra tranh cử chức Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, cuối cùng Phó Thủ tướng Ai Cập – Gary trúng cử.

Năm 1978, sau khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa, Trung Quốc đã nhấn mạnh, coi việc tăng cường hợp tác và đoàn kết với các nước đang phát triển là điểm đứng vững chắc và cũng là điểm xuất phát của quan hệ ngoại giao Trung Quốc. Trung Quốc luôn cố gắng tìm những đường lối mới để phát triển mối quan hệ hợp tác song phương cùng có lợi với các nước đang phát triển, ủng hộ và tham dự hợp tác Nam – Nam, đưa ra 4 nguyên tắc mở rộng và phát triển quan hệ thương mại với các nước đang phát triển, đó là “bình đẳng cùng có lợi, coi trọng hiệu quả thực sự, đa dạng về hình thức và cùng nhau phát triển”. Hợp tác giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển trở thành một phần trong chính sách mở cửa đối ngoại toàn diện của Trung Quốc, nội dung hợp tác liên tục được mở rộng, quy mô hợp tác ngày càng lớn thêm, hình thành nên một cục diện hợp tác cùng có lợi.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển ở châu Phi phát triển lên một tầm cao mới. Chỉ riêng năm 1989 đã có đến 9 lãnh đạo của các quốc gia đang phát triển ở châu Phi thuộc phía nam Sahara đến thăm Trung Quốc. Năm 1996, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đến thăm 6 nước châu Phi, đưa ra 5 nguyên tắc quan hệ hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới thế kỷ XXI với các quốc gia châu Phi và đề nghị phương châm: Chân thành hữu nghị, đối xử bình đẳng, đoàn kết hợp tác, cùng nhau phát triển và hướng tới tương lai.

Để cùng đối phó với những thử thách trong thế kỷ mới, dưới sự thúc đẩy của một số quốc gia châu Phi, Diễn đàn hợp tác Trung – Phi mà Trung Quốc đề nghị thành

Ngày 13 tháng 1 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Lý Triệu Tinh cùng với Tổng Thư ký Liên đoàn Ả Rập – Moussa tổ chức họp báo tại Cairo tuyên bố Diễn đàn hợp tác giữa Trung Quốc và Ả Rập sẽ chính thức được thành lập từ ngày đó.





lập đã trở thành cơ sở mới để tăng cường hợp tác và thỏa thuận giữa Trung Quốc và châu Phi. Trong hội nghị cấp bộ được tổ chức lần đầu tiên vào tháng 10 năm 2000, Trung Quốc tuyên bố miễn giảm 10 tỷ nhân dân tệ các khoản nợ cho các nước nghèo nợ nần chồng chất và các nước kém phát triển ở châu Phi, cung cấp quỹ đặc biệt để ủng hộ và khuyến khích các công ty xí nghiệp của Trung Quốc đến châu Phi triển khai hợp tác cùng có lợi. Hội nghị cấp bộ trưởng tổ chức lần thứ hai đã phát biểu “Diễn đàn hợp tác Trung – Phi – Kế hoạch hành động Addis Ababa (2004 – 2006)”. Hội nghị cấp bộ trưởng về diễn đàn hợp tác Trung – Phi lần thứ ba được tổ chức tại Bắc Kinh và Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất đã thông qua “Tuyên bố Hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh - Diễn đàn hợp tác Trung – Phi” và “Diễn đàn hợp tác Trung – Phi – Kế hoạch hành động Bắc Kinh (2007 – 2009)” đều đã thúc đẩy và tăng cường thêm mối quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và các nước châu Phi. Sau khi Trung Quốc thực hiện 8 cam kết về việc

Tháng 11 năm 2006, tại Hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh - Diễn đàn hợp tác Trung – Phi, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, Thủ tướng Ethiopia – Meles và Tổng thống Ai Cập – Hosni Mubarak cùng đọc tuyên bố chung.

viện trợ đối với châu Phi được đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh Bắc Kinh – Diễn đàn hợp tác Trung – Phi vào năm 2006, tại Hội nghị cấp bộ trưởng Diễn đàn hợp tác Trung – Phi lần thứ 4 được tổ chức tại Ai Cập vào năm 2009, Chính phủ Trung Quốc lại một lần nữa đưa ra 8 cam kết viện trợ đối với châu Phi. Hành động này đã được các quốc gia châu Phi đánh giá cao và được cả xã hội quốc tế ca ngợi.

Hợp tác kinh tế cùng có lợi, cùng thắng lợi giữa Trung Quốc và các nước châu Phi không ngừng được mở rộng thêm trong thế kỷ XXI. Kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và châu Phi đã từ hơn 10 triệu USD vào năm 1950 tăng lên 106,8 tỷ USD vào năm 2008, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 của châu Phi. Các hạng mục đầu tư của Trung Quốc rải khắp 49 quốc gia ở châu Phi, góp phần lớn trong việc đẩy mạnh kinh tế khu vực này phát triển nhanh.

Năm 2006, Chính phủ Trung Quốc đã phát biểu “Văn kiện về chính sách của Trung Quốc đối với châu Phi”, đề xướng xây dựng và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược Trung – Phi kiểu mới: bình đẳng, tin tưởng lẫn nhau về mặt chính trị, hợp tác cùng thắng lợi về mặt kinh tế, giao lưu học hỏi lẫn nhau về mặt văn hóa. Những nội dung này đã nêu rõ mục tiêu và biện pháp trong chính sách của

Tháng 11 năm 2009, Hội nghị cấp bộ trưởng lần thứ 4 trong Diễn đàn hợp tác Trung – Phi đã được tổ chức tại Sharm el-Sheikh, Ai Cập. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tham dự và phát biểu tại lễ khai mạc.



📌 Tài liệu nguồn

**TÁM BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC TRUNG – PHI
ĐƯỢC CHÍNH PHỦ TRUNG QUỐC TUYÊN BỐ VÀO NĂM 2009**

1. Xây dựng quan hệ hợp tác Trung – Phi để đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, viện trợ xây dựng 100 hạng mục năng lượng sạch cho châu Phi.
2. Tăng cường hợp tác khoa học kỹ thuật, đề nghị thực hiện “Kế hoạch hợp tác khoa học kỹ thuật Trung – Phi”, tiến hành 100 hạng mục chung Trung – Phi, tiếp nhận 100 tiến sĩ khoa học châu Phi.
3. Tăng cường năng lực tài chính của châu Phi, viện trợ cho các quốc gia châu Phi một khoản vay ưu đãi trị giá 10 tỷ USD.
4. Mở rộng thị trường sản phẩm từ châu Phi, từng bước cung cấp cho những nước kém phát triển nhất tại châu Phi chế độ miễn thuế quan đối với 95% sản phẩm của các nước này. Trước hết sẽ thực hiện miễn thuế đối với 60% sản phẩm trong năm 2010.
5. Từng bước tăng cường hợp tác nông nghiệp, viện trợ cho các quốc gia châu Phi xây dựng các trung tâm thí điểm nông nghiệp tăng lên 20 hạng mục, huấn luyện 2.000 nhân viên kỹ thuật nông nghiệp cho các quốc gia châu Phi.
6. Tăng cường hợp tác về sinh y tế, cung cấp cho châu Phi các thiết bị y tế và các sản phẩm chống sốt rét trị giá 500 triệu nhân dân tệ, bồi dưỡng 3.000 y bác sĩ cho các nước châu Phi.
7. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực và hợp tác giáo dục, viện trợ xây dựng 500 trường học hữu nghị Trung – Phi cho các nước châu Phi, bồi dưỡng 1.500 hiệu trưởng và giáo viên; đến năm 2012, số học bổng của Chính phủ Trung Quốc dành cho các nước châu Phi sẽ lên đến 5.500 phần, trong vòng ba năm sẽ bồi dưỡng 20.000 nhân tài trong các lĩnh vực cho các nước châu Phi.
8. Mở rộng giao lưu văn hóa, đề nghị thực hiện “Kế hoạch giao lưu nghiên cứu chung Trung – Phi”, thúc đẩy hợp tác giao lưu học giả, tham mưu, giao lưu phát triển kinh nghiệm, đồng thời sẽ đưa ra những chính sách hợp tác tốt hơn nữa cho hai bên để khuyến khích phát triển trí lực.

Trung Quốc đối với châu Phi, quy hoạch việc hợp tác trong các lĩnh vực của hai bên trong một khoảng thời gian sau đó.

Sau khi Diễn đàn hợp tác Trung – Phi thành công, năm 2004 Trung Quốc và Liên đoàn Ả Rập cũng thành lập Diễn đàn hợp tác Trung Quốc – Ả Rập, trở thành cơ chế mới trong hợp tác và đối thoại tập thể giữa Trung Quốc và Liên đoàn Ả Rập. Trong cơ chế này, Trung Quốc và Ả Rập áp dụng những biện pháp tích cực, tăng cường giao lưu và hợp tác song phương ở các lĩnh vực như: thương mại, đầu tư, năng lượng, giáo dục, văn hóa, khoa học kỹ thuật, vệ sinh y tế và môi trường v.v., thúc đẩy Trung Quốc và Liên đoàn Ả Rập cùng phát triển.

Quan hệ giữa Trung Quốc và các nước châu Mỹ La tinh

Trung Quốc và phần lớn các nước châu Mỹ La tinh đều thuộc khối các nước đang phát triển, khoảng cách về địa lý khá lớn, điều kiện tự nhiên, chế độ xã hội và truyền thống văn hóa cũng có nhiều điểm khác biệt lớn. Mỗi quan hệ giữa Trung Quốc và các

nước ở khu vực Mỹ La tinh phát triển tương đối muộn nhưng lại rất nhanh chóng, hiện nay đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong mối quan hệ của Trung Quốc và những nước đang phát triển.

Theo truyền thống, Mỹ La tinh được gọi là “hậu viện” của Mỹ. Ngoài đất nước Cu Ba đã cùng với Trung Quốc thiết lập mối quan hệ ngoại giao từ năm 1960, các mối quan hệ giữa Trung Quốc với các nước còn lại phải đến thập niên 70 của thế kỷ XX, khi mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ bớt căng thẳng hơn mới bắt đầu có sự đột phá. Đến nay đã có 11 nước thuộc châu Mỹ La tinh cùng Trung Quốc thiết lập mối quan hệ ngoại giao.

Sau khi cải cách mở cửa, Trung Quốc coi việc phát triển mối quan hệ hợp tác và đoàn kết với những nước đang phát triển, trong đó bao gồm cả những nước ở khu vực Mỹ La tinh là chỗ đứng vững chắc trong chính sách ngoại giao của mình. Năm 1985, lãnh đạo Chính phủ Trung Quốc lần đầu tiên đi thăm Mỹ La tinh và nêu lên 4 nguyên tắc phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Mỹ La tinh, đó là: “hòa bình hữu nghị, ủng hộ lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng nhau phát triển”, ký kết 15 hiệp ước hợp tác trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa, tài chính với 4 quốc gia Columbia, Brazil, Argentina và Venezuela, đã tạo dựng cơ sở cho việc triển khai hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc và các nước Mỹ La tinh trên mọi lĩnh vực. Từ đó, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia Mỹ La tinh đã xuất hiện một cục diện mới nhiều đường lối, nhiều tầng lớp, hợp tác giữa chính phủ và cả nhân dân phát triển toàn diện.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, sự phát triển nhanh chóng của tiến trình toàn cầu hóa đã giúp cho khoảng cách giữa Trung Quốc và các nước khu vực Mỹ La tinh trở nên gần hơn, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Mỹ La tinh cũng được tăng

Tháng 4 năm 2001, trong thời gian đến thăm 6 nước khu vực Mỹ La tinh, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã có bài phát biểu về chủ đề “Cùng mở ra một thế kỷ mới trong hợp tác hữu nghị Trung Quốc – Mỹ La tinh” tại Ủy ban Kinh tế Caribe và Mỹ La tinh của Liên Hiệp Quốc.



cường hơn. Năm 1997, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đến thăm Mexico, năm 2001 đến thăm 6 nước Mỹ La tinh là Chi Lê, Argentina, Uruguay, Cu Ba, Venezuela và Brazil v.v.. Trong vòng 4 năm từ năm 1996 đến năm 2000, đã có 8 tổng thống quốc gia, 3 tổng thanh tra quốc gia và 3 thủ tướng quốc gia ở khu vực Mỹ La tinh tiến hành các chuyến thăm chính thức đối với Trung Quốc. Những cuộc thăm viếng lẫn nhau của các lãnh đạo quốc gia đã thúc đẩy mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Mỹ La tinh phát triển thêm một bước.

Sau khi bước vào thế kỷ XXI, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước ở khu vực Mỹ La tinh gặt hái được những phát triển mới, các lãnh đạo liên tục thăm viếng lẫn nhau, mối quan hệ chính trị cũng được tăng cường, quan hệ thương mại giành được nhiều tiến triển. Năm 2004 và năm 2008, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào lần lượt đến thăm 4 nước Brazil, Argentina, Chi Lê, Cu Ba và 3 nước Bờ Biển Ngà (Costa Rica), Cu Ba và Pê Ru. Năm 2008, Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố “Văn kiện về chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ La tinh và Caribe”, nêu lên mục tiêu và lĩnh vực hợp tác trong chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ La tinh, đưa ra nguyên tắc chỉ đạo trong hợp tác Trung Quốc – Mỹ La tinh, tạo dựng cơ sở vững chắc hơn để thúc đẩy mối quan hệ Trung Quốc – Mỹ La tinh phát triển toàn diện.

Hiện nay, trong 33 quốc gia ở khu vực Mỹ La tinh, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 21 nước. Từ năm 1993 thiết lập “quan hệ đối tác chiến lược” với Brazil đến nay, Trung Quốc tiếp tục thiết lập “quan hệ đối tác chiến lược cùng nhau phát triển hướng tới tương lai” với Venezuela, thiết lập “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược” với Mexico và Pê Ru, thiết lập “quan hệ đối tác hợp tác toàn diện” với Chi Lê. Tham vấn chính



Tháng 11 năm 2008, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã có bài phát biểu với chủ đề “Cùng nhau xây dựng mối quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Trung Quốc – Mỹ La tinh trong thời kỳ mới” tại Quốc hội Pê Ru. Bài phát biểu đã nêu lên mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Trung Quốc và các nước Mỹ La tinh một cách toàn diện nhất.

trị giữa Trung Quốc và Mỹ La tinh được cơ chế hóa hơn nữa, cơ chế đối thoại không ngừng được hoàn thiện.

Hợp tác giữa Trung Quốc và Mỹ La tinh còn biểu hiện ở nhiều lĩnh vực. Ví dụ như việc sau khi trở thành quan sát viên của Ngân hàng Phát triển châu Mỹ và Hiệp hội thống nhất Mỹ La tinh vào năm 1991 và năm 1993, đến năm 2003 và 2004, Trung Quốc lại tiếp tục lần lượt trở thành quan sát viên của Tổ chức các quốc gia châu Mỹ và Ủy ban kinh tế Mỹ La tinh của Liên Hợp Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc còn xây dựng cơ chế đối thoại với Tập đoàn Rio, Nam Phi (Southern African Development Community (SADC)) và Tập đoàn Andean, thiết lập cơ chế tham vấn giữa bộ trưởng ngoại giao của các nước chủ yếu nhất ở Mỹ La tinh, hình thành nên cơ chế đối thoại kết nối qua nhiều kênh một cách hiệu quả.

Việc tăng cường quan hệ chính trị đã tạo rất nhiều điều kiện hợp tác trong lĩnh vực thương mại giữa Trung Quốc và các nước chủ yếu thuộc khu vực Mỹ La tinh. Trung Quốc đã ký kết hiệp định hợp tác kinh tế hoặc hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật với 16 quốc gia, ký kết hiệp định đầu tư cùng khuyến khích và bảo vệ với 11 quốc gia, cùng ký kết thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần với 5 quốc gia. Những ký kết này đều thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại Trung Quốc – Mỹ La tinh giành được những thành tựu nổi bật. Năm 1979, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và các nước ở khu vực Mỹ La tinh chỉ có 1 tỷ USD thì đến năm 2008, con số này đã lên tới mức kỷ lục là 143,3 tỷ USD. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 của khu vực Mỹ La tinh.

Các lĩnh vực hợp tác kinh tế thương mại giữa Trung Quốc và khu vực Mỹ La tinh cũng không ngừng được mở rộng, cơ sở càng vững chắc hơn, sự phát triển trong quan hệ Trung Quốc – Mỹ La tinh bất kể là xét ở tốc độ, mức độ hay phạm vi đều đã đạt đến mức độ cao nhất trong lịch sử. Vị trí của các nước thuộc khu vực Mỹ La tinh đang trở nên cao hơn trong cơ cấu quan hệ đối ngoại của Trung Quốc, trở thành một bộ phận ngày càng quan trọng trong quan hệ đối ngoại của quốc gia này.

THÍCH NGHI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU HÓA, TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CHUNG



Hiện nay, toàn cầu hóa thế giới là một quá trình toàn diện và nhiều tầng lớp. Trong lĩnh vực kinh tế, bất kể theo chế độ xã hội gì, tình hình phát triển ra sao, mọi quốc gia đều chọn đường lối kinh tế thị trường, phân bổ địa lý cũng như quy mô trong thương mại quốc tế và đầu tư toàn cầu đều đang được mở rộng và tăng cường với một tốc độ nhanh chóng chưa từng có, cả thế giới đã được hợp thành một thể bởi mạng lưới kinh tế thị trường.

Trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế, hình thức truyền bá với cơ sở là khoa học kỹ thuật mới không chỉ thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia và khu vực khác nhau mà còn tạo dựng một cơ sở vật chất cho việc sản xuất và toàn cầu hóa thị trường vốn, hơn thế còn mang lại toàn cầu hóa thông tin. Cùng lúc đó, việc sử dụng rộng rãi các phương tiện giao thông hiện đại làm cho khả năng di chuyển khoảng cách dài trong một thời gian ngắn là hoàn toàn có thể, hiện tượng dân số di động đa quốc gia cũng gia tăng về số lượng, thế giới cuộc sống của chúng ta đã trở thành một làng thế giới.

Toàn cầu hóa làm cho mối liên hệ giữa các nước trở nên chặt chẽ hơn, mức độ phụ thuộc lẫn nhau không ngừng được tăng cường, mối quan hệ giữa nội chính và ngoại giao cũng được thay đổi, đồng thời thay đổi cả môi trường ngoại giao, chủ đề ngoại giao, cách thức và phương pháp cho đến cả nội dung và quan niệm trong ngoại giao. Nội dung trong công tác ngoại giao ngày càng phong phú, từ nội dung chính trị trong truyền thống đã mở rộng sang các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quân sự. Các chủ thể tham gia vào công tác ngoại giao cũng từ cấp chính phủ trước đây mở rộng ra các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia cũng như các đảng chính trị, hội nghị, đoàn thể phi chính phủ khác nhau trong nước. Hình thức, đường lối ngoại giao cũng đều đang có nhiều thay đổi.

Đối với môi trường quốc tế toàn cầu hóa, Trung Quốc cho rằng nó “vừa không phải là thuốc thần thuốc tiên để giải quyết vấn đề phát triển, cũng không phải là hồng thủy mãnh thú để gây ra thảm họa” mà là “xu hướng khách quan của sự phát triển kinh tế thế giới, nó chuyển đổi không theo ý của bất cứ cá nhân nào, và bất cứ quốc gia nào cũng không thể tránh khỏi nó”, “không ai có thể cô lập mình bên ngoài thế giới để phát triển kinh tế”. Trung Quốc dựa trên tình hình trong nước và những nhu cầu thời đại để đưa ra quan điểm phát triển khoa học lấy con người làm gốc, phối hợp toàn diện để phát triển bền vững, kiên trì thực hiện chính sách mở cửa, thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế, tích cực tham gia hợp tác và cạnh tranh với kinh tế quốc tế. Trong ngoại giao, Trung Quốc đưa ra khái niệm “đại ngoại giao” (còn gọi là “ngoại giao tổng hợp”, “ngoại giao chung”), triển khai ngoại giao đa lĩnh vực, hình thành mối quan hệ ngoại giao nhiều tầng lớp, nhiều đường lối.

I. KHÔNG NGỪNG MỞ RỘNG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

Ra sức thúc đẩy ngoại giao kinh tế

Năm 1978, Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng lần thứ 3 khóa 11 của Trung Quốc đã xác định chuyển đổi trọng tâm công tác nội chính sang việc xây dựng kinh tế. Sau đó, trong mối quan hệ giữa nội chính và ngoại giao, đường lối trước đây coi nội chính là để phục vụ cho ngoại giao cũng đã được thay đổi, nhấn mạnh ngoại giao là để phục vụ cho nội chính, để tạo dựng cho sự phát triển kinh tế trong nước một môi trường quốc tế và môi trường xung quanh tốt đẹp nhất, thuận lợi nhất. Trong mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế, đường lối coi chính trị là nhân tố chỉ huy cũng đã được thay đổi, quan điểm chính trị phục vụ cho kinh tế đã được nhấn mạnh, chính trị và kinh tế quan trọng ngang nhau, tính quan trọng trong kinh tế ngoại giao bắt đầu được thể hiện rõ nét.

Cùng với sự đẩy mạnh cải cách mở cửa, Trung Quốc tập trung vào việc tăng cường đối ngoại thương mại, mở rộng hợp tác quốc tế, sửa đổi pháp luật trong nước, cho phép và khuyến khích đầu tư nước ngoài, thu hút kỹ thuật tiên tiến, khôi phục lại vị trí trong Ngân hàng

Tháng 12 năm 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu việc Trung Quốc chính thức trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong nền kinh tế thế giới.



Thế giới và Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế, gia nhập Ngân hàng Phát triển châu Á, đề nghị khôi phục lại vị trí trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại v.v.. Những hoạt động kinh tế này đã thúc đẩy thêm mức độ mở rộng của Trung Quốc, tăng cường mối liên hệ giữa Trung Quốc và thế giới, thúc đẩy có hiệu quả đối với sự tăng trưởng của kinh tế cũng như tăng cường thêm thực lực của Trung Quốc, kinh tế ngoại giao giành được những thành tựu rõ rệt.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa kinh tế phát triển rất nhanh, công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc đứng trước những cơ hội và thách thức chưa từng có. Chính phủ Trung Quốc nhận thức được rằng, chỉ có thuận theo xu thế lớn, tích cực tham gia vào xu thế đó thì mới có thể phát triển. Trung Quốc tăng cường bước chân gia nhập vào nền kinh tế quốc tế, tham gia Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, xin gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới và các tổ chức kinh tế đa phương quốc tế, tư tưởng kinh tế ngoại giao ngày càng được xác định rõ ràng.

Từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, vị trí của kinh tế đối ngoại trong công tác ngoại giao tổng thể ngày càng được nâng cao, được các cấp lãnh đạo và các nhà quyết sách đặc biệt coi trọng, kinh tế ngoại giao đã chính thức được đưa vào chiến lược chung trong phát triển kinh tế và xã hội, thể hiện trong cơ cấu ngoại giao toàn diện của Trung Quốc hiện nay, trở thành biện pháp hiệu quả thúc đẩy lợi ích quốc gia của Trung Quốc và nền tảng quan trọng để tăng cường mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước có liên quan.

Trước hết, đẩy mạnh kinh tế ngoại giao, tăng cường mối liên hệ kinh tế, phát triển hợp tác, không đối kháng nhau, duy trì sự ổn định trong mối quan hệ với các nước lớn ở phương Tây, ổn định thị trường cần thiết cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc là những mặt chủ yếu trong kinh tế ngoại giao của Trung Quốc. Sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi trong các lĩnh vực kinh tế cũng như việc kim ngạch thương mại không ngừng gia

Tháng 9 năm 2009, Hội nghị thường niên lần thứ 3 – New Champions của Diễn đàn Kinh tế Thế giới được tổ chức tại thành phố Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc.



tăng đã trở thành nền tảng trong mối quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và các nền kinh tế chủ yếu như Liên minh châu Âu, Mỹ và Nhật Bản v.v..

Thứ hai là, kinh tế ngoại giao là biện pháp quan trọng thúc đẩy mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển, là nội dung quan trọng để phát triển và mở rộng mối quan hệ với các nước đang phát triển. Năm 2004, Chính phủ Trung Quốc đã tổ chức hội nghị về công tác ngoại giao kinh tế của Trung Quốc đối với các nước đang phát triển, nhấn mạnh “cần phải kết hợp hữu nghị, tin tưởng lẫn nhau trong chính trị và hợp tác giao lưu trong kinh tế, lấy chính trị thúc đẩy kinh tế, kết hợp chặt chẽ kinh tế và chính trị”; “các hình thức hợp tác kinh tế cần phải đa dạng phong phú, coi trọng hiệu quả thực tế, cần kết hợp nhuần nhuyễn quan điểm *đi ra ngoài và xin mời vào* trong thương mại, đầu tư, viện trợ vốn cho nước ngoài và vốn cho vay nước ngoài”. Thông qua điều chỉnh chính sách, tìm tòi đường lối mới, nền tảng trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển đã từ cơ sở phản đối chủ nghĩa đế quốc, phản đối chủ nghĩa thực dân, đấu tranh và bảo vệ độc lập dân tộc chuyển hướng sang hợp tác kinh tế bình đẳng cùng có lợi.

Thứ ba là, tham gia vào cơ chế kinh tế toàn cầu. Tham gia hợp tác kinh tế toàn cầu là mặt quan trọng của kinh tế ngoại giao Trung Quốc. Từ năm 1986, Trung Quốc xin khôi phục lại vị trí của nước ký kết trong Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại; đến tháng 11 năm 2001 gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, Trung Quốc đã cố gắng một khoảng thời gian suốt 17 năm. Trong quá trình này, Trung Quốc một mặt tiến hành nhanh hơn tốc độ cải cách trong nước, mặt khác kiên trì nguyên tắc cân đối giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Sau khi trở thành nước thành viên, để tiếp tục mở mang, Trung Quốc đã áp dụng hàng loạt các biện pháp trong chương trình khung của Tổ chức Thương mại Thế giới, bao gồm việc từng bước tiến hành miễn giảm thuế và các rào cản phi thuế quan; thúc đẩy tự do hóa và tiện lợi hóa thương mại và đầu tư; đẩy mạnh cải cách cơ chế hình thành tỷ giá hối đoái, tăng cường linh hoạt tỷ giá hối đoái đồng nhân dân tệ. Trung Quốc tích cực tham gia thể chế thương mại đa phương mà tiêu biểu là Tổ chức Thương mại Thế giới, đồng thời coi việc sắp xếp thương mại song phương và khu vực là những bổ sung quan trọng cho cơ chế đa phương, tạo dựng một môi trường bên ngoài tốt đẹp để duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục của kinh tế trong nước.

Thứ tư là, Trung Quốc còn tích cực triển khai đối thoại kinh tế đa phương, tham gia xây dựng khu thương mại tự do. Các lãnh đạo Trung Quốc thông qua việc tích cực tham gia các hội nghị mang tính quốc tế như Hội nghị Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, Diễn đàn Kinh tế Thế giới v.v. để trao đổi ý kiến với lãnh đạo các nước khác cũng như các chuyên gia trong giới kinh tế, từ đó tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thỏa thuận những hạng mục hợp tác lớn và quan trọng. Trung Quốc cùng với các nước ASEAN và khu vực đã thỏa thuận 6 hiệp định về xây dựng khu vực thương mại tự do, và đang tiến hành đàm phán những hiệp định tương tự với nhiều quốc gia và khu vực hơn nữa. Những nước thừa nhận vị trí kinh tế thị trường toàn diện của Trung Quốc đã lên đến 77 nước. Theo hiệp định Trung Quốc và các nước ASEAN đã thỏa thuận vào năm 2002 thì đến năm

2010, Trung Quốc và các nước ASEAN sẽ bước đầu xây dựng khu thương mại tự do lớn thứ 3 thế giới với 1,7 tỷ dân số chỉ sau Khu thương mại tự do Bắc Mỹ và Khu thương mại tự do Liên minh châu Âu. Ngoài ra, sau khi tham gia vào tập đoàn 8 nước lần đầu tiên vào năm 2003 và hội nghị đối thoại với các quốc gia đang phát triển chủ yếu, Trung Quốc bắt đầu tiếp xúc với nhóm G8. Trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế quan trọng mà cả thế giới đang phải đối diện, cũng như những vấn đề quốc tế quan trọng khác như vấn đề năng lượng và môi trường v.v., Trung Quốc luôn nêu lên lập trường quan điểm của mình, phát huy vai trò mang tính xây dựng.

Thứ năm là, cùng với sự thay đổi và phát triển trong tình thế của kinh tế thế giới, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực năng lượng, khí hậu, môi trường v.v. đều đã trở thành những nội dung mới trong kinh tế ngoại giao Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng những thử thách mà sự biến đổi khí hậu đã mang lại cho con người nên đã thành lập riêng một tiểu ban chỉ đạo quốc gia trong công tác đối phó với biến đổi khí hậu và tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải ô nhiễm, đặt ra “Phương án quốc gia trong việc đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu của Trung Quốc”; trên trường quốc tế, Trung Quốc tích cực đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong vấn đề biến đổi khí hậu, yêu cầu các nước phát triển cung cấp kỹ thuật và ủng hộ tài chính.

Trong vấn đề năng lượng, Trung Quốc đề nghị lấy việc hợp tác thay thế cho việc cạnh tranh, chủ trương các nước nên dựa trên nguyên tắc hỗ trợ ưu đãi lẫn nhau để hợp tác nhiều hơn nữa trong lĩnh vực này, tạo dựng cục diện cả hai hoặc tất cả các bên đều thắng lợi. Năm 2006, Trung Quốc thông qua “Kế hoạch 5 năm lần thứ 11” (2007 – 2012) về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân đã nêu rõ: Cần dựa trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, hợp tác cùng thắng lợi để mở rộng hợp tác khai thác dầu khí ở nước ngoài, tích cực hòa nhập vào hệ thống năng lượng thế giới, tận dụng triệt để thị trường quốc tế, đảm bảo an toàn trong vấn đề cung ứng năng lượng của Trung Quốc. Trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của các nước khác, Trung Quốc tăng cường ưu tiên hợp tác hữu nghị trong chính trị, coi trọng kinh tế thương mại, đồng thời dựa vào nhiều hình thức viện trợ kinh tế, thông qua việc thiết lập quan hệ hợp tác toàn diện với những nước sản xuất năng lượng để tạo cho việc phát triển kinh tế trong nước có một sự đảm bảo về năng lượng ổn định và khả dĩ.

Từ khi cải cách mở cửa cho đến nay, kinh tế ngoại giao đã duy trì sự ổn định trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước lớn, bổ sung thêm những nội dung trong mối quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển, đảm bảo tài nguyên, thị trường và nguồn vốn cần thiết cho việc xây dựng kinh tế của Trung Quốc, thúc đẩy kinh tế Trung Quốc luôn duy trì ở mức độ phát triển nhanh chóng và ổn định. Cùng với những thay đổi của tình hình quốc tế, kinh tế ngoại giao của Trung Quốc sẽ không ngừng được mở rộng cả trên phương diện nội hàm lẫn ngoại diên, vị trí trong ngoại giao chung của Trung Quốc cũng không ngừng được nâng cao.

Triển khai văn hóa đối ngoại

Văn minh Trung Hoa là nền văn minh cổ đại duy nhất của thế giới không hề bị gián đoạn mà liên tục phát triển đến ngày nay. Trong phương diện văn hóa đối ngoại, Trung Quốc có một lịch sử và truyền thống từ rất lâu đời: Trương Khiên (? – 114 trước Công nguyên) đi sứ; Huyền Trang (602 – 664) đi thỉnh kinh; Giám Chân (688 – 763) khám phá phía Đông; Trịnh Hòa (1371 – 1433) thám hiểm Tây Dương v.v., đều có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử.

“Văn hóa đối ngoại” tức là một quốc gia có chủ quyền coi việc bảo vệ lợi ích văn hóa của nước đó và thực hiện mục tiêu chiến lược văn hóa đối ngoại là mục đích, với sự chỉ đạo của chính sách văn hóa đối ngoại nhất định, dựa vào các biện pháp văn hóa để tiến hành các hoạt động ngoại giao. Sự ra đời của khái niệm này đã phản ánh rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa, giao lưu văn hóa quốc tế đã từ phạm trù chính trị thấp chuyển hướng sang phạm trù chính trị cao.

Mục đích của ngoại giao là để thực hiện lợi ích quốc gia, trước hết là để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ cũng như an ninh quốc gia. Xét từ mặt này, mục đích đầu tiên của văn hóa đối ngoại là để bảo vệ an ninh quốc gia, kể đó là coi giao lưu văn hóa đối ngoại là một phần trong chính sách ngoại giao quốc gia, thông qua con đường ngoại giao để thúc đẩy giao lưu văn hóa, tạo dựng hình tượng tốt đẹp có ích cho đất nước, nhìn chung là để phục vụ cho chính sách ngoại giao của đất nước.

Giao lưu văn hóa đối ngoại là một bộ phận cấu thành quan trọng trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Do ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh, giao lưu văn hóa đối ngoại của Trung Quốc đã từng một thời chỉ hạn chế trong việc giao lưu với các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô và các nước hữu nghị ở khu vực châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh. Năm 1964, Trung Quốc và Pháp thiết lập quan hệ ngoại giao, năm 1965 chính phủ hai nước ký kết kế hoạch giao lưu văn hóa năm 1965 – 1966. Đây là kế hoạch giao lưu văn hóa giữa cấp chính phủ đầu tiên của Trung Quốc với một quốc gia Tây Âu. Năm 1982, Phiên họp thứ 5 của Quốc hội khóa 5 Trung Quốc đã đưa nội dung phát triển giao lưu văn hóa với các nước vào hiến pháp, đưa ra một sự đảm bảo về pháp luật cho việc không ngừng mở rộng giao lưu văn hóa đối ngoại. Từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, chiến lược phát triển văn hóa đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc, văn hóa đối ngoại được cho rằng có một vị trí quan trọng và không thể thay thế giống như ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Chính phủ Trung Quốc dốc sức thúc đẩy giao lưu văn hóa đối ngoại, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước trên thế giới.

Phải biết tôn vinh dân tộc thì mới có thể đứng vững trong thế giới. Trên cơ sở phục hưng văn hóa Trung Quốc trong nước, bảo vệ di sản văn hóa, củng cố văn hóa truyền thống Trung Quốc là yêu cầu căn bản nhất để bảo vệ an ninh văn hóa Trung Quốc trong điều kiện toàn cầu hóa văn hóa, là cơ sở của văn hóa đối ngoại. Những năm gần đây, Chính phủ Trung

Quốc áp dụng hàng loạt biện pháp ủng hộ sự nghiệp văn hóa cộng đồng, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng văn hóa, phát triển các hoạt động văn hóa quần chúng, áp dụng hàng loạt biện pháp để tiến hành cứu nguy, bảo vệ và sáng tạo đối với văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa dân gian dân tộc.

Quá trình phục hưng và phát triển văn hóa Trung Quốc không thể tách khỏi những thành quả ưu tú trong việc thu hút những nền văn minh khác. Trong quá trình mở cửa đối ngoại, Trung Quốc tiếp thu những tinh hoa văn hóa từ mọi thời đại, từ bốn phương, mở rộng vòng tay đón nhận những thành quả văn hóa ưu tú từ mọi dân tộc. Hiện nay, tại Trung Quốc, các ngoại ngữ ngày càng trở nên thu hút người học, ca kịch của Ý, nhạc kịch của Mỹ, múa ba lê của Nga hay nhạc giao hưởng của Pháp, triển lãm tranh cổ điển của Pháp v.v. đều được mọi người đón nhận nồng nhiệt. Tất cả đều là sự thể hiện trong chính sách mở cửa đối ngoại của Chính phủ đối với lĩnh vực văn hóa.

Việc bảo vệ và phục hưng văn hóa của Trung Quốc đã tạo cơ sở cho việc thúc đẩy văn hóa đối ngoại. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc đã trở thành nền tảng tư tưởng và lý luận của ngoại giao Trung Quốc đương đại. Những tư tưởng văn hóa truyền thống của Trung Quốc như “dĩ hòa vi quý”, “quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa”, “ngôn tất tín, hành tất quả”, “kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” v.v. trở thành một trong những nguồn cội quan trọng của mọi tư tưởng mà Trung Quốc luôn đề xướng trên trường quốc tế về việc giao lưu tiếp nhận của các nền văn minh như: chung sống mà không xung đột, đối thoại mà không đối kháng, giao lưu mà không đóng cửa, dung hòa chứ không bài xích, cùng nhau học hỏi, cùng nhau phát triển v.v..

Đứng từ đại cục ngoại giao của quốc gia để mở rộng giao lưu là đường lối và biện pháp trực tiếp nhất của văn hóa đối ngoại. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Trung Quốc, mở rộng giao lưu là điểm sáng của văn hóa đối ngoại trong những năm gần đây. Cho đến tháng 6 năm 2009, Trung Quốc đã có 96 tiểu ban văn hóa trong các đại sứ quán, lãnh sự quán ở 82 nước trên thế giới, ký kết 145 hiệp định hợp tác văn hóa cấp chính phủ và gần 800 kế hoạch thực hiện giao lưu văn hóa thường niên, đồng thời giữ vững mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với hơn 1.000 tổ chức văn hóa quốc tế. Thông qua việc triển khai hàng loạt các hoạt động văn hóa đa dạng và phong phú có tính định hướng để giới thiệu cho cả thế giới biết về Trung Quốc, hình thành hàng loạt những thương hiệu tuyên truyền văn hóa có tầm ảnh hưởng rộng rãi, những hoạt động được tuyên truyền ra nước ngoài như “Tết”, “Quốc khánh”, “Cảm nhận Trung Quốc” v.v., đã trở thành đề tài quan trọng trong việc truyền bá văn hóa Trung Quốc. Trong đó, những hoạt động được thỏa thuận đồng tổ chức với nhiều nước khác nhau như “Tết văn hóa”, “Tuần văn hóa”, “Quý văn hóa”, “Năm văn hóa” v.v. đều đã thể hiện được nội dung phong phú và sức thu hút của văn hóa Trung Quốc, tăng cường sự hiểu biết văn hóa giữa nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước khác, trở thành đường lối quan trọng để củng cố tình hữu nghị giữa Trung Quốc và các nước có liên quan.

Ngôn ngữ văn tự là phương tiện truyền tải văn hóa. Cùng với việc vị trí của Trung Quốc ngày càng được nâng cao, tiếng Trung Quốc đã trở thành một trong những ngôn

ngữ quan trọng của thế giới. Hiện nay những người học tiếng Trung Quốc tại nước ngoài đã vượt quá con số 30 triệu người, có khoảng 100 quốc gia mà ở đó các cơ quan giáo dục các cấp đều có chương trình dạy tiếng Trung Quốc.

Việc xây dựng các Học viện Khổng Tử, truyền bá văn hóa Trung Quốc ra nước ngoài chính là đường lối hiệu quả để thế giới hiểu Trung Quốc nhiều hơn. Năm 2004, Học viện Khổng Tử đầu tiên đã được thành lập tại Seoul, Hàn Quốc. Đến năm 2008, Trung Quốc đã ủng hộ thành lập 256 Học viện Khổng Tử và 58 Lớp học Khổng Tử ở 81 quốc gia trên toàn thế giới. Ngoài ra, còn có hơn 40 quốc gia với hơn 150 trường học và cơ quan hiện nay đã xin thành lập Học viện Khổng Tử. Thông qua Học viện Khổng Tử và Lớp học Khổng Tử, càng nhiều người trên thế giới có cơ hội học và tìm hiểu về văn hóa Trung Quốc.

Thế vận hội Bắc Kinh 2008 tổ chức thành công đã trở thành cánh cửa để truyền bá văn hóa Trung Quốc ra bên ngoài một cách rất hiệu quả. Thông qua lễ khai mạc và bế mạc được cả thế giới chú ý, cũng như rất nhiều hoạt động văn hóa diễn ra trong thời gian tổ chức Thế vận hội, nhân dân trên thế giới đã nhận biết và hiểu nhiều hơn nữa về văn hóa Trung Quốc. Triển lãm thế giới tổ chức tại Thượng Hải vào năm 2010 là một cơ hội tốt để thể hiện văn hóa ngoại giao của Trung Quốc cũng như cơ hội để Trung Quốc và các nước trên thế giới tìm đến những giao lưu và hợp tác mới.

Chính phủ Trung Quốc tích cực tạo điều kiện, khuyến khích giao lưu văn hóa phi chính phủ, khích lệ các công ty văn hóa thông qua vận hành thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế để bước ra thế giới, thông qua việc duy trì và tăng cường văn hóa đối ngoại để tạo dựng niềm tin đối với các nước xung quanh, tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa Trung Quốc và các nước phát triển ở phương Tây, ổn định và củng cố mối quan hệ hữu nghị với các nước đang phát triển, thúc đẩy thiết lập quan hệ ngoại giao với những nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Văn hóa đối ngoại đã trở thành một trong những nội dung quan trọng trong chính sách ngoại giao chung của Trung Quốc, đồng thời tiếp tục giúp cho ngoại giao chung của Trung Quốc trở nên phong phú hơn, toàn diện hơn.



Tháng 9 năm 2008, hoạt động Tuần lễ văn hóa Trung Quốc tổ chức tại Washington, Hoa Kỳ.

Cho đến tháng 7 năm 2009, Trung Quốc đã tiến hành xây dựng được 331 Học viện Khổng Tử (lớp học), phân bố khắp 83 quốc gia và khu vực.



Thực hiện chính sách ngoại giao vì nhân dân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân Trung Quốc

Xây dựng tư tưởng “ngoại giao vì nhân dân”, chú trọng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân Trung Quốc là quan điểm thực hiện chính sách ngoại giao và phát triển khoa học thực tiễn của Trung Quốc, đồng thời cũng là nội dung quan trọng trong tư tưởng lấy dân làm gốc, chấp chính vì nhân dân.

Bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân Hoa kiều là một nghĩa vụ quan trọng được hiến pháp Trung Quốc giao cho các ban ngành ngoại giao, là một bộ phận cấu thành quan trọng trong công tác ngoại giao, thuộc phạm trù bảo hộ lãnh sự trong nghiệp vụ ngoại giao. Chính phủ Trung Quốc coi trọng phát triển quan hệ lãnh sự đối ngoại, chủ trương thông qua đối thoại bình đẳng, hiệp thương hữu nghị, giải quyết thỏa đáng những vấn đề xuất hiện trong quan hệ lãnh sự, coi trọng mối quan hệ của nhau, bảo vệ lợi ích của công dân và nhà nước mình, đẩy mạnh giao lưu trong nghiệp vụ lãnh sự giữa các nước, thúc đẩy sự phát triển trong mối quan hệ hợp tác hữu nghị. Trong thực tiễn, Chính phủ Trung Quốc dựa trên nguyên tắc cùng hỗ trợ cùng có lợi, hợp tác cùng thắng lợi, giữ thái độ hào phóng và thiết thực để giữ vững và phát triển mối quan hệ hiệp thương và đối thoại giữa Trung Quốc với các nước cũng như các tổ chức quốc tế có liên quan, tiến hành đàm phán, thương thảo rộng rãi và sâu sắc về những vấn đề trong mối quan hệ lãnh sự song phương hoặc đa phương cùng quan tâm và cùng mong muốn giải quyết.

Số lượng người đi nước ngoài ngày càng trở nên nhiều hơn chính là một sự thể hiện quan trọng của vấn đề toàn cầu hóa. Cùng với sự phát triển của vấn đề toàn cầu hóa cũng như việc Trung Quốc ngày càng hòa nhập sâu hơn vào xã hội quốc tế, ngày càng có nhiều

công dân Trung Quốc đi nước ngoài, hoặc là đi tham quan du lịch, hoặc là đầu tư kinh doanh, hoặc là ra nước ngoài du học, tu nghiệp, hoặc là đi theo chế độ xuất khẩu lao động. Chỉ trong năm 2008, số lượng người Trung Quốc ra nước ngoài đã lên đến hơn 40 triệu lượt người, những công ty đầu tư của Trung Quốc được thành lập ở nước ngoài đã vượt qua 10 ngàn công ty, phân bố rộng khắp hơn 160 quốc gia và khu vực. Sự thay đổi này trở thành sợi dây quan trọng gắn kết chặt chẽ giữa Trung Quốc và thế giới, cũng là một biểu hiện quan trọng trong việc hòa nhập vào xã hội quốc tế của Trung Quốc. Nhưng cùng với tình hình an ninh quốc tế ngày càng trở nên phức tạp, những nhân tố đe dọa an ninh phi truyền thống cũng gia tăng, những việc khó lường mà công dân Trung Quốc và các cơ quan đầu tư của Trung Quốc gặp phải cũng tăng lên rất nhanh, Những vụ án cần lãnh sự đứng ra bảo vệ có xu hướng ngày càng nhiều hơn, nhạy cảm và nặng sắc thái chính trị hơn.

Ngoại giao Trung Quốc coi việc bảo vệ lợi ích của các xí nghiệp và công dân Trung Quốc ở nước ngoài là chức trách của mình. Chính phủ Trung Quốc coi quốc tịch là điều kiện được bảo hộ lãnh sự, chủ trương các nước cần dựa trên luật quốc tế, hiệp ước song phương cũng như phạm vi của luật pháp mà các quốc gia liên quan cho phép để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và nhà nước, đồng thời nhấn mạnh các nước nên bảo vệ các công dân nước ngoài, bao gồm cả những quyền lợi mà các công dân nước ngoài vi phạm quy định địa phương vẫn được hưởng theo quy định của các luật pháp nói trên, đặc biệt là đối xử theo chủ nghĩa nhân đạo chứ không nên vì quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo hoặc những nguyên nhân khác như chính trị, kinh tế v.v. mà kỳ thị hoặc đối xử không công bằng. Bất cứ nước nào cũng không nên bao che cho những hành vi phạm tội của công dân nước mình, tán thành những quốc gia chưa thiết lập quan hệ ngoại giao tiến hành hợp tác trong các mặt được bảo hộ lãnh sự.

Trong quá trình bảo hộ lãnh sự, các ban ngành ngoại giao Trung Quốc dựa trên nguyên tắc "chủ yếu là để phòng, cùng coi trọng việc để phòng và xử lý", tận dụng kỹ thuật hiện đại để công bố các thông tin cảnh báo. Trong trang web của Bộ Ngoại giao Trung Quốc có mục "Tin tức lãnh sự" và "Những chú ý khi đến một số nước và thành phố", đăng tải những vụ việc được bảo hộ lãnh sự xảy ra gần đây, công bố "Hướng dẫn hành vi văn minh cho công dân Trung Quốc khi đi du lịch ở nước ngoài" và "Hướng dẫn các dịch vụ và bảo hộ lãnh sự ở nước ngoài của Trung Quốc", cập nhật những thông tin phục vụ cho khách du lịch, công bố những việc khách du lịch cần chú ý khi đến một quốc gia hay một khu vực nào đó, và đưa ra những đề nghị mang tính cảnh báo đối với các công dân có dự định đi du lịch ở những nơi không được an toàn.

Để làm tốt công tác bảo hộ lãnh sự, Chính phủ Trung Quốc hoàn thiện và mở rộng các cơ quan lãnh sự. Ngay từ năm 1955, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã thành lập Cục Lãnh sự, phụ trách công tác bảo hộ lãnh sự. Cùng với sự gia tăng liên tục trong công tác bảo hộ lãnh sự, năm 2007, Cục Lãnh sự của Bộ Ngoại giao đã tăng cấp đối với các bộ phận bảo hộ lãnh sự trực thuộc Cục Lãnh sự lên thành Trung tâm Bảo hộ Lãnh sự, tăng cường thêm đầu tư về nhân lực và tài chính cho công tác này. Hiện nay, trong 240 cơ quan lãnh sự ở

nước ngoài của Trung Quốc, đã có hơn 70 cơ quan lãnh sự chuyên môn, nhiệm vụ chủ yếu chính là bảo vệ lợi ích của công dân Trung Quốc ở nước ngoài.

Để thích ứng với nhu cầu thay đổi của tình hình, cơ quan ngoại giao của Trung Quốc còn thành lập riêng cơ chế phối hợp và cơ chế ứng cứu đa ban ngành. Khi công dân Trung Quốc hoặc pháp nhân xảy ra những tổn thất nghiêm trọng về người và của ở nước ngoài, các cơ quan ngoại giao sẽ lập tức tổ chức những tiểu ban ứng cứu, đề ra phương án công tác, mở đường dây nóng, thu thập thông tin các nơi, đảm bảo thông tin không bị tắc nghẽn. Những năm gần đây, cơ quan ngoại giao Trung Quốc mỗi năm xử lý trên 30 ngàn vụ việc trong phạm vi lãnh sự bảo hộ, trở thành nội dung quan trọng trong công tác ngoại giao và cũng là sự thể hiện quan trọng trong việc thực hiện tư tưởng “ngoại giao vì nhân dân”.

Mở rộng ngoại giao quân sự

Có một cách nói truyền thống rằng, “khi chiến tranh kết thúc tức là lúc ngoại giao bắt đầu”, ý đại khái là hoạt động quân sự và hoạt động ngoại giao không thể cùng tồn tại. Nhưng trong thực tế, quân sự và ngoại giao luôn gắn kết chặt chẽ. Trong thời bình, giao lưu quân sự là một trong những biện pháp chủ yếu nhất để tăng cường tin tưởng lẫn nhau và bảo vệ hòa bình. Là một bộ phận cấu thành quan trọng trong ngoại giao chung của quốc gia, ngoại giao quân sự của Trung Quốc luôn phục tùng, phục vụ cho chiến lược ngoại giao chung của quốc gia, là sợi dây quan trọng gắn kết mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước khác.

Hoạt động giao lưu đối ngoại của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã có từ rất lâu. Vào thời kỳ nước Trung Quốc mới vừa thành lập, trong bối cảnh chiến lược ngoại giao “nhất biên đảo” của quốc gia, ngoại giao quân sự của Trung Quốc cũng thể hiện một đặc trưng “nhất biên đảo”, đối tượng giao lưu là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Vào thập niên 60, 70 của thế kỷ XX, hình thức chủ yếu trong ngoại giao quân sự của Trung Quốc là thông qua viện trợ quân sự và bồi dưỡng cán bộ quân sự, viện trợ và ủng hộ những cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa.

Từ thập niên 80 thế kỷ XX đến nay, cùng với sự cải thiện không ngừng trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước phương Tây, giao lưu đối ngoại của quân sự Trung Quốc không ngừng được tăng cường, đối tác trong ngoại giao quân sự được mở rộng đến nhiều nước trên thế giới, các lĩnh vực đề cập đến cũng ngày càng phong phú hơn. Năm 1998, Chính phủ Trung Quốc công bố sách trắng “Quốc phòng Trung Quốc”, lần đầu tiên đổi tên gọi từ truyền thống là “Giao lưu quân sự Trung Quốc và nước ngoài” thành “Ngoại giao quân sự”, đồng thời đưa ra chính sách cần phải phát triển ngoại giao quân sự toàn diện và đa tầng lớp. Giao lưu đối ngoại của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã thực hiện một sự chuyển biến mang tính lịch sử, đó là từ việc hợp tác ngoại giao hữu

ngộ cấp cao là chủ yếu phát triển thành ngoại giao trong các lĩnh vực rộng lớn và đa tầng lớp, từ hợp tác song phương là chủ yếu phát triển thành ngoại giao song phương và đa phương, từ giao lưu chuyên môn quân sự thông thường là chủ yếu phát triển thành giao lưu đối ngoại toàn diện.

Ngoại giao quân sự của Trung Quốc quán triệt chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ và chính sách quốc phòng mang tính phòng vệ, dựa trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình để triển khai giao lưu quân sự đối ngoại, coi mở rộng quan hệ đối ngoại quân sự, tăng cường hợp tác đối ngoại quân sự là mục đích, bao gồm những mặt chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng thông tin liên lạc quân sự cơ chế hóa và cơ chế liên lạc. Cho đến năm 2008, Trung Quốc đã cùng với hơn 150 quốc gia thiết lập quan hệ quân sự, xây dựng 109 văn phòng tùy viên quân sự, cũng có 98 quốc gia đã đặt văn phòng tùy viên quân sự tại Trung Quốc.

Thứ hai, triển khai giao lưu quân sự cấp cao. Các lãnh đạo quân sự thăm hỏi lẫn nhau là hình thức chủ yếu trong ngoại giao quân sự, cũng là cách chủ yếu để quân sự các bên tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Năm 2007 và năm 2008, đoàn đại biểu quân sự cấp cao của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã đến thăm hơn 40 quốc gia, đồng thời, cũng có các Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng của hơn 60 nước đến thăm Trung Quốc. Các lãnh đạo nhà nước Trung Quốc rất coi trọng ngoại giao quân sự, thường xuyên gặp gỡ những lãnh đạo quân sự nước ngoài khi họ đến thăm Trung Quốc, đồng thời tích cực đẩy mạnh quan hệ ngoại giao quân sự trong ngoại giao cấp cao.

Thứ ba, phát triển giao lưu bồi dưỡng quân sự. Chính phủ Trung Quốc tích cực cử các học viên quân sự ra nước ngoài học tập, đồng thời cũng tiếp nhận nhiều học viên quân sự nước ngoài đến Trung Quốc học tập. Năm 2007 và 2008, Quân Giải phóng Nhân dân Trung



Biên đội chiến hạm của Hải quân Trung Quốc đang thăm hữu nghị ở Trân Châu Cảng – Hawaii. Ảnh chụp lúc các lãnh đạo quân đội hai bên đang trò chuyện trong buổi tiệc.

Quốc đã cử hơn 900 du học sinh quân sự đi học ở nước ngoài. Hai mươi phân viện quân sự của Trung Quốc đã thiết lập và duy trì mối quan hệ đối tác với các học viên tương ứng ở hơn 20 quốc gia như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Pakistan v.v.. Trong cùng khoảng thời gian đó, có hơn 4.000 lưu học sinh ở các học viện quân sự thuộc 13 quốc gia trên thế giới đã đến các học viện quân sự của Trung Quốc học tập.

Thứ năm, xây dựng cơ chế đối thoại hợp tác an ninh với nhiều hình thức. Quân đội Trung Quốc rất coi trọng việc tiến hành đối thoại an ninh và hiệp thương quân sự với các nước có liên quan. Cho đến nay, Trung Quốc đã cùng với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Anh, Pháp v.v. thiết lập cơ chế hiệp thương trong lĩnh vực an ninh quốc phòng. Ngoài ra còn phát triển quan hệ an ninh quân sự với các nước xung quanh như Pakistan, Ấn Độ, Mông Cổ, Thái Lan, Việt Nam, Philippines v.v..

Năm là, đẩy mạnh và tham dự hợp tác an ninh khu vực. Năm 1997, Trung Quốc bắt đầu tham gia diễn đàn hợp tác và đối thoại an ninh chính thức duy nhất của khu vực châu Á – Thái Bình Dương – Diễn đàn Khu vực ASEAN. Năm 2004, Trung Quốc tổ chức Hội nghị Chính sách an ninh Diễn đàn Khu vực ASEAN lần đầu tiên, lấp vào những chỗ trống còn tồn tại trong lĩnh vực đối thoại giữa các quan chức quốc phòng cao cấp trong diễn đàn này. Những năm gần đây, quân đội Trung Quốc còn lần lượt tham gia các cơ chế như Diễn đàn Hải quân Tây Thái Bình Dương, Hội nghị Đối thoại Shangri – La v.v., cùng các nước khác triển khai giao lưu và hợp tác rất hiệu quả trong các lĩnh vực như chống khủng bố, cứu hộ cứu nạn, bảo vệ hòa bình, an ninh trên biển, tuần tra biên giới chung v.v..

Thứ sáu, không ngừng nâng cao mức độ minh bạch quân sự. Bắt đầu từ năm 1995, cứ hai năm một lần, Chính phủ Trung Quốc lại cho công bố một cuốn “Sách trắng quốc phòng”, cho đến nay, đã có 6 cuốn sách trắng quốc phòng được công bố, qua đó giới thiệu cho các nước trên thế giới biết về chính sách quốc phòng cũng như tình hình xây dựng quân đội và quốc phòng của Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc còn tham gia chế độ minh bạch chi phí quân sự của Liên Hiệp Quốc, nhiều lần cho công bố sách trắng quốc phòng về kiểm soát quân sự cũng như những chính sách đề cập đến vấn đề an ninh khu vực như chống phổ biến vũ khí, chính sách hàng không v.v., luôn kịp thời nói rõ mọi chính sách liên quan đến quốc phòng của quốc gia.

Thứ bảy, tổ chức diễn tập quân sự chung với nước ngoài. Tháng 10 năm 2002, Trung Quốc và Cươguxtan đã tổ chức diễn tập quân sự chống khủng bố tại khu vực biên giới giữa hai nước. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc diễn tập quân sự chung với quân đội nước ngoài. Đến năm 2008, Trung Quốc đã cùng các nước liên quan tiến hành 28 đợt diễn tập quân sự chung. Ngoài ra, phía Trung Quốc còn mời các đoàn đại biểu quân sự của nước ngoài đóng tại Trung Quốc và các quan sát viên quan sát diễn tập quân sự của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc và giao lưu kinh nghiệm, từ đó tăng cường giao lưu quân sự với nước ngoài.

Thứ tám, tham gia toàn diện và tích cực hành động bảo vệ hòa bình quốc tế và viện trợ quốc tế. Kể từ lần đầu tiên Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc cử quan sát

viên quân sự tham gia hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc vào năm 1990, đến tháng 6 năm 2009, Trung Quốc đã cử hơn 10 ngàn lượt người, trong đó bao gồm nhân viên quân sự và cảnh sát tham gia vào 24 đợt hành động bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Ngoài ra, đội cứu viện quốc tế Trung Quốc với các thành viên chủ yếu là nhân viên quân sự Trung Quốc đã có 15 đợt viện trợ cứu nạn khẩn cấp đối với nhân dân các nước gặp phải thiên tai như sóng thần ở Ấn Độ Dương, bão Katrina ở Mỹ, động đất ở Nam Á và lở đất ở Philippines.

Thứ chín, tham gia hộ tống quốc tế. Hạm đội Hải quân của Trung Quốc đã có hơn 30 lần đi đến hơn 40 quốc gia. Tháng 12 năm 2008, Hạm đội Hải quân Trung Quốc đã đến vịnh Aden và vùng biển Somali để tiến hành nhiệm vụ hộ tống. Sự kiện này đã đánh dấu một bước tiến quan trọng của Hải quân Trung Quốc trong việc tham gia hợp tác quân sự và bảo vệ an ninh vùng biển quốc tế.

Ngoại giao quân sự của Trung Quốc đã có những đóng góp vô cùng quan trọng trong việc xây dựng môi trường quốc tế và môi trường xung quanh tốt đẹp cũng như xây dựng một thế giới hài hòa. Vị trí và vai trò của ngoại giao quân sự cũng ngày càng nổi bật hơn qua quá trình phát triển của Trung Quốc.

II. GIAO LƯU ĐỐI NGOẠI ĐA TẦNG LỚP

Ngoại giao cấp cao

Ngoại giao cấp cao tức là những hoạt động ngoại giao mà các nguyên thủ quốc gia hoặc các lãnh đạo chính phủ đích thân tham gia. Theo truyền thống, nội dung của các hoạt động ngoại giao cấp cao thường bao gồm: hoạt động thăm viếng của các lãnh đạo nhà nước, cuộc hội ngộ của các quan chức lãnh đạo, hoạt động thông tin liên lạc giữa các lãnh đạo, lãnh đạo cử đặc sứ hoặc đại biểu cũng như cá nhân các lãnh đạo tuyên bố chính sách cho các nước được biết v.v..

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, trong “Thông cáo Chính phủ Nhân dân Trung ương của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, Mao Trạch Đông đã tuyên bố cho cả thế giới biết rằng: “Đây là chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho nhân dân cả nước nước

Năm 2008, tàu Hải quân Trung Quốc cập vịnh Aden và vùng biển Somali để thực hiện nhiệm vụ hộ tống.



Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chính phủ này sẵn lòng thiết lập mối quan hệ ngoại giao với tất cả các chính phủ của các nước trên thế giới nếu những nước ấy tuân thủ các nguyên tắc về hòa bình, cùng có lợi và tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau". Có thể nói, đây là lần ngoại giao cấp cao đầu tiên của Trung Quốc, và ngoại giao của Trung Quốc cũng được bắt đầu từ chính lần ngoại giao cấp cao đầu tiên này.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, hoạt động ngoại giao cấp cao của Trung Quốc không mấy sôi động, các hình thức ngoại giao cấp cao cũng khá đơn giản, phần nhiều chỉ hạn chế ở các hình thức tuyên bố, gặp gỡ nói chuyện, đi thăm hỏi hoặc tiếp đón các lãnh đạo khác đến Trung Quốc thăm hỏi. Thập niên 50, 60 của thế kỷ XX, đối tác ngoại giao trong ngoại giao cấp cao của Trung Quốc chủ yếu gói gọn ở khu vực châu Á, châu Phi và một số nước giữ quan hệ ngoại giao với Trung Quốc ở châu Âu. Ví dụ một lãnh đạo cấp cao Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc – Mao Trạch Đông cũng chỉ tiến hành hai chuyến viếng thăm ở nước ngoài và cả hai lần điểm đến đều là Liên Xô.

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, xu thế toàn cầu hóa phát triển rất nhanh đã khiến cho mức độ quan trọng của các hoạt động ngoại giao cấp cao cũng ngày càng trở nên nổi bật: xu thế toàn cầu hóa mang lại những vấn đề cả nhân loại cùng phải đối diện đã yêu cầu lãnh đạo của nhiều quốc gia khác nhau phải thông qua các chính sách và nhiều hình thức thường xuyên gặp gỡ tiếp xúc để trực tiếp giải quyết vấn đề toàn cầu hóa; các phương tiện truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa thông tin đã khiến các hoạt động ngoại giao cấp cao, đặc biệt là những chuyến viếng thăm của lãnh đạo các quốc gia trở thành tiêu điểm và điểm nóng được chú ý rộng rãi trên toàn cầu; ngoại giao cấp cao có thể giúp lãnh đạo tối cao của các quốc gia trực tiếp tiến hành đàm phán, giải quyết những vấn đề mà hai bên đang phải đối mặt một cách hiệu quả hơn.

Thích ứng với sự phát triển của tình hình, ngoại giao cấp cao của Trung Quốc ngày càng trở nên sôi động hơn, đường dây nóng trở thành hình thức liên lạc quan trọng giữa lãnh đạo cấp cao của các nước, những cuộc gặp gỡ song phương hoặc đa phương của các lãnh đạo trở nên quan trọng trong lĩnh vực ngoại giao, đặc sứ tiến hành các chuyến thăm viếng những nước khác trở thành hoạt động ngoại giao diễn ra thường xuyên. Những chuyến thăm và làm việc tại nước ngoài của các lãnh đạo Trung Quốc tăng lên rất nhanh và rộng khắp sáu châu lục: châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Đại Dương, châu Bắc Mỹ và châu Mỹ La tinh, đã thể hiện một cách đầy đủ nhất đặc điểm phát triển trong ổn định, liên tục không gián đoạn và toàn diện. Ví dụ một lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc là Giang Trạch Dân, từ khi đảm nhận chức Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Trung Quốc vào năm 1989, cho đến năm 2002 đã tiến hành các chuyến thăm đến hơn 70 quốc gia.

Ngoại giao cấp cao là hình thức ngoại giao cao nhất, luôn là cách để Trung Quốc giải quyết các vấn đề quan trọng với các nước có liên quan. Trong lịch sử ngoại giao của Trung Quốc, hình thức này luôn là các hoạt động ngoại giao lớn có ý nghĩa quan trọng. Như cuối năm 1949, không lâu sau khi Trung Quốc thành lập, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã

tiến hành chuyến thăm Liên Xô, năm sau đó Thủ tướng Chu Ân Lai cũng đến thăm Liên Xô. Những cuộc viếng thăm này là một sự thể hiện rất cụ thể trong chiến lược ngoại giao “nhất biên đảo” trong thời kỳ mới thành lập của Trung Quốc. Trong chuyến viếng thăm lần này của nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo chính phủ, Trung Quốc và Liên Xô đã ký kết “Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô” có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Ba mươi năm sau, quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô lại được bình thường hóa sau một lần hội ngộ giữa lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình và lãnh đạo Liên Xô Gorbachev, hai lãnh đạo đã đồng thuận trong việc “kết thúc quá khứ, mở ra tương lai”. Sau khi Liên Xô tan rã, ngoại giao cấp cao đã giúp cho quan hệ Trung Quốc và Liên Xô thuận lợi tiến tới quan hệ ngoại giao Trung Quốc và Nga, thúc đẩy quan hệ Trung - Nga dần dần được cơ chế hóa và chín muồi.

Ngoại giao cấp cao đã phản ánh tình trạng quan hệ giữa Trung Quốc và các nước. Chuyến viếng thăm của lãnh đạo Trung Quốc đối với Mỹ chỉ được thực hiện sau khi Trung - Mỹ thiết lập mối quan hệ ngoại giao; nguyên thủ và lãnh đạo chính phủ của hai nước Trung - Mỹ tiến hành các chuyến viếng thăm vào thập niên 80 thế kỷ XX, là những thể hiện của sự phát triển ổn định trong mối quan hệ của hai nước. Nhưng năm 1989, Tổng thống Mỹ đã phát biểu và tuyên bố sẽ áp dụng hàng loạt biện pháp chế tài đối với Trung Quốc, sau đó các chuyến viếng thăm của lãnh đạo hai nước bị gián đoạn trong khoảng thời gian 9 năm. Hiện nay, lãnh đạo hai nước Trung - Mỹ thường xuyên thực hiện các chuyến viếng thăm và làm việc, qua đó cũng đã phản ánh tình hình mới trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ. Như chỉ riêng năm 2008, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và Tổng



Tháng 2 năm 1950, trong thời gian Chủ tịch Mao Trạch Đông sang thăm Liên Xô, Trung Quốc và Liên Xô đã cùng ký kết “Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô” tại Moscow.

Tháng 5 năm 1989 tại Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình đã gặp gỡ Gorbachev – Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao của Liên Xô, Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Xô Viết.



thống Goerge Bush đã gặp gỡ 4 lần, gửi điện tín 10 lần và thông tin qua điện thoại 10 lần. Ngoại giao cấp cao không chỉ là biểu tượng cho sự phát triển ổn định trong mối quan hệ Trung – Mỹ, mà còn tạo những điều kiện cho sự phát triển ổn định trong giai đoạn tiếp theo của mối quan hệ này, trở thành “đá dăm” trong mối quan hệ Trung – Mỹ.

Ngoại giao cấp cao giữa Trung Quốc và Nhật Bản cũng phản ánh hiện trạng của quan hệ Trung Quốc và Nhật Bản. Từ năm 1979 đến năm 1991, các lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo Chính phủ Trung Quốc đã đến thăm Nhật Bản 5 lần. Thế nhưng vào thời kỳ đầu thế kỷ XXI, do các lãnh đạo của Nhật Bản vẫn kiên quyết giữ vững lập trường đi ngược lại với sự thật lịch sử nên Trung Quốc đã gián đoạn các chuyến thăm viếng cấp cao giữa hai nước, quan hệ song phương rơi vào cục diện “chính trị lạnh, kinh tế nóng”. Mãi đến khi lãnh đạo mới của Nhật Bản thay đổi lập trường sai trái trong vấn đề lịch sử, các cuộc thăm viếng của lãnh đạo hai nước mới được thực hiện trở lại. Từ chuyến viếng thăm được gọi là “Chuyến thăm phá băng” đối với Trung Quốc của Thủ tướng Nhật Bản – Shinzo Abe vào năm 2006, cho đến “Chuyến thăm tan băng” đối với Nhật Bản của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo vào tháng 4 năm 2007, tiếp theo là chuyến thăm “Chào đón mùa xuân” đối với Trung Quốc của Thủ tướng Nhật Bản – Yasuo Fukuda vào tháng 12 năm 2007, và chuyến

viếng thăm “Mùa xuân ấm áp” đối với Nhật Bản của Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào vào tháng 5 năm 2008, đánh dấu quan hệ Trung – Nhật đã quay trở lại quỹ đạo bình thường và không ngừng được cải thiện.

Ngoại giao cấp cao đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy mối quan hệ song phương. Ví dụ như những chuyến viếng thăm cấp cao luôn được cả thế giới dõi theo, mỗi lần các lãnh đạo thực hiện chuyến viếng thăm đối với một nước nào đó, luôn có các đoàn đại biểu tùy tùng lớn đại diện cho nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, văn hóa v.v.. Trong quá trình thăm viếng, rất nhiều hiệp định hợp tác trong nhiều lĩnh vực được ký kết như chính trị, an ninh, kinh tế thương mại, năng lượng, giáo dục, vệ sinh, văn hóa, du lịch v.v.. Sau các chuyến thăm viếng, việc thực hiện các hiệp định đã ký kết là hình thức quan trọng mang lại thành quả của các chuyến viếng thăm, cũng tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường hợp tác song phương. Thông qua ngoại giao cấp cao để hình thành các mối quan hệ cá nhân giữa các lãnh đạo là sợi dây quan trọng gắn kết mối quan hệ của hai nước, có thể thúc đẩy mối quan hệ giữa các quốc gia phát triển lâu dài, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên.

Ngoại giao cấp cao đa phương là hình thức quan trọng trong ngoại giao cấp cao của thế giới hiện nay, cũng là một sự thể hiện tập trung của ngoại giao cấp cao Trung Quốc. Để giải quyết những vấn đề chung mà cả thế giới đang phải đối mặt như vấn đề phát triển, môi trường v.v., nhiều hội nghị thượng đỉnh toàn cầu đã được tổ chức trong Công ước khung của Liên Hiệp Quốc; để giải quyết sâu hơn nữa vấn đề kinh tế toàn cầu, đối phó với khủng hoảng kinh tế thế giới, hội nghị thượng đỉnh giữa tập đoàn 8 nước phương Tây và lãnh đạo các nước đang phát triển chủ yếu, cũng như hội nghị thượng đỉnh các lãnh đạo tập đoàn 20 nước về cơ bản đã trở thành thông lệ; trong cơ chế đa phương ở các khu vực khác và ngoài khu vực như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Hội nghị đối thoại giữa ASEAN và ba nước Trung, Nhật, Hàn, Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, Hội nghị Á – Âu v.v., cũng đã tổ chức nhiều hội nghị thượng đỉnh cấp lãnh đạo. Là lãnh đạo của nước đang phát triển lớn nhất, các nguyên thủ quốc gia Trung Quốc và lãnh đạo chính phủ luôn tích cực tham gia những hội nghị thượng đỉnh này, nêu lên chủ trương của Trung Quốc, đưa ra những ý kiến mang tính xây dựng, đóng góp trí tuệ Trung Quốc cho việc giải quyết các vấn đề liên quan.

Ngoại giao quốc hội

Quốc hội là cơ quan lập pháp của quốc gia, có một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị của quốc gia. Giao lưu giữa các cơ quan lập pháp của các nước là một bộ phận cấu thành quan trọng trong quan hệ đối ngoại của quốc gia, phát huy một vai trò không thể thay thế trong việc tăng cường tình hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau của nhân dân các nước, thúc đẩy phát triển mối quan hệ giữa các quốc gia.

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) là cơ quan lập pháp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Giao lưu đối ngoại của Quốc hội và Ủy ban thường vụ luôn

Tháng 11 năm 1998, Nhật Hoàng Akihito đã tổ chức nghi thức nghênh đón Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đến thăm Nhật Bản. Đây là chuyến thăm đầu tiên của nguyên thủ Trung Quốc đến Nhật Bản, hai bên phát biểu "Tuyên bố chung Trung – Nhật".



phát huy vai trò quan trọng trong mọi giai đoạn lịch sử phát triển của xã hội Trung Quốc. Sau khi cải cách mở cửa, mối quan hệ của Quốc hội Trung Quốc với quốc hội của các nước đang phát triển ở khắp khu vực châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh v.v. luôn được tăng cường, mối quan hệ với quốc hội của các nước phương Tây cũng có sự cải thiện rõ rệt. Quốc hội Trung Quốc ngày càng tham gia nhiều hơn các hoạt động ngoại giao quốc hội đa phương trên trường quốc tế, hình thành nên cục diện giao lưu quốc hội đối ngoại toàn diện và đa tầng lớp, trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong ngoại giao chung của Trung Quốc.

Những năm gần đây, công tác giao lưu đối ngoại của Quốc hội Trung Quốc không ngừng phát triển. Trước hết thể hiện qua các chuyến viếng thăm được thực hiện với quốc hội nước ngoài liên tục tăng nhanh. Trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến năm 2008, Chủ tịch Quốc hội Trung Quốc – Ngô Bang Quốc đã tiến hành 10 chuyến viếng thăm đến quốc hội các nước, những chuyến viếng thăm của các nhân viên quốc hội lên đến 58 lần, rộng khắp mọi khu vực năm châu. Cũng trong thời kỳ này, có 109 chủ tịch quốc hội, phó chủ tịch quốc hội của các nước khác (nghị trưởng và phó nghị trưởng) cũng đã nhận lời mời đến thăm Trung Quốc.

Thứ hai, Quốc hội Trung Quốc và quốc hội nhiều nước khác đã thiết lập rất nhiều cơ chế giao lưu định kỳ. Bắt đầu từ năm 1981, khi Quốc hội Trung Quốc và Quốc hội châu Âu thiết lập cơ chế giao lưu, cho đến năm 2008, Quốc hội Trung Quốc đã cùng với quốc hội của hơn 10 nước thực hiện giao lưu cơ chế hóa, trong đó bao gồm: Thượng nghị viện và Hạ nghị viện của Hoa Kỳ; Hội đồng Liên bang Nga; Thượng nghị viện và Hạ nghị viện của Duma; Thượng nghị viện và Hạ nghị viện của Nhật Bản; Quốc hội Hàn Quốc; Quốc hội Ấn



Ngày 17 tháng 11 năm 2009, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã tổ chức nghi lễ đón tiếp Tổng thống Mỹ Barack Obama tại Đại lễ đường Nhân dân Bắc Kinh.

Độ; Hạ viện Australia; Quốc hội Canada; Quốc hội Anh; Quốc hội Liên bang Đức; Thượng nghị viện Pháp; Hạ nghị viện Ý; Quốc hội Nam Phi; Quốc hội Ai Cập và Hạ nghị viện Brazil v.v.. Quốc hội Trung Quốc cũng đã thiết lập mối quan hệ với quốc hội của 178 quốc gia trên thế giới và thành lập 98 tiểu ban hữu nghị với quốc hội các nước.

Thứ ba, triển khai hợp tác tổ chức quốc hội mang tính khu vực và tính quốc tế, tham gia các vấn đề đa phương giữa các quốc hội. Cho đến năm 2008, Quốc hội Trung Quốc đã tham gia 12 tổ chức quốc hội quốc tế, trong đó bao gồm Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới; Hội đồng Nghị viện châu Á; Diễn đàn Nghị viện châu Á – Thái Bình Dương; Nghị viện Mỹ La tinh; Đại hội đồng Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á; Hội nghị Chủ tịch Nghị viện Diễn đàn các quốc đảo Thái Bình Dương v.v., và trở thành quan sát viên của tổ chức quốc hội ở ba khu vực. Năm 2004, Trung Quốc là nước đứng ra tổ chức Diễn đàn Nghị viện châu Á – Thái Bình Dương lần thứ 12 tại Bắc Kinh; năm 2008, Quốc hội Trung Quốc lại một lần nữa tổ chức thành công Hội nghị Đối tác Nghị viện Á – Âu lần thứ 5 tại Bắc Kinh.

Ngoại giao quốc hội luôn dựa vào ưu thế và đặc điểm của mình để đẩy mạnh ngoại giao đối ngoại, thúc đẩy hợp tác thương mại, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước, gặt hái được những thành quả to lớn và đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong cục diện ngoại giao chung của quốc gia.

Ngoại giao chính Đảng

Là đảng cầm quyền của Trung Quốc – giao lưu đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc có vị trí vô cùng quan trọng trong ngoại giao chung của quốc gia và có một ý nghĩa

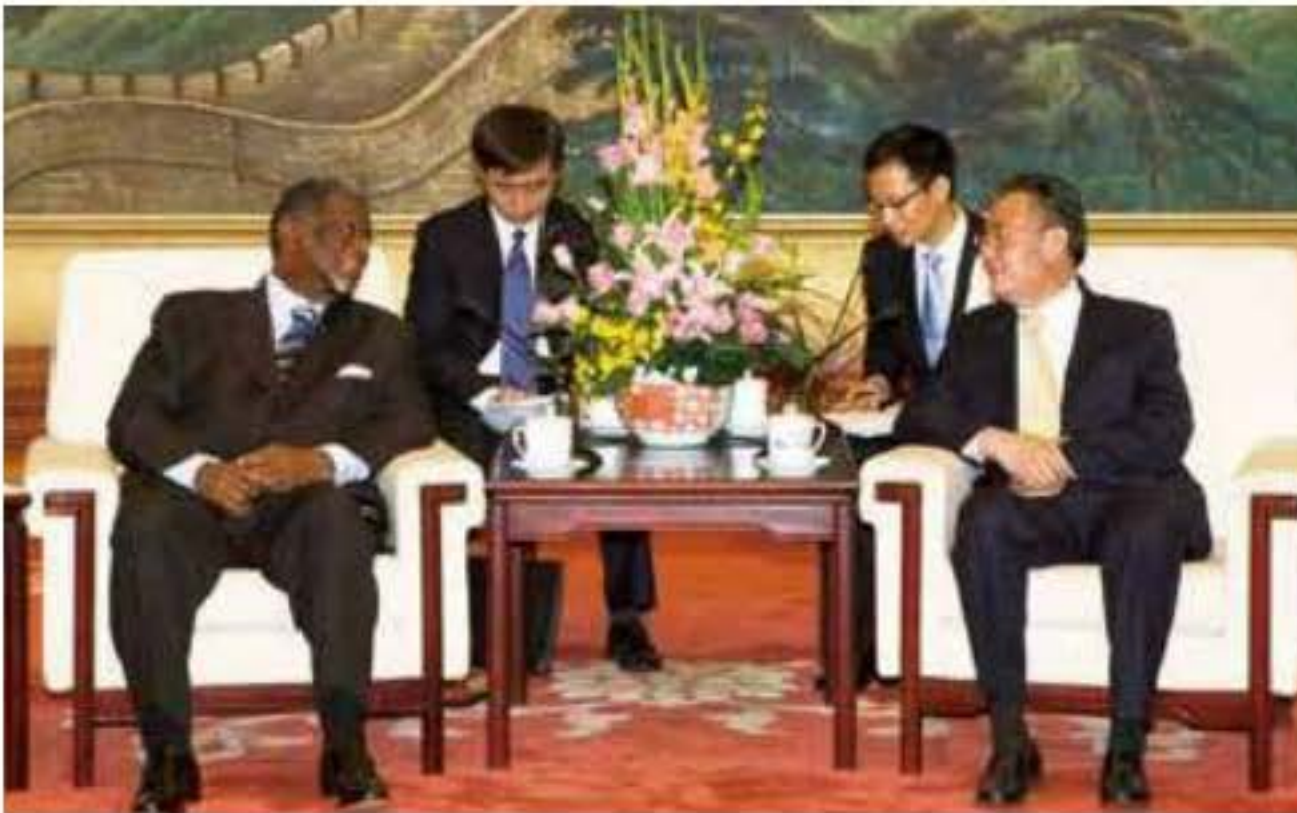
rất to lớn trong việc đẩy mạnh sự phát triển trong mối quan hệ giao lưu giữa Trung Quốc và các nước khác trên thế giới cũng như việc bảo vệ hòa bình thế giới.

Giao lưu đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc sớm được bắt đầu từ trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập. Sau khi Trung Quốc thành lập, do những ảnh hưởng của môi trường quốc tế lúc đó, đối tác trong giao lưu đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ yếu là Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân của các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa.

Năm 1982, Đại hội lần thứ 12 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm và bài học trong công tác giao lưu đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặt vấn đề giao lưu đối ngoại của Đảng vào kế hoạch toàn diện trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc, tiếp theo tách riêng quan hệ của đảng và quan hệ của quốc gia, đưa ra nguyên tắc dựa trên cơ sở độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp đến vấn đề nội bộ của nhau để phát triển mối quan hệ quốc tế giữa đảng của các nước khác. Sau đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc bắt đầu tiến hành tiếp xúc rộng rãi và tăng cường giao lưu với chính đảng của các nước khác trên thế giới. Cho đến thời điểm trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thiết lập các mối liên hệ cũng như

Tháng 6 năm 2008, Hội nghị Đối tác Nghị viện Á – Âu lần thứ 5 được tổ chức tại Bắc Kinh.





Tháng 8 năm 2009 tại Bắc Kinh, Chủ tịch Quốc hội Trung Quốc - Ngô Bang Quốc gặp gỡ Chủ tịch Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới - Gurirab.

quan hệ ở nhiều hình thức khác nhau với hơn 270 chính đảng của hơn 110 quốc gia trên thế giới.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, các lực lượng chính trị chia tách hoặc sáp nhập. Trên trường quốc tế, các chính đảng khác nhau về lập trường và chủ trương chính trị trở nên sôi động hơn. Thích nghi với sự thay đổi và phát triển của tình hình quốc tế, Đảng Cộng sản Trung Quốc thiết lập nhiều hơn nữa các mối liên hệ với nhiều chính đảng trên thế giới, đối tác giao lưu không ngừng gia tăng, các cấp bậc giao lưu cũng liên tục tăng lên, nội dung giao lưu không ngừng phong phú thêm, lĩnh vực giao lưu ngày càng được mở rộng. Đến năm 2008, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác hữu nghị dưới nhiều hình thức khác nhau với 528 chính đảng và tổ chức chính trị ở 166 quốc gia và khu vực trên thế giới. Mỗi năm, các chuyến thăm viếng lẫn nhau giữa Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc và đoàn đại biểu chính đảng của các nước khác lên đến mấy chục lần, trở thành sợi dây gắn kết quan trọng thúc đẩy tăng cường hiểu biết lẫn nhau.

Ngoài ra, Trung Quốc còn tích cực tham gia các hoạt động giao lưu đa phương giữa các chính đảng. Sau hai lần tham gia Hội nghị Quốc tế các chính đảng châu Á lần thứ nhất vào năm 2000 và lần thứ hai vào năm 2002, đến năm 2004, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đứng ra tổ chức Hội nghị Quốc tế các chính đảng châu Á lần thứ 3 tại Bắc Kinh, có 81 lãnh đạo và đại biểu các chính đảng đến từ 35 quốc gia tham dự hội nghị, qua đó đã tăng cường hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và chính đảng các nước châu Á.

Giao lưu đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã củng cố và tăng cường mối quan hệ với các chính đảng của những nước xã hội chủ nghĩa, làm phong phú và phát triển hơn nữa nội dung và hình thức trong mối quan hệ giao lưu với các chính đảng của

những nước đang phát triển, đẩy mạnh và tăng cường hơn nữa mối liên hệ với các chính đảng chủ lưu của những nước phát triển, thông qua liên hệ và giao lưu với các chính đảng ở những nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc để thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện để những nước này thực hiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

Triển khai ngoại giao phi chính phủ, tăng cường hiểu biết lẫn nhau

Ngoại giao phi chính phủ là ngoại giao giữa nhân dân các nước với nhau, khác với ngoại giao quốc tế chính thức giữa các tổ chức, lãnh đạo nhà nước, thông thường còn được gọi là ngoại giao kết bạn, cũng còn được gọi là ngoại giao giữa nhân dân với nhân dân. Ngoại giao phi chính phủ coi trọng việc tạo dựng sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa nhân dân các nước, chú trọng việc liên lạc qua lại, nhấn mạnh việc xây dựng một tình hữu nghị qua hình thức giao lưu học hỏi vượt lên trên mọi lợi ích kinh tế chính trị thực tế. Ngoại giao phi chính phủ là đường lối quan trọng thúc đẩy mối liên hệ qua lại và hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia, vị trí quan trọng này càng được thể hiện rõ nét hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tháng 9 năm 2004, Hội nghị Quốc tế các chính đảng châu Á lần thứ 3 đã được tổ chức tại Bắc Kinh.

Trong quá trình triển khai giao lưu đối ngoại, Trung Quốc luôn coi trọng ngoại giao phi chính phủ và nêu rõ, ngoại giao cần phải tập trung vào nhân dân, gửi gắm vào nhân dân và đứng vào hàng ngũ



nhân dân. Để tăng cường hiểu biết của Trung Quốc đối với thế giới, mở ra cánh cửa lớn trong quan hệ đối ngoại của Trung Quốc, không lâu sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Trung Quốc đã thành lập Đại hội nhân dân Trung Quốc bảo vệ hòa bình thế giới (đến năm 1972 được sáp nhập với Hiệp hội hữu nghị đối ngoại nhân dân Trung Quốc) và Viện Nghiên cứu đối ngoại nhân dân Trung Quốc. Để đẩy mạnh hợp tác kinh tế thương mại giữa Trung Quốc và nước ngoài, năm 1952 Trung Quốc lại thành lập Ủy ban xúc tiến thương mại Trung Quốc. Đến năm 1954, những tổ chức này đã cùng với hơn mười tổ chức phi chính phủ như Hội liên hiệp toàn quốc Trung Hoa; Hội liên hiệp phụ nữ toàn quốc v.v. thành lập Hiệp hội văn hóa đối ngoại nhân dân Trung Quốc, đến năm 1969 được đổi tên thành Hiệp hội hữu nghị đối ngoại nhân dân Trung Quốc (gọi tắt là Hiệp hội hữu nghị đối ngoại). Với tư cách một hiệp hội phi chính phủ, hiệp hội này đã luôn đẩy mạnh đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước, thúc đẩy hợp tác quốc tế, bảo vệ hòa bình thế giới, giao lưu kết bạn rộng rãi trên trường quốc tế và hình thành nên một truyền thống ngoại giao phi chính phủ.

Vào thời kỳ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới vừa thành lập, trong môi trường quốc tế đặc thù, ngoại giao phi chính phủ đã phát huy vai trò “lấy kinh tế thúc đẩy chính trị, lấy ngoại giao phi chính phủ để thúc đẩy ngoại giao chính thức của quốc gia” để tăng cường hiểu biết giữa nhân dân Trung Quốc và Nhật Bản, cải thiện mối quan hệ Trung – Nhật, thúc đẩy bình thường hóa quan hệ ngoại giao Trung – Nhật, từ đó thúc đẩy việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Chính vì vậy, ngoại giao phi chính phủ luôn có một vị trí quan trọng trong lịch sử quan hệ đối ngoại của Trung Quốc.

Sau khi cải cách mở cửa, đặc biệt là từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, là cơ quan chủ yếu trong việc triển khai các hoạt động đối ngoại phi chính phủ, Hiệp hội hữu nghị đối ngoại luôn xoay quanh đại cục trong nước và quốc tế, xác định lĩnh vực triển khai hợp tác phi chính phủ là các nước lớn như Mỹ, Nga, Nhật và Liên minh châu Âu (tập đoàn nước lớn) và các quốc gia xung quanh, sau đó coi việc triển khai rộng rãi ngoại giao phi chính phủ với các nước đang phát triển là điểm xuất phát, coi triển khai ngoại giao đa phương với các tổ chức phi chính phủ quốc tế là điểm mở rộng, cố gắng làm tốt phương châm chỉ đạo trong công tác với những nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao, từ đó tạo nên môi trường xung quanh và môi trường quốc tế tốt đẹp để thực hiện mục tiêu của công tác ngoại giao, đó là phục vụ cho việc xây dựng kinh tế trong nước của Trung Quốc. Một ví dụ điển hình là khi mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản bước vào thời điểm khó khăn, Hiệp hội hữu nghị đối ngoại đã cùng với 17 đoàn thể hữu nghị hai nước Trung – Nhật cùng tụ hội về Bắc Kinh và phát biểu “Tuyên bố hữu nghị ngoại giao phi chính phủ giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong thế kỷ mới”. Năm 2005, Hiệp hội hữu nghị đối ngoại tiếp tục tổ chức cuộc gặp gỡ tại Tokyo với sự tham gia của 60 đoàn thể hữu nghị hai nước Trung – Nhật và tuyên bố “Kêu gọi hòa bình và láng giềng hữu nghị”, trong tình hình ngoại giao cấp cao của hai nước bị gián đoạn suốt một thời kỳ, Hiệp hội hữu nghị đối ngoại đã luôn giữ vững sự ổn định trong mối quan hệ hai nước.

Hoạt động thành phố hữu nghị quốc tế là con đường chủ yếu và hình thức quan trọng trong ngoại giao phi chính phủ. Cùng với sự phát triển của tiến trình hiện đại hóa Trung Quốc, tiến trình đô thị hóa có những đột phá lớn, giao lưu đối ngoại giữa thành phố và chính quyền của các thành phố khác trở thành đường lối quan trọng để Trung Quốc hòa nhập vào xã hội quốc tế, đồng thời cũng là một trong những sợi dây gắn kết quan trọng trong việc tăng cường mối quan hệ giữa Trung Quốc và nước ngoài. Kể từ năm 1973, khi thành phố Thiên Tân của Trung Quốc đi đầu trong việc cùng với thành phố Kobe của Nhật Bản kết giao Thành phố hữu nghị, cho đến năm 2008, Trung Quốc đã thiết lập mối quan hệ thành phố hữu nghị cùng với hơn 1.500 thành phố, tỉnh, bang ở 120 nước trên thế giới. Năm 1992, Hiệp hội hữu nghị đối ngoại của Trung Quốc đã phát động thành lập Hội liên hiệp thành phố hữu nghị quốc tế, và đến năm 1999 chính thức gia nhập vào Liên minh quốc tế chính quyền địa phương. Năm 2008, Trung Quốc với tư cách là nước chủ nhà đã đứng ra tổ chức Đại hội thành phố hữu nghị quốc tế, hơn 70 đại biểu đến từ các tỉnh, thành, bang và người phụ trách Liên minh thành phố của hơn 30 quốc gia và hơn 500 đại biểu đến từ hơn 50 thành phố của Trung Quốc đã cùng tham dự đại hội này. Hợp tác giữa các thành phố phát triển theo hướng từ song phương thành đa phương, xuất phát từ hình thức giao lưu nhân viên, dần dần mở rộng khắp các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v., đã đẩy mạnh giao lưu và hợp tác giữa quốc tế và các nước trên thế giới trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật và xây dựng thành phố v.v..

Tháng 1 năm 2001, “Tuyên bố hữu nghị ngoại giao phi chính phủ giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong thế kỷ mới” được phát biểu tại Bắc Kinh.

Thành lập hiệp hội hữu nghị và đẩy mạnh hữu nghị song phương là một trong những hình thức quan trọng trong ngoại giao phi chính phủ. Vào tháng 10 năm 1949, Trung Quốc đã thành lập hiệp hội hữu nghị cấp quốc gia đầu tiên, đó là Liên đoàn Hiệp hội hữu nghị toàn quốc Trung Quốc – Liên Xô (gọi tắt là Hiệp hội hữu nghị Trung – Xô, đến năm 1992 đổi thành Hiệp hội hữu nghị Trung – Nga). Năm 1963, để thích ứng với nhu cầu triển khai công tác hữu nghị phi chính phủ Trung – Nhật, Hiệp hội hữu nghị Trung – Nhật đã được thành lập. Hai hiệp hội này đã phát huy vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mối quan hệ Trung – Xô (Nga) và Trung – Nhật. Đến năm 2008, Trung Quốc đã thành lập 42 hiệp hội hữu nghị cấp quốc gia và khu vực như Hiệp hội Trung Quốc và Liên minh châu Âu; Hiệp hội hữu nghị Trung Quốc và các nước Ả Rập; Hiệp hội Trung Quốc và ASEAN; Hiệp



hội hữu nghị Trung Quốc và Trung Á; Hiệp hội hữu nghị Trung – Mỹ v.v., ngoài ra còn thiết lập mối quan hệ hợp tác hữu nghị với 458 đoàn thể và tổ chức phi chính phủ trên 148 quốc gia, hình thành một mạng lưới ngoại giao phi chính phủ độc đáo, mang lại cho công tác ngoại giao phi chính phủ một sức sống mãnh liệt.

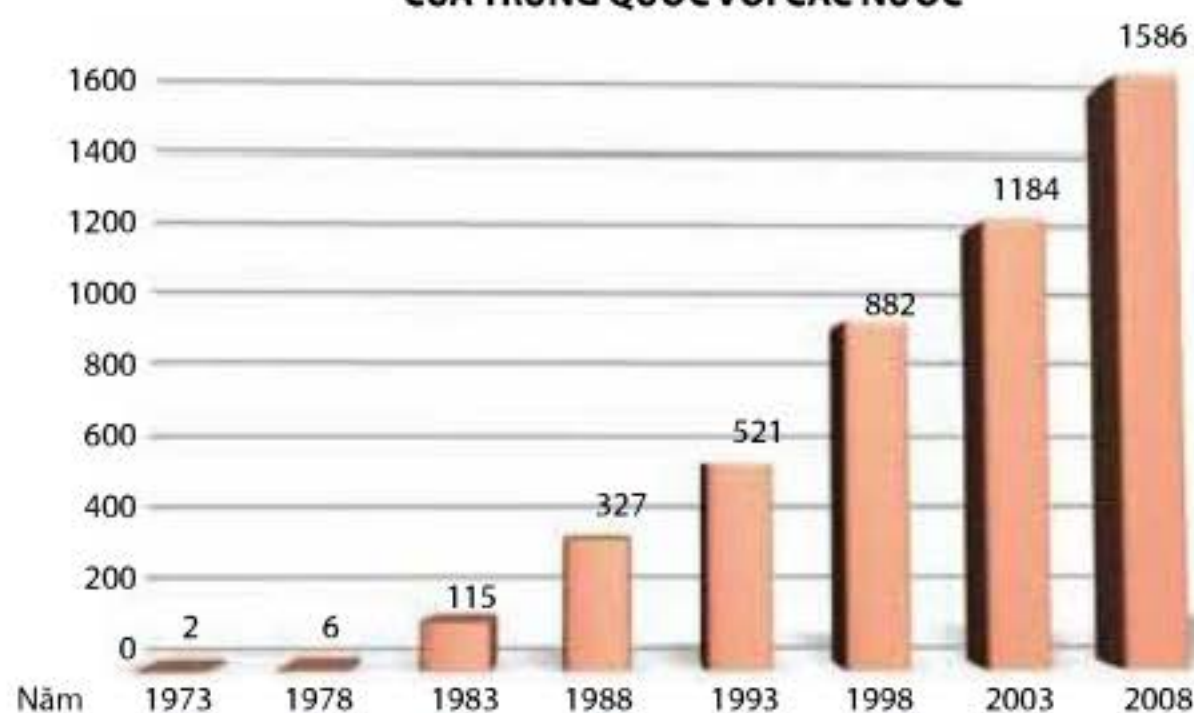
Trong lịch sử ngoại giao của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ngoại giao phi chính phủ đã phát huy vai trò không thể thay thế và chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Ngày nay, ngoại giao phi chính phủ vẫn tiếp tục phát huy vai trò, tăng cường hữu nghị giữa nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước trên thế giới, đẩy mạnh và tăng cường hợp tác giao lưu giữa Trung Quốc và các nước trên thế giới trong các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, từ đó trở thành một sự thể hiện quan trọng trong việc Trung Quốc hòa mình vào thế giới.

Tình hình quốc tế toàn cầu hóa mang lại cho ngoại giao đương đại những thử thách chưa từng có. Cùng với việc đối phó với những thử thách này, Trung Quốc cũng nhìn thấy được những cơ hội tiềm tàng trong đó, tích cực đối phó và đưa ra khái niệm “ngoại giao chung”, tức là nhấn mạnh ý thức đại cục và ý thức toàn cục trong quan hệ đối ngoại. Mà trọng tâm vẫn là để tạo dựng môi trường quốc tế và môi trường xung quanh tốt đẹp cho việc xây dựng kinh tế trong nước của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cùng nhau phát triển, và để xây dựng một thế giới hòa hợp, hòa bình bền vững, cùng nhau phồn thịnh.



Tháng 11 năm 2008, Đại hội thành phố hữu nghị quốc tế Trung Quốc được tổ chức tại Bắc Kinh.

TÌNH HÌNH KẾT GIAO THÀNH PHỐ HỮU NGHỊ CỦA TRUNG QUỐC VỚI CÁC NƯỚC



NGOẠI GIAO TRUNG QUỐC

TRƯỜNG THANH MẪN

Người dịch: ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: THI ANH - TƯỜNG MINH

Sửa bản in: BẮC KỲ - MINH KHÁNH

Trình bày: MỘNG LÀNH

Bìa: MINH HIẾU

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> - <http://www.fiditour.com>

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38256804 - Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> - <http://www.fiditour.com>

In số lượng 2.000 cuốn. Khổ 15,5 x 23 cm.

Tại: CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM

GPXB số: 79-12/CXB/60-04/THTPHCM cấp ngày 4/2/2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2012.